

THÍCH THÁI HÒA

**NHỮNG CÁNH HOA
TRÊN ĐƯỜNG**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Thăm mấy đứa con!	5
Thăm các con!	9
Ái Nguyên con!	12
Thăm các con!	17
Nguyên Thi con!	24
Liễu Tánh con!	32
Thu Cúc con!	39
Khánh Hương con!	47
Thăm chị Tâm Thụy,	54
Hằng con!	60
Quảng Vân con!	62
Nguyên Tuệ con!	68
Thăm chị Tâm Thụy	75
Tri và Khánh Trang hai con!	79
Mây Thên Thang con!	84

Nhuận Nguyên con!	93
Lời ghi cho chị Duyên	96
Lời ghi cho người học trò pháp danh chữ Lê.....	98
Thanh Tịnh con!.....	100
Viết cho đệ tử Nhuận Từ Nguyên.....	117
Lời ghi cho đệ tử Tâm Ân.....	120
Pháp thoại cho các sinh viên và học sinh nghèo, vào ngày 23-11-1997	123
Viết cho đệ tử Nhuận Thuần Nguyên	134
Viết cho đệ tử Nhuận Thiệu Nguyên	136
Thăm chị Hương Huyền	138
Anh Thái Siêu quý mến!	146
Con ơi!	152
Anh Thuần ơi,	156
Con ơi!	158
Nhuận Pháp Nguyên con ơi!	161
Thanh Hương con ơi!	166
Thanh Hương con ơi!	168

Thích Thái Hòa	3
Chị Nhuận Phổ Tịnh,	170
Xiêm Y Của Bồ Tát	171
Trí thức ba bảy hai mươi mốt	174
Mùa xuân của con người.....	178
Cùng Đi Trên Đường Vui	186
Mỗi đời người, mỗi mùi hương	190
Bản Nguyên Tâm Địa	195
Người Rũ Áo Vè, Đạo Tinh Thơm Mấy Cõi.....	196
Tùng Quãng Đời Kết Thành Chuỗi Hạt Kim Cương.....	201
CÁC TÁC PHẨM CỦA TÁC GIẢ	
ĐÃ XUẤT BẢN	214

Ngày 04-06-94

Thăm mấy đứa con!

Huế, không khí vẫn bình lặng, sự bình lặng làm cho những ai quen sống cuộc đời phóng túng phải kinh hãi và họ kinh hãi là phải lắm, vì rất ít ai có khả năng nghe được tiếng nói từ bình lặng và hiển dưng trọn vẹn cho sự bình lặng đó.

Ngày xưa, khi những vị giáo sĩ ngoại đạo tranh cãi nhau, làm cho không khí xáo động hết bình lặng, hoặc tình cờ, hoặc vì chủ đích, đức Phật đi đến giữa chúng tranh cãi ấy, thì trong chúng đó họ tự bảo nhau: “Đức Gotama đến kia kìa! Ngài là bậc an tịnh, trầm lặng, Ngài không muốn ồn ào!”. Họ nói với nhau như vậy xong, họ liền giữ sự im lặng mỗi khi gặp đức Thế Tôn.

Bởi vậy, dù ai đó có muốn đạo Phật hay không, thì trước hết, họ cũng phải chấp nhận đời sống trong đạo

Phật là đời sống an tịnh và trầm lặng.

Một sự an tịnh từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Và mấy đứa con biết không! Ai đó có đời sống an tịnh, người đó có khả năng thực hành pháp của Phật, có khả năng thấy rõ pháp và chứng ngộ Niết bàn.

Niết bàn, các con có thể tiếp xúc được ngay trong giây phút hiện tại, nếu các con có đời sống an tịnh, và đời sống an tịnh không phải là đời sống cô đơn. Vì đời sống cô đơn nó phát sinh từ cảm thọ thâm trầm của ý thức chấp ngã.

Hễ trong khi tu tập, mà các con có những cảm giác cô đơn, thì các con còn cách xa Đạo vạn dặm.

Vì thực tại không bao giờ cô đơn, chúng đang hiện hữu như là. Mấy đứa con biết không, một vị tu tập giỏi về Bốn lãnh vực quán niệm, vị ấy không bao giờ khởi lên những cảm thọ cô đơn, vì cô đơn là những ảo giác của ngã, ngã đã bắt thực thì cô đơn làm gì mà có thực, để chúng ta tự hào trong bước đường tu tập

của mình, là kẻ biết sống cô đơn!

Ý thức tu tập là ý thức sống cùng và sống với. Nếu thiếu ý thức này thì cộng đồng tu tập còn tệ hơn cả lũ ma quái ở đời.

Mấy đứa con phải học tập và thực hành thật sâu sắc để thấy rõ giá trị tuyệt đối của pháp Lục hòa trong đời sống của cộng đồng tu tập.

Trong khi tu tập, các con đừng làm cho ngã tính và ngã tướng phát triển, hễ chúng phát triển thì không có cách gì mà các con thấy rõ pháp hiện tại một cách triệt để, và không có cách gì để loại bỏ các cảm thọ thuộc về tham ái, ưu não và sợ hãi.

Trong khi tu tập, các con nhìn thật sâu sắc từng bước đi, đứng, nằm, ngồi của mình và các con phải thấy rõ và thấy thật sâu sắc trong mọi công việc giặt áo, phơi khăn, gánh nước, rửa chén bát và bếp núc của mình, các con phải thấy rõ pháp, trong từng bữa ăn của mình, để các con có thể tiếp xúc được với Niết bàn

qua những lãnh vực ấy.

Các con biết không? Làm được thân người là khó, được xuất gia là khó, nhưng không khó bằng học và hiểu Chánh pháp. Học và hiểu Chánh pháp là khó, nhưng chưa khó bằng chứng ngộ Chánh pháp. Chứng ngộ Chánh pháp là khó, nhưng chưa khó bằng đời sống trọn vẹn với Chánh pháp. Sống đời sống trọn vẹn với Chánh pháp là khó nhưng chưa khó bằng đời sống không bị mắc kẹt bởi chánh pháp và phi pháp.

Bấy nhiêu lời thăm và cho mấy đứa con, và mấy đứa con chuyển lời của Thầy đến thăm thầy Viên Minh - Và cầu mong tất cả đều an lành.

Thầy.

Huế, ngày 28-08-1994

Thăm các con!

Huế trời đã vào thu, những vãn còn kéo theo nắng hạ. Nước biển lấn hiếp sông Hương quá nhà máy nước Vạn Niên. Nước sông Hương bây giờ không còn là hương nữa, mùi vị ngọt chuyển sang mùi vị mặn, cái mặn không đậm đà như nước biển mà cái mặn rất mất bình thường của đất trời xứ Huế.

Ừ, giữ cho được cái vị ngọt và mặn của sông và biển, điều đó cũng không dễ dàng phải không các con?

Các con! Sông và biển muốn giữ cho được cái nguyên vị của mình, nhưng mặt trời, mặt trăng và con người không đồng tình thì cái muốn của biển và sông cũng khó lòng thành tựu.

Nếu giả như, sông biển không giữ được nguyên vị của nó thì nó trách móc ai bây giờ? Và nếu như biển sông có trách móc thì cũng chẳng có lợi gì cho nó,

chẳng có an lạc gì cho nó. Nếu sông và biển mà thông minh thì sông và biển không có trách móc mặt trời, mặt trăng, con người, mà sông biển chỉ mỉm cười khi chúng bị hay được pha vị. Vì sông biển biết rằng, giữa đời này có gì yên vị đâu mà trách móc.

Ừ, chúng ta tu học cũng vậy, nếu chúng ta có quán chiếu sâu sắc thì chúng ta chỉ mỉm cười khi nhìn thấy mọi vật tự nó đang từ bỏ cái nguyên vị của nó. Và chúng ta cũng mỉm cười một cách sâu xa khi nhìn thấy những nhà đạt đạo đang từ bỏ pháp tu của họ.

Vì sao? Vì nếu là một nhà tu tập có chứng ngộ, mà không từ bỏ pháp tu của mình một cách thông dong tự tại, thì lấy gì để chứng minh đó là một nhà có chứng ngộ về pháp.

Bởi vậy, Kinh nói: “Pháp còn phải buông xả, huống nữa là phi pháp”.

Các con! Nếu đang tu tập mà buông bỏ pháp thì rất nguy hiểm, nhưng khi đã đạt ngộ mà chấp thủ pháp thì lại là một điều nguy hiểm hơn.

Vậy khi tu tập, Thầy chỉ mong các con tùy phương mà cởi mở, để các con ở đâu, ở với ai cũng đều có hạnh phúc, an lạc.

Thầy kính gửi lời thăm Sư Viên Minh.

Cầu nguyện tất cả an lành.

Thầy.

Huế, ngày 01-11-1994

Ái Nguyên con!

Thầy nhận được thư con do đệ tử Quảng An trao lại, trong ngày thực tập chánh niệm của lớp, tại Thiên Thai Lâm (chùa Thiên Tôn) vào ngày 26 - 09 - Giáp Tuất.

Đọc thư, thương con nhiều, Thầy rất hãnh diện vì đã có những đứa học trò như con, có bản lĩnh, hiểu học, hiểu đạo và ngoan đạo.

Thầy thông cảm cho hoàn cảnh của con cũng như của gia đình con nhiều - Và khuyên con hãy xem tất cả những cay đắng trong đời, là những liều thuốc bổ, quý giá làm phát sinh sự sống màu nhiệm, can đảm và đi lên.

Con biết không? Sống trên đời, tất cả đều là đất đá rẻ mặt, cái rẻ mặt vô hồn. Nhưng khinh thường đất đá rẻ mặt ấy, thì cái cao quý ở trong đời không do đâu mà có được, và khinh thường những cái vô hồn ấy, thì con người cũng khó mà sống cho ra hồn!

Cái hồn của đất đá, nó phải gắn liền với cái hồn của con người. Nếu hồn con người vờ vĩnh, thì hồn của đất đá cũng vờ vĩnh như vậy.

Đất đá, nó có ý nghĩa là khi nào, nó có ý thức về nó, nó nhận thức nó như là. Con người sống trên đời cũng vậy, nếu là đời sống có ý nghĩa, khi nào con người ý thức rõ về tự thân mình đang là gì.

Thầy đọc thư và các bài viết của con, Thầy thấy rằng, con là một trong những học trò của Thầy, đang có ý thức rõ về cái như là của mình. Do đó, Thầy rất vui, và hằng mong con tiếp tục nuôi dưỡng ý thức như là ấy của mình, để thấy rõ thế giới con đang sống, bước chân con đang đi, những việc con đang làm và đích điếm con đang hướng tới.

Ái Nguyên con! Con có lần nào đọc kinh Pháp Hoa chưa? Nếu chưa thì con sẽ đọc tụng kinh ấy đi, con sẽ thấy, tất cả chư Phật đều sinh ra từ biển đời sinh tử, nhưng các Ngài chỉ khác chúng sanh chăng, là sống giữa sanh tử mà vô nhiễm, còn hết thầy chúng sanh đều sống trong sự trói nhiễm, với ý thức mù tối.

Bởi vậy, con biết không? Kinh đó lấy hoa sen mà ví dụ cho Phật và pháp của Phật. Hoa sen ở trong bùn mà vẫn vô nhiễm, cũng vậy Phật Pháp ở trong đời mà vẫn hằng thanh tịnh.

Nếu con đọc tụng kinh Pháp Hoa phẩm Tùng địa đồng xuất, con thấy các vị Bồ tát đều sinh ra từ lòng đất, các Ngài đều có tình thương, trí tuệ và hạnh nguyện rộng lớn.

Mỗi Ngài, Ngài nào cũng có thượng hạnh - vô biên hạnh - tịnh hạnh và an lập hạnh.

Thượng hạnh là hạnh nguyện tối thượng, đó là hạnh nguyện, trên hết là cầu mong thành đạt trí tuệ chơn thật và dưới là hạnh nguyện cứu độ chúng sanh.

Vô biên hạnh là hạnh nguyện không bị hạn chế bởi không gian và thời gian, không bị hạn chế bởi con người và chúng sanh, không bị hạn chế bởi kiến thức và văn hóa, phong tục tập quán và trình độ của hết thảy chúng sanh.

Vì không bị hạn chế, nên trong bất cứ thời gian nào, không gian nào, hoàn cảnh nào, với ai, với loài nào, các Ngài đều sống thích ứng và thích ứng một cách cao đẹp và có lợi ích.

Tịnh hạnh là đời sống hoàn toàn trong sạch, vô nhiễm, không lay động bởi khen chê, thị phi, thăng, trầm, vinh nhục - và chính nhờ có đời sống không lay chuyển như vậy, mới có thể thành tựu đời sống tịnh hạnh.

An lập hạnh - chính nhờ từ lòng đất mà sống dậy, mà có tâm chí tối thượng, mà có hành động vô biên và có đời sống đơn giản trong sạch, các vị Bồ tát mới có thể, có hạnh nguyện thiết lập đời sống hạnh phúc - an lạc cho hết thảy chúng sanh.

Con thấy không? Đất đá rất ư là màu nhiệm, nếu tất cả đều biết quay về tự thấy và thấy rõ tự thân, thì tức khắc trong giây phút ấy, có thể thấy rõ vô biên thế giới, và tức khắc trong giây phút ấy, đất đá cũng trở thành thượng hạnh, vô biên hạnh, tịnh hạnh và an lập hạnh.

Nếu con người không thiết lập sự an lạc từ đất đá, mà thiết lập từ những ảo vọng thì sẽ thất vọng và khổ đau.

Bài con viết cho nội san Chánh Niệm, Thầy đã đọc kỹ và có đề cho bài con nói về đá là “Thấy rõ tự thân”. Còn hai bài sau con chọn đề như vậy là được rồi. Con hãy cố gắng và hãy viết mỗi ngày, không có gì cũng viết, cũng viết cái không có gì, để cái không có gì đó, không còn là cái không có gì nữa, mà nó đã trở thành có, nó luôn có, chính trong sự sống của con.

Cầu mong con khỏe để học tập và phụng sự.

Thầy.

Huế, ngày 08 - 03 - 1995

Thăm các con!

Thầy đã nhận thư của Liễu Tánh mấy hôm, nay mới có thư hồi âm cho các con đây.

Huế, năm nay khí hậu không bình thường, trời lạnh rét kéo dài, mặt trời quên dậy, để cõi đời băng giá cho vui!

Tuy vậy, cây tùng trước sân chùa vẫn xanh lá. Nó không ngại gì nắng, chẳng kể gì mưa và ngay cả giông tố bão bùng đối với nó cũng chẳng hề hấn gì.

Mấy đứa con biết không? Cây tùng ấy là do bàn tay của một vị Thiền sư vô danh trồng xuống đất và chăm sóc buổi đầu, rồi sau đó vị thiền sư ấy, đi hành hóa xa và rất xa.

Vị ấy không còn để ý gì cây tùng, mặc phó cho tùng sống giữa nắng mưa bốn mùa.

Tùng lớn lên không biết rằng ai đã trồng và chăm sóc mình ngày ấy, và nó cũng chẳng cần băn khoăn đến điều ấy để làm gì!

Vì nó đã tự nhận ra rằng, người trồng nó là để mà trồng, trồng một cách tinh tảo, không thiên tư. Và nó hiện hữu là để hiện hữu của tùng mà không hiện hữu của mai. Nó hiện hữu là để hiện hữu đúng vóc dáng, hình hài và thiên chức của nó.

Nhờ tùng nhận ra điều ấy, nên bốn mùa tùng vẫn hăng xanh lá, không hề đổi sắc, mặc nắng mưa hành hạ, xát chà.

Và nhờ tùng có đời sống không bon chen theo thời tiết, nên thời tiết bốn mùa đã cùng với tùng làm nên màu xanh không đoạn tuyệt.

Tùng đã trở thành chỗ nương tựa của sương, ẩn mình của nắng và chỗ đùa reo của gió.

Tùng là vậy đó! Thầy hằng mong đời sống tu tập của các con thường xanh tươi bất tuyệt như đời sống của tùng.

Chắc khi đọc đoạn thư này, có thể một trong những học trò của Thầy sẽ nói: “Con không muốn làm cây tùng, con muốn làm người thôi! Hoặc con muốn chứng Thánh quả A-la-hán thôi! Hoặc con muốn kiến tánh thành Phật thôi!”

Đúng! Con muốn làm gì và thành gì thì tùy con, không ai có quyền bắt buộc con là phải thế này, hay phải thế kia. Con phải có khả năng vạch cho mình một lối đi, một cách sống. Con không phải là cái máy, con là một thực thể sống động, có suy tư, có chiều sâu của tâm linh. Con có thể trở thành bất cứ cái gì, nếu con muốn!

Có thể con không muốn làm tùng, vì do con khiêm tốn, tự thấy rằng, con không đủ sức đứng vững chãi như tùng, trước sự thay đổi của thời tiết bốn mùa.

Hoặc con không muốn làm tùng, vì con tự thấy rằng, mình có nhiều ưu việt hơn cả nó nữa, nên mắc gì mà làm tùng, cần phải làm cái gì cao xa hơn tùng!

Không những vậy, một đôi khi con muốn sống như loài có tri giác mà không bị mắc kẹt bởi những tri giác ấy. Hoặc con muốn sống như những loài có tư tưởng, nhưng không bị mắc kẹt vào những tư tưởng ấy. Hoặc con muốn sống đời sống như một vị có Giới hành, có Pháp hành, nhưng không hề bị mắc kẹt vào những gì đang hành ấy...

Tất cả những cái muốn đó, con đều có thể, nhưng sự thật chúng có thể xảy ra cho con, khi con có khả năng thấy rõ nhân duyên và nuôi dưỡng những nhân duyên nào liên hệ đối với chúng.

Riêng Thầy, Thầy thấy rằng, suốt cuộc đời tu tập, nếu mình có bao nhiêu định lực mà đem so với định lực của cây tùng do vị thiền sư vô danh trồng trước sân chùa ngày ấy, thì cũng chẳng thấm vào đâu cả.

Các con biết không? Đã có bao nhiêu sự thăng trầm, thay ngôi, đổi chủ giữa cuộc đời mà cây tùng hôm trước vẫn còn xanh!

Các con biết!

Hôm 27-01-Át Hợi, Thầy đã đưa gần 100 thiền sinh về Hoài Nguyên Lâm ở Thừa Lưu để thực tập chánh niệm.

Trong khi thực tập, có những thiền sinh trú tâm vào hơi thở, nhưng cũng có những vị trú tâm vào bốn oai nghi, hoặc có vị trú tâm vào cách nhìn đối tượng, cách nghe đối tượng, cách tiếp xúc đối tượng.

Hoặc có vị để tâm theo dõi các cảm thọ xảy ra từng phần và toàn phần ở trên thân; hoặc các tư niệm đang có mặt ở trên tâm; hoặc có vị ngồi yên lặng theo dõi hơi thở và niệm Phật - theo từng hơi thở vào ra ấy.

Sau khi thực tập một ngày như vậy, các thiền sinh nói rằng: “Nhờ có thực tập chánh niệm mà họ có khả năng thấy rõ hơi thở, tâm tướng, bản thân cùng sự liên hệ các pháp”.

Họ bảo với nhau rằng: “Ngày chánh niệm là ngày sống thật giản dị, nhưng sâu sắc và có ý nghĩa nhất”.

Đúng như vậy đó các con!

Đời sống Đạo giản dị đến nỗi khi ăn biết rõ mình ăn, khi uống biết rõ mình uống, khi đi biết rõ mình đi, khi đứng biết rõ mình đứng, khi ngồi biết rõ mình ngồi... Khi mình đang có bất cứ hành động nào, thì biết rõ và tỉnh táo trong hành động ấy, biết tự thân của chúng “như là”.

Đời sống Đạo đơn giản đến vậy đó! Thế mà ở trên đời này, bao nhiêu người muốn làm những công việc đời non, lập biển, nhưng không chịu biết mình là gì. Mình mà chưa làm công việc biết mình là gì, thì đừng hòng mong gì biết được người; mình mà không biết rõ chuyện của mình, thì đừng hòng mong biết rõ chuyện của người. Và, đừng mong gì biết rõ Đạo. Đạo đã không rõ thì mong gì đến “kiến tánh thành Phật”.

Nhưng, muốn biết rõ mình và sống ít gây phiền muộn đến kẻ khác, không cách gì hơn là tập sống đời sống đơn giản, đời sống của Đạo.

Nơi nào có đơn giản, nơi đó có đời sống ít bị trói buộc. Hễ bị trói buộc thì không phải đạo Phật.

Vậy, Thầy mong các con thấy và biết rõ các con trong tất cả những động tác của mình và các con thể hiện Giới - Định - Tuệ trong từng động tác ấy, để các con không phải chỉ là cây tùng biểu tượng mà là một cây tùng có đời sống đích thực của giác ngộ.

Thầy.

Huế, ngày 10-04-1995

Nguyễn Thi con!

Hôm qua, Thầy đưa các thiền sinh về thực tập tại núi Thúy Vân (Túy Vân). Sau giờ thực tập xong, Phương Chi trao thư của con cho Thầy.

Đọc thư, Thầy quý tâm hồn của những đứa học trò như con và rất thương những đứa học trò ấy.

Con ơi! “Gió bụi” không nổi lên ven đường, mà nó nổi lên ngay giữa lòng cuộc sống. Nếu gió bụi nổi lên ven đường thì con mà mọi người có thể tránh được. Nhưng gió bụi nổi lên giữa lòng cuộc đời, thì giữa đời này có mấy ai tránh được gió bụi hời con!

Gió bụi đã nổi lên trong dòng sống của Thúy Kiều, khiến Thúy Kiều đã trôi nổi và hứng chịu mười lăm năm cay đắng, phũ phàng. Thúy Kiều lúc đó chưa biết học tập giáo lý đạo Phật, nên cô ta đã hành xử theo đạo hiếu thường tình. Cô ta đã bị gió cuốn hút

mười lăm năm mịt mù thăm thẳm.

Trong mười lăm năm ấy, Thúy Kiều đã sống như một xác chết vô hồn. Cô nhiều lần đã có ý định tự tử, và có lần cô đã nhảy sông Tiền Đường, nhưng rất may cho Thúy Kiều, cô ta đã được sư cô Giác Duyên cứu khỏi chết và sau đó hướng dẫn Phật Pháp cho Thúy Kiều. Nhờ vậy mà Thúy Kiều sống những ngày còn lại rất có ý nghĩa.

Nguyên Thi con!

Con không phải là Thúy Kiều. Con là con kia mà! Con có phước đức hơn Thúy Kiều nhiều. Con đã được Ba Mẹ con cho đi chùa và cho học tập Phật pháp từ nhỏ. Con đã biết ăn chay và biết thực tập chánh niệm. Con đã thấy rõ thế nào là gió bụi. Nay gió bụi đã nổi lên thực sự trong đời sống của con. Nó đã cuốn hút con và gia đình con, tung tán mỗi người một ngã. Gió bụi nổi lên và cuốn hút để làm gì vậy? Là để cho con và Ba Mẹ con chứng nghiệm giá trị đích thực của cuộc đời.

Con biết không?

Không phải chỉ riêng con mới nổi lên gió bụi, mà các bạn của con cũng đã có lần nổi lên gió bụi. Không phải chỉ có Ba Me con mới nổi lên gió bụi, mà các chú thím, cô dì của con cũng đã có lần nổi lên gió bụi. Con ơi! Hết thầy loài người, không ai là không một lần nổi lên gió bụi, vì cõi này là cõi của gió bụi mà!

Gió bụi, thì ai cũng có một lần nổi lên, nhưng bị gió bụi cuốn hút lâu hay mau, và cuốn hút bằng cách nào, thì tùy theo nhân duyên và nghiệp cảm của từng người.

Có những người trong đời sống của họ, gió bụi chỉ nổi lên thoáng chốc rồi lặng xuống. Có những người gió bụi nổi lên từng hồi, từng chập. Nhưng cũng có những người trong đời sống của họ, gió bụi nổi lên dài dài. Nghĩa là trời vẫn thanh, gió vẫn lặng mà họ vẫn bị gió bụi của nghiệp cuốn hút mịt mù, họ bị quờ quạng, họ nào có thấy ngõ ngách để đi, họ đã bị gió bụi trói buộc và trong cuộc sống họ đã đánh mất chính họ.

Trong thư con viết cho Thầy, con kể rằng, có mấy đứa bạn của con ở Hà Nội đã hỏi con “Nguyễn Thi theo đạo Phật để làm gì?”, và con đã trả lời cho bạn con rằng: “Nếu không có đạo Phật thì tôi không còn tồn tại cho đến bây giờ”.

Con biết không? Người đặt câu hỏi như vậy là chứng tỏ, trong đời sống của họ, gió bụi chưa một lần lắng trong. Và, con đã trả lời với họ như vậy, chứng tỏ rằng, con đã chứng nghiệm được gió bụi, con có khả năng làm lắng trong gió bụi trong đời sống của con và con sẽ không còn bị gió bụi cuốn hút nữa. Con có khả năng chuyển hóa những gió bụi đó. Con hãy cảm ơn gió bụi, vì chính nó là điều kiện để cho con rèn luyện và nuôi dưỡng tâm chí hướng thượng.

Nguyễn Thi con!

Nếu ngày mai có ai hỏi con, tại sao bạn theo đạo Phật? Con hãy trả lời họ rằng: sở dĩ tôi theo đạo Phật là vì đạo Phật dạy cho tôi thấy rõ gió bụi của đời tôi và đã dạy cho tôi những phương pháp làm ngưng

lắng gió bụi ấy, để tôi sống đời bình an ngay trong cuộc đời.

Con biết không? Giữa đời, gió bụi ở đâu và lúc nào mà không có. Nhưng, gió bụi ở trong lòng mình mà không có, thì gió bụi giữa cuộc đời đâu có ngại chi.

Chiều hôm qua, Thầy đưa các thiền sinh đến Hàm Rồng ở núi Linh Thái, cách núi Thúy Vân ba cây số, để thực hành thiền đàm.

Ở nơi đây, những tảng đá lớn nổi lên và nằm bất động giữa sóng biển ngày đêm gầm thét. Không biết sóng biển ngày đêm gầm thét để làm gì, mà âm thanh có lúc uy hùng, có lúc kinh dị, có lúc êm dịu vỗ về, mon trón, nhưng cũng có khi bốn cọt vô chừng. Nhưng, con ơi! Đá ngàn đời vẫn nằm im bất động, mặc cho sóng biển ngày đêm biểu hiện đủ trò.

Cũng vậy đó con!

Nếu sống giữa đời mà con không học tập hạnh bất động của đá, thì trong đời sống của con, hoặc bị sóng

đời làm cho kinh dị, hoặc bị sóng đời dờ trò môn trớn, hoặc giễu cợt, để rồi bị nó cuốn hút mất tiêu.

Nếu con không học tập hạnh của đất đá thì khi tiếp xúc với cuộc đời, con không làm sao tránh khỏi các cảm thọ vui buồn. Vui thì dẫn đến lạc quan. Buồn thì dẫn đến bi quan. Dù lạc quan hay bi quan, rốt cuộc rồi cũng bị “cuốn theo chiều gió”.

Con biết không? Hạnh của đá là bất động trước bất cứ những gì do sóng đời đem lại.

Cũng vậy, người học hạnh của đá, người đó không bị chi phối bởi các cảm thọ vui và buồn do lạc quan hay bi quan đưa lại. Vì sao? Vì sẵn đuổi lạc quan, thì cũng bị lạc quan cuốn hút, để đưa vào cõi chơi bắt đuổi, như vó ngựa đuổi bắt sóng nắng giữa trưa hè. Hay từ bỏ lạc quan để trở về với bi quan, thì cũng bị bi quan gặm nhấm và tiêu khô, rồi vùi chôn giữa cõi đời sâu muện.

Con biết không?

Đạo Phật nào có dạy cho ai lạc quan hay bi quan, mà chỉ dạy cho con người thấy rõ, thấy chính xác những gì do lạc quan và bi quan ấy đem lại. Đạo Phật không dạy cho con người lạc quan hay bi quan, mà dạy cho con người hãy bất động trước những lạc quan và bi quan ấy. Đạo Phật không dạy cho con người lạc quan hay bi quan, mà dạy cho con người hãy vượt qua những gì do lạc quan và bi quan ấy đem lại.

Nguyên Thi con!

Sống ở đâu mà con không bị cuốn hút bởi gió bụi lạc quan hay bi quan thì ở đó con có đời sống bình ổn và thomộng. Ở đó con có đời sống mang chất liệu của Huế.

Con biết không?

Chán chi người, hiện nay đang ở trên đất Huế, đang ăn cơm và uống nước Huế, đang nói giọng Huế, mà tâm hồn và đời sống của họ chẳng có Huế chút nào. Chất liệu của Huế đã chết trong đời sống của họ. Và cũng chán chi người, không sinh ra từ Huế, và chính

họ cũng chưa biết Huế là gì, nhưng họ lại có đời sống rất Huế. Nhưng, con ơi! Huế chỉ là danh từ giả định mà thôi!

Sống ở đâu mà con người không bị các cảm thọ lạc quan và bi quan chi phối, không bị cuốn hút bởi đời sống xô bồ, giành giật và vọng ngoại, thì ở đó là mảnh đất có chất liệu tâm linh. Mảnh đất ấy, Thầy trò mình đã nhờ đức Phật chỉ bày mới khám phá ra, và đã biết gieo xuống trên mảnh đất ấy những hạt giống lành; hằng ngày, Thầy trò mình đang nuôi dưỡng và vun quén những hạt giống lành ấy để cho những hạt giống lành ấy đơm hoa kết trái và tỏa hương thơm cho đời.

Thầy rất mong những học trò của Thầy thường hiểu và thường hành như vậy, để mọi không gian đều là không gian hạnh phúc, để mọi thời gian đều là thời gian an lạc.

Thầy.

Huế, ngày 01-06-1995

Liều Tánh con!

Huế trời vào hạ, màu xanh không còn nỡn nà như ngày ấy. Sinh hoạt của con người ở đây, phần nhiều bị cuốn hút theo gió bụi.

Hiếm lắm, mới có thể gặp một vài người chịu ngồi yên lắng để ngắm trăng lên, hay nhìn dòng sông Hương chảy, hoặc ngắm nghía lại thân tâm của mình một cách có ý nghĩa.

Ngày nay con người đa phần chạy đua để kiếm tìm lợi lộc qua ảo ảnh của ngã. Họ bành trướng bản ngã dưới nhiều ngõ ngách và ai cũng có lý luận cho sự bành trướng đó.

Ngày xưa, chùa là nơi yên tĩnh để cho những ai muốn tu tập thực nghiệm đời sống vô ngã. Nhưng, ngày nay ý nghĩa nguyên thủy ấy, đã không được nhiều người chịu khó hiểu và hành một cách đúng đắn.

Con người ngày nay, rất hiếm khi họ biết dừng lại những gì đáng dừng: họ cứ săn đuổi theo lòng tham của họ và họ đã có ảo tưởng rằng vật chất sẽ giải quyết tất cả, vật chất làm nên tất cả. Và họ đã dâng hiến hết thảy cuộc đời cho vật chất.

Nhưng, họ đâu có biết rằng: chính vật chất làm nên tất cả, thì cũng chính vật chất tàn phá tất cả. Chính vật chất làm nên hạnh phúc, thì cũng chính vật chất tàn phá hết thảy hạnh phúc. Chính vật chất làm nên nhân nghĩa, và rồi cũng chính vật chất tàn phá hết nhân nghĩa. Cái lợi và cái nguy của vật chất là vậy đó con ơi!

Con biết không? Hạnh phúc chỉ xảy ra với ai có một đời sống đơn giản. Hễ ai đó mà sống không đơn giản, thì hạnh phúc vụt tắt và mọi sự rắc rối phức tạp, phiền muộn tức thì hiện hữu.

Ngày xưa, đức Phật sống thật đơn giản. Ngài đơn giản đến nỗi không cất chứa bất cứ một thứ gì ở trên đời, ngay cả một ý niệm về ngã.

Sở dĩ, đức Phật không cất chứa bất cứ một thứ gì, vì Ngài đã thấy rất rõ rằng: Hễ cất chứa tài sản thì bị tài sản làm cho rắc rối và trở ngại. Hễ cất chứa địa vị, danh vọng thì bị địa vị danh vọng làm cho rắc rối, trở ngại. Hễ cất chứa kiến thức, thì bị kiến thức làm cho rắc rối và trở ngại. Hễ cất chứa ý niệm về ngã, thì bị ý niệm ấy làm cho rắc rối, trở ngại.

Vậy, không cất chứa bất cứ một thứ gì, thì không bị bất cứ một thứ gì làm cho rắc rối và trở ngại cả.

Con biết không? Cất chứa tư tưởng còn nguy hiểm hơn cất chứa các kho vũ khí hạt nhân.

Ở trên đời, có nhiều người cất chứa vũ khí hạt nhân, nhưng cũng có lắm người cất chứa tư tưởng.

Và cũng có lắm người cho rằng: tư tưởng sẽ giải quyết tất cả. Tư tưởng làm nên tất cả. Và họ đã hiến dâng hết cả cuộc đời cho tư tưởng.

Nhưng, những người này họ đâu có biết rằng: Chính tư tưởng làm nên tất cả, và cũng chính tư tưởng tàn phá tất cả.

Chính tư tưởng làm nên hạnh phúc, thì cũng chính tư tưởng tàn phá hạnh phúc. Chính tư tưởng làm nên đạo lý con người, thì cũng chính tư tưởng tàn phá hết thảy đạo lý con người.

Chính cái lợi và cái nguy của tư tưởng là vậy đó con ơi!

Con biết không? Một vị tu tập giỏi, vị đó không săn đuổi vật chất đã đành, mà vị đó còn không săn đuổi tư tưởng. Vị đó không cất chứa vật chất đã đành, mà vị đó còn không cất chứa tư tưởng nữa. Vị đó tìm đủ mọi cách làm cho tư tưởng vắng lặng, và một khi tư tưởng đã vắng lặng hoàn toàn, vị ấy tự biết:

“*Khīnajāti, vusitaṃ brahma – cariyaṃ, kataiṃ karanīyaṃ, nāpāraṃ itthattāyati.*”

Nghĩa là: “Tái sinh đã hết, phạm hạnh đã thành, điều đáng làm đã làm xong, đời sau không còn tiếp diễn nữa.”

Như vậy, một vị tu tập giỏi, vị đó không phải là người giảng pháp hay, không phải là người có kiến

thức uyên bác về Phật pháp, lại càng không phải vị đó có nhiều phép lạ, mà chính vị đó có khả năng chứng nghiệm Phật pháp trong giây phút hiện tại.

Khi một vị tu tập giỏi, có khả năng chứng nghiệm triệt để về Diệt thánh đế, vị ấy tự biết: “Ngã sanh dĩ tận: Sự tái sanh của tôi đã chấm dứt”.

Vị ấy có khả năng chứng nghiệm triệt để về Đạo thánh đế, liền tự biết: “Phạm hạnh dĩ lập: Đời sống phạm hạnh đã được thiết lập”.

Vị ấy có khả năng chứng nghiệm triệt để về Tập thánh đế, liền tự biết: “Sở tác dĩ biện: Điều đáng làm đã làm xong”.

Và vị ấy có khả năng chứng ngộ triệt để về Khổ thánh đế, liền tự biết: “Bất thọ hậu hữu: Không thọ nhận sự hiện hữu tiếp tục”.

Con biết không? Người nào tu tập giỏi, người đó có tự do, một sự tự do giữa sanh và tử. Người đó không bị đến, mà đến một cách tự do; người đó không bị đi,

mà đi một cách tự do; người đó không bị sống, mà sống một cách tự do; người đó không bị chết, mà chết một cách tự do.

Tất cả những sự tự do ấy, nó phải có gốc rễ từ sự không cất chứa bất cứ một thứ gì. Và nó phải bắt nguồn từ sự an tịnh của tư tưởng. Ai có sự an tịnh của tư tưởng, thì người đó có tự do và ai không có sự an tịnh của tư tưởng thì người đó mất tự do.

Do đó, tự do đồng nghĩa với an tịnh, và sự an tịnh đồng nghĩa với sự lắng trong tâm ý.

Sự tự do ấy, con có thể chứng nghiệm được, nếu con thực tập hạnh xả ly một cách triệt để.

Giữa đời này, không ai có thể trói buộc mình, nếu mình không tự trói; không ai có thể tự giải thoát cho chính mình, nếu mình không tự giải; và không ai có thể làm cho mình phiền muộn, nếu tự mình luôn luôn thấy rằng, cuộc đời chẳng có gì để cho ta đáng phiền. Chân lý là vậy. Xưa không tăng, thì nay không giảm.

Con cố gắng quán chiếu để thật sự có nghị lực và thật sự có khả năng sống vui và đẹp.

Ngày chủ nhật Thanh Dung lên thăm và trao thư con cho Thầy. Thanh Dung, Khánh Hương, Phương Chi, Phương Thư và các dì của con đều khỏe, tất cả đều có niềm vui trong cuộc sống.

Tất cả đều có thì giờ để ngắm trăng lên, để nhìn dòng Hương chảy và rất có khả năng quán chiếu tự thân.

Thầy không hề nhận được thư con từ Hiếu. Cách đó vài tuần Hiếu có lên chùa thăm Thầy, nhưng không gặp vì Thầy đi dạy ở Từ Hiếu.

Thầy gửi lời thăm Thanh Hương và Giang.

Cầu nguyện Tam bảo gia hộ các con sống trong sự thanh thoi và an lạc.

Thầy.

Huế, ngày 08-09-1995

Thu Cúc con!

Hơn bốn năm con xa Huế, xa Thầy, xa bạn bè lớp học, để rồi với lý tưởng, với kinh nghiệm của học đường, với bàn tay non và đầy nhiệt huyết, con đã bước chân vào đời, đối mặt với cuộc đời, con đã chứng kiến bao nhiêu hạng loại trên đời và chắc chắn trường đời đã làm cho con già dặn và có nhiều kinh nghiệm thực tế - trong đó có những kinh nghiệm lắm lúc con phải trả giá rất đắt, đến nỗi có khi phải trầy da phỏng trán phải không con?

Chưa đâu! Cuộc hành trình của con còn dài và dài lắm, những cạm bẫy giữa cuộc đời không chừa một ai đâu con ơi!

Tuy vậy, nhưng con đừng rụt rè, e ngại, đừng chán ngán vì nếu con rụt rè e ngại hay chán ngán, thì con đâu phải là đứa học trò của Thầy. Vì sao? Vì Thầy chưa dạy cho một ai rụt rè hay chán ngán đối với

cuộc đời cả.

Thầy đã từng dạy các con rằng, là phải thấy rõ bản chất của cuộc đời và luôn luôn hành xử trong sự tỉnh táo đối với nó.

Nếu con có tỉnh táo trong cách nhìn, cách suy tư, cách hành động, cách tiếp xúc thì không những, những cạm bẫy ở đời không bẫy được con mà con còn tháo gỡ nó và bước đi những bước thật an toàn, thật thanh thoi nữa.

Trước những khó khăn, những cám dỗ tầm thường, con có thể vượt qua nó một cách dễ dàng, nếu chính trong bản thân con có Đạo tính và biết thể hiện Đạo tính ấy.

Đạo tính là gì? Đó là tính tỉnh thức, tính giác ngộ, con phải khơi mở tính ấy trong từng hơi thở của con, từng bước đi, từng cử chỉ tiếp xúc của con thì không có gì giữa đời này đáng để cho con lo âu, e ngại hay chán ngán.

Con biết không? Ngày 09 tháng 04 năm 1995, Thầy đã đưa hơn 180 thiền sinh về thực tập tại Thúy Vân và Hàm Rồng, ở nơi đây các thiền sinh đã thiền đàm với thiền án “Trong đời sống của bạn cái gì là nguy hiểm?”

Có thiền sinh trả lời rằng: ‘Im lặng là nguy hiểm’, có thiền sinh trả lời rằng “Im lặng hoặc nói không đúng lúc là nguy hiểm”. Rồi lại có một thiền sinh trả lời rằng “Sống với tâm ý vọng niệm là nguy hiểm”.

Vị thiền sinh sau cùng có lý, vì đúng như vậy, bất cứ sống ở đâu, giữa đông người hay ít người, giữa những người tầm thường - hay giữa những người sang trọng mà mình có tâm ý vọng động, thiếu chánh niệm đều là nguy hiểm cả.

Dù là ở bất cứ cương vị nào, cao hay thấp, thầy hay trò, cha mẹ hay con cái, người yêu hay bằng hữu mà sống vọng động, thiếu chánh niệm đều là nguy hiểm, đều có thể dẫn tới những tai hại không thể đo lường cho nhau.

Trong sự vật lộn với đời sống, nhất là đời sống hôm nay, khi mà thiên hạ đang chạy đua và sánh tài về vật chất và danh vọng, con người khó mà biết dừng lại để ngắm nghía lại thân tâm của mình.

Tuy nhiên, là học trò Thầy, mỗi ngày con phải dành 10 phút vào buổi sáng và 10 phút vào buổi tối trước khi đi ngủ để con tiếp xúc lại với thân thể và tâm ý của chính con, để con thấy rõ những gì đang diễn ra trong tâm thức và cảm thọ của con. Và con phải thấy rõ Tam bảo nơi tự thân của con. Phật là tâm chánh niệm, tỉnh giác ở nơi con. Pháp là hơi thở mà con đang theo dõi và con đang thấy rõ ngọn nguồn của nó. Tăng là năm uẩn trong con đang sinh hoạt thanh tịnh và hòa hợp với hơi thở, với chánh niệm tỉnh giác ấy.

Con cứ thực tập mỗi ngày, để trở về với Tam bảo tự thân. Và mỗi khi Tam bảo tự thân trong con đã sung mãn, đã lộ trọn vẹn trong hai mươi bốn giờ mỗi ngày, thì chính con là Đạo, và Đạo chính là đời sống của con.

Thật vậy, dù con có thông minh, học hết cả tam tạng giáo điển, có được hàng vạn người ngưỡng mộ đi nữa, thì cũng không có giá trị bằng người có đời sống với Tam bảo tự thân trong chốc lát.

Vì sao? Vì hàng vạn ngôi chùa, hàng ngàn tượng Phật, hàng vạn kinh điển, hàng vạn Tăng tướng, người ta có thể tiêu diệt phá hủy. Nhưng người ta làm sao phá hủy được Tam bảo tự thân của mỗi người?

Con biết không? Chân lý không bao giờ hiển lộ từ sự đua đòi, mà hiển lộ từ sự lắng nhìn, lắng nghe và gạn lọc. Hạnh phúc và an lạc không phát sinh từ sự lo âu, sợ hãi và chán ngán, mà nó phát sinh từ sự biết chấp nhận, biết gạn lọc và chuyển hóa. Nó phát sinh từ bước đi thanh thản, không tránh né, trực diện và vượt qua những gì tầm thường đang giằn trải trước mặt.

Thế giới con đang sống, sắc tướng con đang nhìn, âm thanh con đang nghe, mùi vị con đang nếm, những xúc chạm đang diễn ra trong toàn bộ các căn của con,

nó chưa là cái gì cả, nó chưa làm cho con trở nên hạnh phúc hay đau khổ, mà hạnh phúc hay đau khổ là do tâm ý của con, có tỉnh lặng, có trong sáng, khi tiếp xúc với những cái ấy hay không?

Nếu con tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào với tâm ý trong sáng, an tịnh, con sẽ phát hiện ngay đối tượng đó là gì và nó đang cần gì ở nơi con, và con sẽ có cách hành xử hợp lý, một lối hành xử không đem lại nội kết bao giờ.

Trái lại, khi tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào, với tâm ý của con thiếu chánh niệm, thiếu trong sáng, con sẽ không nhận ra “bản lai diện mục” của đối tượng ấy. Và như vậy, con có thể ngộ nhận đối tượng mà bỏ mất đi cơ hội tốt, hay con cũng có thể làm tưởng đối tượng mà bị đối tượng đánh lừa.

Con biết không? Sự cao quý của hiểu biết là nhận rõ đúng đối tượng và cao quý của hành động là đáp ứng hay hành xử đúng như chính nó là.

Con ơi! Tất cả những gì Thầy viết cho con, con hãy chiêm nghiệm lấy để ứng xử, và để rồi tự khẳng định lấy chính mình là gì từ nơi hố thẳm, để vượt ra, để đi lên. Và con ơi! Thà làm một cánh bướm nhỏ để rồi tung cánh bay liệng giữa trời không, còn hơn làm con người mà bị nhốt vào hỏa lò danh vọng. Thà làm một cánh hoa nhỏ giữa rừng hoang còn hơn làm hoàng hậu trong một lâu đài tráng lệ.

Tại sao như vậy hỡi con! Vì miên viễn của sự khổ đau là trói buộc, dù sự trói buộc ấy được trang bị bởi bất cứ hình thức nào. Và vì muôn thuở của hạnh phúc là tự do, là giải thoát. Tự do hay giải thoát là chất liệu làm nên hạnh phúc và trói buộc thêm khát là chất liệu tạo nên khổ đau.

Ở nơi nào có giải thoát, ở nơi đó có hạnh phúc; ở nơi nào có trói buộc, ở nơi đó có đau khổ. Đó là chân lý đích thực, dù đức Phật có ra đời hay không thì điều ấy vẫn hiển nhiên như vậy; dù đức Khổng Tử, Lão Tử, chúa Jésus có ra đời hay không ra đời, thì điều

đó xưa vẫn không tăng nay vẫn không giảm; dù con người có vô tình hay cố ý đối với điều đó, thì điều đó vẫn hằng diễn ra từ độ ấy đến giờ và ngàn sau.

Con ơi! Huế bây giờ đã vào nửa thu, Thầy không nghe lời than của cây cỏ, mà nghe sự sống và niềm tin trời dậy trong những chiếc lá vàng.

Phương Chi đã mang quà và thư của con từ xa gửi về Thầy.

Chuông thiền đường đã báo, Thầy sửa soạn lên thiền đường để thiền hành với chúng Tăng.

Mong con sống an lạc và thanh thoi.

Thầy.

Huế, ngày 11- 04 - 1996

Khánh Hương con!

Thầy đã nhận được thư và thiệp chúc tết của con do Phương Chi trao lại khá lâu, nay Thầy mới có thư hồi âm cho con.

Từ ngày con xa Huế, xa Thầy và bạn, theo gia đình đi tìm “vùng đất hứa”, đến nay con đã tìm ra vùng đất ấy chưa, hay vùng đất con đang đặt chân tới cũng băng giá, lạnh buốt và thiếu ánh sáng mặt trời?

Con ơi! Sống ở xứ vắng minh vật chất, nếu thiếu ánh sáng mặt trời, con có thể có ánh sáng của đèn điện; thiếu nhiệt lượng của mặt trời, con có thể có hơi ấm của lò sưởi; nhưng thiếu ánh sáng của tâm linh, thì cuộc sống trở nên mù mịt tối tăm và thiếu hơi ấm của tình người, thì cuộc đời trở nên băng giá, trống không và vô nghĩa.

Con biết không? Một người có đời sống đói nghèo về

vật chất, có thể đi vay mượn vật chất để sống, nhưng một người mà đói nghèo về tâm hồn, về đạo đức, về tâm linh, thì họ đi vay mượn ở đâu và ai là người có khả năng cho họ vay mượn?

Ngày hôm qua, 10 - 04 - 1996, có một đoàn bà con ở Hà Nội vào tham quan Huế, đến chùa Từ Hiếu lạy Phật và tụng kinh. Nhưng cách lạy của họ chưa toát ra được những gì mà Đạo muốn dạy cho họ.

Niềm tin của họ khá phong phú, nhưng tiếc rằng niềm tin ấy không bắt rễ từ ý thức tuệ giác mà từ khủng hoảng tâm linh; không bắt rễ từ sự thực nghiệm mà từ sự lo âu sợ hãi.

Con biết không? Họ có thể đã có nhiều tiện nghi vật chất, nhưng họ có thể rất nghèo nàn về đời sống tâm linh, nghèo nàn về tuệ giác. Sự nghèo nàn này, Thầy đã phát hiện ra qua cách lạy, cách thắp hương, cách đánh chuông, cách tụng kinh, cách đứng, cách đi, cách nói, cách cười và cách tiếp xúc của họ.

Thật mỉa mai thay! Khi những người phương Tây, trong đó có những người Mỹ, Pháp, Đức, Áo, Hòa Lan,..., đến Việt Nam, họ đi vào thiền viện, tu viện để học hỏi, nghiên cứu đời sống tâm linh và thiền tập, thì trái lại có rất nhiều người Việt Nam chẳng biết gì đến thực nghiệm tâm linh và đời sống của tuệ giác.

Hiện nay, nhiều người Việt Nam, đang vội vã tìm kiếm cái văn minh vật chất và trung thành với cái văn minh ấy. Nghĩa là họ đang trung thành với máy vi tính, với máy điện toán, với những tòa cao ốc hoặc họ đang trung thành với những Tiger, Huda và những khách sạn...

Trái lại, người có trí ở phương Tây, thì đang ruồng bỏ những gì gọi là văn minh vật chất để hướng đến đời sống văn minh đạo đức, văn minh tâm linh, một đời sống văn minh siêu vật chất.

Đời sống văn minh siêu vật chất này, trong truyền thống đạo đức Việt Nam đã có, đang có và vẫn tiếp

tục có, nếu người Việt Nam nào thông minh, thì họ đều có thể nhận ra được sự thật này, để tái tạo hạnh phúc và an lạc. Và họ có thể tắm trên dòng suối tươi mát ấy.

Khổ đau và an lạc là hai chất liệu có thật trong đời sống của con người chúng ta. Khổ đau có chất liệu từ sự săn đuổi tìm cầu danh vọng lợi lộc. Chất liệu an lạc, chỉ phát sinh, khi nào con người biết dừng lại những dòng ruồi tìm cầu ấy.

Sở dĩ, đức Phật được gọi là đấng Hạnh Phúc, là đấng An Lạc là do Ngài đã biết dừng lại những gì đáng dừng lại ấy và do Ngài biết dừng lại những gì đáng dừng lại ấy mà Ngài thành tựu ba đức: Pháp Thân Đức - Bát Nhã Đức - Giải Thoát Đức.

Pháp thân đức: Phẩm tính giác ngộ tạo nên thân thể của đức Phật. Nghĩa là thân thể của đức Phật được tạo nên và tôn nghiêm bằng Pháp.

Một người tu tập giỏi, người đó không chạy theo và bị

cuốn hút bởi thế giới hiện tượng, mà họ luôn luôn có chánh niệm, quay về và tiếp xúc với thế giới bản thể, họ an trú trên thế giới bản thể. Thế giới của bản thể hay còn gọi là thế giới của pháp thân. Thế giới của pháp thân là thế giới không còn bị mắc kẹt giữa sinh và diệt, giữa có và không, giữa thường và đoạn, giữa đồng nhất hay phi đồng nhất. Thế giới của pháp thân là thế giới có đời sống không còn bị mắc kẹt giữa hữu niệm và vô niệm, nghĩa là thế giới siêu việt mọi ý niệm và vô niệm, là thế giới siêu việt mọi niệm.

Bát nhã đức: Phẩm tính trí tuệ siêu việt. Phẩm tính ấy không bị mắc kẹt bởi ngã và ngã tính, chỉ có Bát nhã đức mới thể nhận được Pháp thân đức.

Và Giải thoát đức: Là đức tính tự tại đối với ngã và pháp. Tự tại giữa mọi sự buộc ràng.

Đức Phật, do Ngài thành tựu ba đức tính ấy, nên Ngài được mệnh danh là Đấng đã chiến thắng đau khổ, là Đấng đã đạt được hạnh phúc và an lạc ngay trong cuộc đời này.

Con ơi! Con cũng có thể đạt được hạnh phúc và an lạc ấy, nếu con biết thực hành Pháp mỗi ngày. Mỗi ngày con thực hành Pháp là mỗi ngày con đang tiếp xúc với Pháp thân và làm cho Pháp thân trong con hiển lộ.

Con thở vào với tâm không mắc kẹt phiền não, không mắc kẹt với sự giận hờn, thì chính hơi thở đó là hơi thở của Pháp thân đức và Pháp thân đức hiển lộ trong hơi thở của con.

Con thở vào tâm không vọng động, con thở ra với tâm không vọng động, không điên đảo, thì hơi thở đó chính là hơi thở của Bát nhã đức và Bát nhã đức đang hiển lộ trong từng hơi thở của con. Bát nhã đức là đức tính thấy rõ hơi thở không bị mắc kẹt ở trong phiền não khổ ách.

Con thở vào với tâm ly tham, con thở ra với tâm ly tham, với tâm không còn bị mắc kẹt bởi những ý niệm về ngã và ngã sở, thì chính hơi thở đó là hơi thở của Giải thoát đức và Giải thoát đức đang hiển lộ trong từng hơi thở của con.

Con đi, đứng, nằm, ngồi, nói cười, rửa chén bát, lái xe hơi hay may vá, giặt áo quần... với tâm không vội vã, không đả trước, không phiền não, với tâm vững chãi, có chánh niệm, có hiểu biết và thành thoi, thì mọi động tác ấy là mọi động tác đã có gốc rễ từ Pháp thân, từ Bát nhã và từ Giải thoát đức.

Nói cách khác, mọi động tác của con như vậy là có gốc rễ từ đức Phật và đức Phật luôn luôn có mặt với con và trong con. Thầy và các bạn, các chú, các dì của con đang có mặt với con và trong con.

Con phải thông minh để được tiếp xúc với đức Phật ở trong con mỗi ngày, và đức Phật ấy đang và sẽ gia hộ cho con, sống vững chãi giữa mong manh, sống hiểu biết giữa dối trá, giữa vọng loạn và sống thành thoi giữa phiền lụy và buộc ràng.

Con cho Thầy gửi lời thăm Ba con, Hòa và Công, cầu nguyện tất cả đều an lành.

Thầy.

Huế, ngày 17-06-1996

Thăm chị Tâm Thụy,

Huế, trời vào hạ, nắng gay gắt. Bóng của cây bàng, cây thông, cây tòng, lũy tre, màu xanh của cỏ, sự thanh trong của dòng sông và sự rung chuyển của gió, đều là những hiện hữu của lợi ích, của tươi mát và màu nhiệm.

Ngày xưa đức Phật đã từng dạy cho các đệ tử của Ngài rằng: Đừng đổ thức ăn dư thừa vào ở trong nước có trùng, đừng đổ xuống dòng sông trong mát, hoặc đừng đổ thức ăn trên thảm cỏ xanh và đừng ngắt bỏ một cành cây bên vệ đường.

Tại sao đức Phật đã dạy cho học trò của Ngài như vậy? Vì Ngài thấy rõ tất cả mọi sự hiện hữu đều có lợi ích và màu nhiệm. Và vì tất cả chúng hiện hữu như là hóa thân của những vị Bồ tát, để làm đẹp cuộc đời và trang nghiêm cho sự sống.

Bởi vậy, sự có mặt và đứng vững chãi của cây bàng, cây thông, cây tòng, lũy tre, sự chảy trôi thanh thản của dòng sông, sự tươi mát của cỏ và lời ru vô ưu của gió đều là những hóa thân vô biên của Bồ tát.

Đọc đến đây, chị đừng nghĩ rằng Thầy là người quá giàu tưởng tượng. Không. Thầy không giàu tưởng tượng đâu! Thầy đang nói với chị cách tiếp xúc và nhìn sâu vào những gì đang hiện hữu, để nhận ra rằng, những gì đang hiện hữu ấy, đều là những điều kiện để tạo nên hạnh phúc, an lạc cho chúng ta trong cuộc sống hàng ngày.

Tối 14 tháng 4 âm lịch vừa rồi, Thầy và một số học trò, đã đón mừng Phật đản trên dòng sông thơ mộng của Huế.

Ngồi ở đây, Thầy đã tiếp xúc và thấy rõ sự ra đời của dòng sông này, như là sự ra đời của một vị Bồ tát cứu tinh.

Chị biết không? Dòng sông thông minh lắm, nó luôn

luôn biết tiếp nhận cội nguồn và mọi lưu mạch. Nó biết chịu đựng mà chuyển hóa. Nó biết làm bất cứ điều gì có thể làm được để khỏi bị ứ đọng và ô nhiễm... Nó biết tiếp nhận cái mới mỗi ngày để nuôi dưỡng cái cũ. Nó biết từ chối mọi sự trôi chảy hấp tấp, vội vã. Nó biết tự lắng trong để tiếp nhận hình ảnh của mặt trời và các trăng sao. Và nó đã biết chảy thanh thản để trở về với đại dương mệnh mệnh.

Chị thấy cái biết của dòng sông có thông minh và dễ thương không? Chính nhờ cái biết đó mà dòng sông trở nên thơ mộng và dễ thương.

Giả như giữa đời này, không có dòng sông, thì đời sống của hết thảy loài hữu tình và vô tình sẽ như thế nào? Nếu không có dòng sông, thì trần gian không có sự sống. Đó là một sự thật mà chị và những học trò của Thầy phải chiêm nghiệm và trân quý sự có mặt của dòng sông ở trong đời sống của chúng ta.

Ở Sài Gòn, sau một tuần lễ làm việc ở cơ quan hoặc ở gia đình, chị phải để dành mỗi tuần một tiếng đồng

hồ để tiếp xúc với dòng sông Sài Gòn và học tập theo hạnh của nó.

Thầy biết dòng sông Sài Gòn không có thơ mộng như dòng sông Hương ở Huế. Nhưng chị phải đến đó tiếp xúc một vài lần có chánh niệm, để thấy rõ giá trị đích thực của dòng sông.

Và cũng từ sự tiếp xúc với dòng sông hiện thực ấy, chị có thể tiếp xúc và thấy rõ dòng sông tâm linh của chính mình.

Chị biết không? Thân và tâm của chúng ta cũng là một dòng sông. Một dòng sông mà trong đó các tế bào và mọi tư niệm luôn luôn vận hành trôi chảy.

Thuật ngữ chuyên môn của Phật giáo, gọi sự vận hành của các tế bào trong thân thể, là sắc hành, và sự vận hành của các cảm thọ, của các tri giác, của mọi tư niệm, của mọi vọng tưởng phân biệt là tâm hành.

Thân hành hay tâm hành đều là những lưu chuyển và biểu hiện từ dòng tâm linh vô tận của chúng ta.

Chị biết không? Bồ tát Quán Thế Âm biết quán chiếu dòng sông tâm linh ấy bằng tuệ giác, mà Ngài được tự tại và vượt qua mọi sự khổ đau. Và Ngài đã biết nuôi dưỡng dòng sông tâm linh ấy bằng tuệ giác, nên Ngài đã đem lại sự không sợ hãi, đem lại sự bình an cho những ai đã có duyên với Ngài.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Bồ tát Quán Thế Âm nói rằng: Ngài được giải thoát, được tự tại, được vượt qua mọi khổ ách là do Ngài đã thực hành quán chiếu bằng tuệ giác sâu xa đối với dòng sông năm uẩn và trực nhận ra rằng trong dòng sông ấy không có tự ngã. Và không những dòng sông ấy không có tự ngã mà bất cứ sự hiện hữu nào cũng đều không có tự ngã.

Chị biết không? Hễ bất cứ nơi nào có ý niệm về ngã thì nơi đó có sự mắc kẹt, nơi đó có sự ích kỷ, hẹp hòi, ngu dốt, hờn giận và hiển nhiên nơi đó có mặt của sự thất vọng và khổ đau. Sở dĩ, con người có nhiều đau khổ là do con người có nhiều vụng dại đã gieo vãi, đã vớt xuống dòng sông tâm linh ấy quá nhiều chất độc về ngã.

Bất cứ ai ở trong đời ôm chất độc tự ngã mà sống thì người đó nghèo nhất đời. Họ nghèo về trí tuệ, họ nghèo về tình thương, họ nghèo về phước đức, họ nghèo về cách cư xử tốt đẹp, nghĩa là bất cứ cái gì thuộc về cao quý, họ đều nghèo.

Chị biết không? Xưa nay không có bậc Thánh nhân nào là không tìm đủ mọi cách để loại trừ tự ngã, nhằm đạt đến mục đích vị tha, vô ngã.

Bởi vậy, chị và những học trò có duyên tu học với Thầy, phải biết nuôi dưỡng tuệ giác và chăm sóc dòng sông tâm linh của mình trong mỗi động tác hằng ngày, để mọi ngày đều có hạnh phúc, an lạc, thanh thoi và tươi mát.

Thầy đã nhận tặng phẩm và thư của chị, đề ngày 19-01-1996, do Phật tử Tâm Ân và Tâm Lương trao lại. Thầy rất vui khi đọc thư của chị, vì thấy chị có được chiều sâu của tâm linh và đã có duyên nhiều đời với Phật pháp.

Thầy.

Thất Lãng Nghe,

Hoàng hôn xuống - 18/6/Bính Tý

Hằng con!

Thầy nghe chị Nga - Ngân và bé Tiên cho biết, con thân và tâm hiện nay kém phần an ổn. Thầy hơi lo và cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho con sớm được phục hồi nguyên vị.

Trong những đứa học trò của Thầy, Thầy thấy con có nhiều túc duyên và nghị lực tu học và thực hành Phật pháp. Và thầy rất tin tưởng rằng, con có khả năng chuyển hóa những chướng duyên bên ngoài trở thành thuận cảnh, và những chướng duyên bên trong trở thành Pháp lạc.

Cuộc đời chẳng có chi để cho con ưu tư sâu muộn, hay tủi hờn, nếu tâm ta yên lặng mọi vọng trần. Và nếu ta buồn cuộc đời, thì chúng ta đến bao giờ mới hết buồn hờ con?

Ngày hôm kia Thầy bị bệnh, Thầy đã nhìn sâu vào bệnh, theo dõi để chữa bệnh và mỉm cười với nó. Thầy đã nói với con bệnh rằng: “Tôi xin cảm ơn bệnh, vì con bệnh xảy đến như một tiếng chuông cảnh tỉnh đưa ta về với chánh niệm, nhận rõ giá trị của hạnh phúc, an lạc là gì. Và một lần tiếp xúc với con bệnh là một lần tiếp xúc được sự thật của cuộc đời, và những sự thật về cấu tạo nhân duyên nghiệp lực của đời người”.

Con ơi! Tiếp xúc với sự thật ấy, không phải để buồn chán, mà để nhận diện sự thật, rồi mỉm cười và chuyển hóa, nhằm bước đi từng bước vững chãi và thanh thoi trên con đường hạnh phúc và an lạc.

Thầy mong con cũng có cách nhìn con bệnh, hay bất cứ chướng ngại nào đang có mặt trong cuộc đời mình cũng đều như vậy, để con không còn là con của khung trời chật hẹp mà là của đất trời mênh mông, vô tận.

Thầy.

Huế, ngày 15-12-1996

Quảng Vân con!

Trước mặt thiên thất của Thầy có cây thông già hơn trăm tuổi, và nhìn xa hơn lại thấy có cây sần đông đứng ở dưới trũng.

Cây thông thì bốn mùa đứng vững chãi, không thay sắc. Còn cây sần đông thì màu sắc luôn luôn thay đổi theo thời tiết.

Con có biết tại sao cây thông đứng trước thiên thất của Thầy, bốn mùa không đổi sắc và đứng vững chãi giữa mưa chang và nắng táp? Vì cây thông đó biết hấp thụ mọi chất liệu trong không gian và chuyển hóa thành sức sống của mọi thời gian. Nên mọi thời gian đều là phút giây hiện tại và mẫu nhiệm của thông. Do đó, thông không cần thay đổi theo thời gian, mà mọi thời gian đều hiện hữu trong sự hiện hữu của nó.

Và lại, cây sần đông ở dưới trũng không có khả năng hấp thụ mọi chất liệu trong không gian và chuyển

hóa mọi chất liệu đó, trở thành sức sống cho mọi thời gian của chính nó, nên nó phải hướng ngoại để đổi thay và nó đã hoàn toàn mất hết năng lực tự chủ.

Nhưng con ơi! Sự hiện hữu của cây thông cũng màu nhiệm và sự hiện hữu của cây sồi đông cũng màu nhiệm. Cây thông có thể màu nhiệm và đặc thù của nó, và cây sồi đông cũng vậy.

Con biết không? Sự rụng lá và trơ cành của cây sồi đông không phải là sự rụng lá và trơ cành vĩnh viễn, vì xuân không phải về sau mùa đông, mà mùa xuân luôn luôn có mặt ở trong mùa đông. Nên chỉ một ngọn lá của sồi đông rụng xuống là hàng ngàn, hàng vạn chiếc lá sồi đông khác được tái tạo và khởi sinh.

Thầy cũng có thể là cây thông và cũng có thể là cây sồi đông; con cũng có thể là cây thông và cũng có thể là cây sồi đông; các dì, các chú của con cũng có thể là cây thông hoặc có thể là cây sồi đông; Phương Chi, Khánh Trang, Ái Nguyên, Thanh Dung, Thu Cúc, Phương Thu... các bạn của con, cũng có thể trở

thành cây thông hoặc cây sấu đông. Ai muốn làm cây gì đó cũng được. Làm cây gì thì phải có chất liệu và sức sống của cây đó. Làm cây gì thì phải có dáng dấp và hoa trái của cây đó.

Nhưng con ơi! Một cây thông hay một cây sấu đông thông minh, thì khi nào, nó cũng tự nhận ra rằng, nó đang hiện hữu và những gì chung quanh nó cũng đang hiện hữu, hiện hữu một cách có ích lợi và nhiệm mầu.

Có khi cả ngày ngồi ở thiền thất, Thầy không nói, Thầy chỉ nhìn cây thông và cây sấu đông thật sâu sắc, rồi mỉm cười với nó, học tập với nó. Thầy đã nghe nó nói với Thầy rằng: “Tôi hiện hữu là hiện hữu cho Thầy, và Thầy hiện hữu là hiện hữu cho tôi. Tôi đã từng có mặt ở trong Thầy và Thầy đã từng có mặt ở trong tôi. Tôi là một phần thân thể của Thầy và Thầy là một phần thân thể của tôi. Thầy và tôi đều là những thực tại nhiệm mầu”.

Con biết không? Ở trên đời có nhiều người đã không

chấp nhận sự có mặt của mình, hoặc không chấp nhận sự có mặt của người khác. Nếu không chấp nhận sự có mặt của mình, tức là tự mình đánh mất tự chủ, ý thức tự giác. Và không chấp nhận sự có mặt của người khác, tức là đánh mất ý thức sống cùng và sống với, ý thức giác tha.

Đánh mất ý thức tự chủ, ý thức tự giác thì con người sẽ sống như một kẻ nô lệ, sống như những kẻ cai tù và người ở tù. Đánh mất ý thức sống cùng và sống với, thì con người sẽ là kẻ lạc loài, sống đầy đầy những tâm lý mặc cảm và cô đơn.

Không có sự sống nào hiện hữu có tính cách đơn điệu, thế thì tại sao trên đời lắm người lại đơn điệu trong cuộc sống và tẻ đến nỗi chỉ biết cái này mà không biết cái kia?

Thầy đã nghe cây thông và cây sồi đứng ở trước thiền thất nói với Thầy: “Thầy hiện hữu và tôi cũng hiện hữu. Thầy hiện hữu và học trò của Thầy cũng hiện hữu. Thầy hiện hữu, tôi hiện hữu, học trò của

Thầy hiện hữu là hiện hữu với mặt trời, với mặt trăng, với dòng sông, với mây mù và hạt nắng, chúng ta đã hiện hữu từ lâu, từ vô thi đến vô chung”.

Con biết không? Mỗi khi Thầy tiếp xúc với cây thông hoặc cây sồi đông, Thầy đã học tập được rất nhiều từ nó và mỗi lần tiếp xúc với nó, Thầy thấy mình trở nên giàu có, và chỉ trong khoảnh khắc tiếp xúc ấy, Thầy tức khắc trở thành tỷ phú, hơn bất cứ nhà tỷ phú đô-la nào của Mỹ.

Và nay, Thầy muốn trao cho con cách nhìn và cách nghe làm nên tỷ phú ấy, đó là tỷ phú về tâm hồn, để trong con không còn có cảm giác như là một kẻ lữ khách, mà là một sự hiện hữu với đầy đủ mọi giá trị toàn vẹn của nó. Và để cho con nhận ra rằng, chính trong con có đủ cả hai chất liệu ý thức tự chủ và ý thức sống cùng, sống với.

Con ơi! Dù ở đâu, dù đang làm việc gì, con vẫn để dành một vài giây phút trở về để tiếp xúc với hai chất liệu ấy.

Huế, mùa đông, tuy mưa phùn, gió bắc, nhưng ở
thiền thất của Thầy vẫn ấm áp lạ lùng. Thầy muốn
chia sẻ cho con!

Thầy.

Huế, ngày 24-01-1996

Nguyên Tuệ con!

Thầy đã nhận thư con đề ngày 29/11/Át Hợi, do anh Vi trao lại. Đọc thư, Thầy thấy con có những chất liệu an lạc và vững chãi trên bước đường tu tập. Thầy rất vui khi có những đứa học trò như vậy.

Nguyên Tuệ con! Không có bất cứ nơi đâu trên cõi đời này là không có giông bão và ngược lại. Con biết không! Hễ tâm tư vọng động thì giông bão phát sinh. Hễ tâm tư yên lắng thì trời quang mưa tạnh. Hễ tâm tư an tịnh, sâu lắng, thì nhìn bất cứ cái gì là cái ấy tức khắc trở nên thơ mộng và có ý nghĩa; bản chất của cái ấy tức khắc hiện ra mà không cần phải khắc khoải truy vấn.

Con biết không! Sự khắc khoải hay truy vấn không có khả năng tạo nên chất liệu an lạc và hạnh phúc trong cuộc sống, mà chúng chỉ có khả năng đẩy người khắc khoải truy vấn ấy, đi dần đến chỗ thất vọng và khổ đau.

Người khôn ngoan nhất trong cuộc đời, là người biết gạt bỏ những chất liệu lo âu, sợ hãi, khắc khoải và truy vấn ra khỏi tâm tư của mình. Người ấy sống không lo âu, không sợ hãi, không khắc khoải, không truy vấn mà chỉ nhìn thẳng vào cái đang hiện hữu để nhận ra giá trị đích thực của sự sống và sống một cách chủ động, một cách tự tại, người ấy sống không bị cuốn hút bởi bất cứ một cái gì và không bị bất cứ cái gì trói buộc hay làm mắc kẹt.

Con biết không! Mây trời không bị trói buộc bởi bất cứ một thứ gì, nên mây trời có khả năng thông dong, tự tại và thanh thoi. Mây trời mới có khả năng tiếp xúc với gió, với nước, với chất rắn, với ánh sáng mặt trời, với mọi không gian, với mọi thời gian và tiếp xúc với hết thảy hữu tình và vô tình. Như vậy, mây trời quá dễ thương phải không con?

Con ơi! Sự dễ thương của mây trời không phải là chừng ấy, mà mây trời còn biểu hiện muôn màu, muôn vẻ. Mây có khi hiện hữu như là màu trắng, như

là màu hồng, như là màu xanh, như là màu đen, hoặc mây hiện hữu đủ cả năm sắc, hoặc là vô số màu sắc. Hễ chúng sinh có bao nhiêu tâm tướng, thì mây có bấy nhiêu sắc tướng. Con thấy mây có màu nhiệm, có dễ thương không?

Sở dĩ, mây dễ thương và màu nhiệm là vì trong đời sống của mây, không mang chất liệu ngã tính, không mang chất liệu của phương sở, không bị mắc kẹt giữa chủ thể và đối tượng. Mây dễ thương và màu nhiệm, vì trong mây có nước, trong nước có mây; trong mây có gió, trong gió có mây; trong lửa có mây, trong mây có lửa; trong mây có trái địa cầu và trong trái địa cầu có mây. Mây hiện hữu là toàn thể những gì có mặt trong vũ trụ hiện hữu. Mây có mặt ở trong pháp và pháp có mặt ở trong mây.

Con biết không! Một vị tu tập giỏi, vị ấy đạt được “Pháp vân địa”, nghĩa là địa vị “Mây pháp”. Thành tựu địa vị này, là thành tựu địa vị của trí tuệ viên mãn, trí tuệ cứu cánh, trí tuệ siêu việt nhận thức, trí

tuệ không còn có mây may sai lầm, trí tuệ đích thực, trí tuệ sắp sửa bước vào địa vị giác ngộ, trí tuệ thành tựu vô lượng công đức, trí tuệ có khả năng sinh trưởng và lưu nhuận vô lượng công đức, trí tuệ ấy như đại vân bủa khắp không gian, tuôn ra vô số, vô lượng, vô biên hạt mưa pháp để tưới tắm và làm tươi mát cuộc đời.

Nguyên Tuệ con!

Pháp vân hay mây pháp là một từ ngữ đã được đức Phật sử dụng để diễn tả về pháp rộng lớn, pháp ấy có khả năng che chở cho tất cả, làm tươi mát, an lạc cho tất cả và làm cho tất cả mọi loài đều nở sinh hoa trái giác ngộ.

Con biết không!

Theo Thiền uyển tập anh, thì năm 580, ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Vinitaruci), một tăng sĩ Ấn Độ, sau khi đến Trung Quốc và đã đến Việt Nam, lưu trú tại chùa Pháp Vân, ở làng Cổ Châu, Long Biên, Bắc Việt để

dịch kinh và hoằng pháp.

Ở ngôi chùa Pháp vân này, trước khi ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi đến, đã có thiền sư Quán Duyên giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn thiền tập cho học chúng tại đây.

Chắc chắn, lúc bấy giờ, thiền sư Quán Duyên đã hướng dẫn cho học chúng tu tập và quán chiếu Mây pháp, để thấy rõ nhân duyên của Mây pháp, thể tính của Mây pháp, mọi hình thái của Mây pháp, mọi sức sống, mọi tác dụng của Mây pháp, mọi kết quả và sự có mặt của Mây pháp và nhất là thấy rõ cội nguồn của Mây pháp trong từng giây phút hiện hữu. Có như vậy mới xứng hợp với danh hiệu của ngôi chùa.

Con biết không! Từ Pháp Vân ở làng Cổ Châu, Bắc Việt vào thế kỷ thứ sáu của thiền sư Quán Duyên đến Pháp Vân ở quận Tân Bình, Sài Gòn của thiền sư Nhất Hạnh ở hậu bán thế kỷ XX, đều là những đóa mây pháp, có năng lực chuyển hóa, tưới tắm và nuôi dưỡng hoa trái giác ngộ, hoa trái hiểu biết và yêu thương trên thân thể Việt Nam.

Bản sắc trầm tĩnh và sâu lắng của dân tộc Việt Nam đã được tưới tắm và nuôi dưỡng từ những hạt mưa, từ những hạt sương, từ những giọt nắng có gốc rễ từ đóa Mây pháp ấy.

Con ơi! Mây pháp làm dịu lại những gì đang bốc cháy, làm tươi tỉnh lại những gì đang khô héo, làm dung hợp lại những gì đã làm ngăn cách. Mây pháp đưa không gian trở về với thời gian, đưa thời gian trở về với không gian, đưa khổ đau đi về với an lạc và đưa an lạc đi vào trong lòng của khổ đau để chuyển hóa.

Vậy, Mây pháp là như thế đó con. Con là Nguyên Tuệ, con phải có khả năng thấy rõ cội nguồn của Mây pháp.

Con phải thở, phải tiếp xúc và mỉm cười với Mây pháp trong từng động tác hằng ngày của con, để con với Mây pháp là một, con là Mây pháp và Mây pháp là con.

Có như vậy, cuộc sống của con trở thành phong phú và màu nhiệm, con hiện hữu ở đâu cũng an lạc và thanh thoi cả.

Thầy.

Huế, ngày 2-01-1997

Thăm chị Tâm Thụy.

Huế, năm nay mưa kéo dài đến mấy tháng liên tục, cây cối, hoa màu không lớn nổi và có rất nhiều người ở Huế than phiền và thất vọng. Tất cả đều trông chờ ánh nắng một cách tha thiết, như những đứa con có hiếu trông chờ mẹ đi xa về.

Ở thiền thất, Thầy ngồi pha trà để đãi khách, tách trà bốc lên hơi ấm và tỏa chút hương thơm nhẹ nhàng với đôi nét suy tư đạo đời.

Thầy đã nói với khách: “Nếu bạn nhìn kỹ những hạt mưa rơi, thì bạn sẽ nhìn thấy trong những hạt mưa rơi ấy, có mang theo trong mình nó những hạt nắng và khi nắng ấm về, bạn nhìn kỹ trong những tia nắng, bạn sẽ thấy trong những tia nắng ấy có mang theo trong mình nó những hạt nước mưa và bạn sẽ có được những nụ cười tươi tỉnh giữa nắng và mưa.

Bạn không có được nụ cười đó là do bạn, chứ không

phải là do nắng và mưa. Bạn đừng bắt trời nắng, mưa theo kiểu mưa nắng của bạn. Bạn thử nghĩ, có nắng nào mà nắng không mưa, có mưa nào mà mưa không nắng. Bạn đừng bao giờ tách rời nắng và mưa thành hai thực thể cá biệt.

Bạn không nên từ chối nắng để chạy theo mưa và bạn không nên từ chối mưa để chạy theo nắng, vì từ chối cái này để chạy theo cái kia, là bạn sẽ rơi vào trò chơi bắt đuôi và như vậy, trong cuộc sống bạn sẽ thất vọng.

Khi nắng, bạn hãy nhìn thẳng vào nắng để nhận rõ giá trị đích thực của nó. Và khi mưa, bạn hãy nhìn thẳng vào mưa, để nhận rõ giá trị đích thực của từng giọt nước mưa trong đời sống của bạn. Bạn không nên đắm chìm hay sợ hãi với tất cả những gì đang xảy ra trong đời sống của bạn”.

Thầy đã pha trà mời khách và đã nói với khách như vậy, tại thiên thất, và nay ở nơi thiên thất, Thầy cũng muốn nói với chị như vậy.

Và Thầy muốn nói thêm với chị rằng: Khô đau và an

lạc là hai chất liệu sinh khởi từ các cảm giác và các tri giác. Các cảm giác và các tri giác lại sinh khởi từ những ý niệm. Và các ý niệm lại sinh khởi và vận hành từ chiều sâu của thế giới tâm thức.

Nếu thế giới tâm thức được nuôi dưỡng và xúc tác bởi những yếu tố sợ hãi, và những yếu tố sợ hãi đó biểu hiện trên mọi sinh hoạt của ý thức, thì chúng ta sẽ có cách nhìn cuộc đời với đôi mắt đầy sợ hãi, đầy lo lắng và phiền muộn.

Nếu thế giới tâm thức được nuôi dưỡng bởi những yếu tố hiểu biết và yêu thương, nó sẽ biểu lộ trên mọi sinh hoạt của ý thức, và chúng ta sẽ có cách nhìn cuộc đời với đôi mắt đầy tự tin, đầy sự bao dung, từ ái và hỷ xả.

Trong kinh đức Phật dạy cho các đệ tử của Ngài, là phải xây dựng hạnh phúc trên bốn phạm trù. Bốn phạm trù là an trú vào bốn chất liệu cao quý của tâm. Bốn chất liệu ấy là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Chất liệu của Từ, giúp cho đời sống của chúng ta có sự an lạc và tươi mát.

Chất liệu của Bi, giúp cho đời sống của chúng ta vượt ra khỏi những bất trắc của tâm hồn, vượt ra khỏi những thèm khát thấp kém, những oán hờn, những nội kết thù hận.

Chất liệu của Hỷ, giúp cho đời sống của chúng ta vắng mặt mọi cảm giác và tri giác cô đơn, giúp cho đời sống của chúng ta xóa bỏ được mọi định kiến về nhân và ngã.

Và chất liệu Xả giúp cho đời sống của chúng ta có những hành động giúp đỡ người khác một cách vô tư, không vụ lợi và cao thượng.

Bấy nhiêu lời, Thầy gửi thăm và làm quà xuân Đinh Sửu cho chị và gia đình. Ở Huế, hai Phật tử Tâm Ân, Tâm Lương thường lên thăm Thầy.

Chị cho Thầy gửi lời thăm chị Hương.

Thầy.

Huế, ngày 14-01-1997

Trí và Khánh Trang hai con!

Thầy đã nhận thư hai con gần mười ngày, nay Thầy mới có thư cho hai con.

Thầy được biết hai con sống với nhau có nhiều hạnh phúc và có hai cháu rất ngoan, thầy mừng.

Hai con biết không? Có nhiều cặp vợ chồng, họ sống với nhau không hạnh phúc, không phải là vì họ thiếu tiền bạc, thiếu địa vị mà vì họ thiếu hiểu biết và sống với tâm hồn chật hẹp.

Họ không xem nhau như những người bạn đồng hành, mà họ xem nhau như những tài sản của ái tình.

Chắc chắn rằng, hai con đã biết, bản chất của ái tình là săn đuổi, là đam mê, là mù quáng, là bất chấp, là khát vọng, là không bao giờ thỏa mãn, là trói buộc, là lên án, là hờn oán, là băng khuâng, là ghen tuông, là nghi ngờ.

Bởi họ đến với nhau mà không xem nhau như những người bạn cao cả mà xem nhau như những tài sản của ái tình, thì chắc chắn họ phải ném và sống với những gì chất đống của chất liệu ấy.

Trái lại, ở trên đời cũng có nhiều cặp vợ chồng họ sống với nhau rất hạnh phúc, vì họ xem nhau như là người bạn đường, người bạn của nhân duyên.

Họ đến với nhau không phải vì đam mê mà có sự hiểu biết, họ đến với nhau không phải vì mù quáng mà có sự lựa chọn, có sự cân nhắc, họ đến với nhau vì lẽ phải mà không phải vì cuồng nhiệt, họ đến với nhau bằng tất cả tấm lòng khiêm tốn, chứ không phải vì tâm lý kiêu ngạo, họ đến với nhau bằng sự thông cảm sâu xa, chứ không không đến với nhau như một sự ban phát ân tứ.

Bởi, họ đã đến với nhau như vậy, cho nên họ sống với nhau rất hạnh phúc. Và những hoa trái tình yêu do họ đem lại rất là tươi mát, thơm ngọt.

Hai con biết không? Biết lắng nghe là một trong những chất liệu tạo nên hạnh phúc và an lạc trong đời sống lứa đôi. Vợ biết lắng nghe chồng và chồng biết lắng nghe vợ, thì vợ mới hiểu được chồng và ngược lại.

Ở trên đời, nhiều cặp vợ chồng hạnh phúc đổ vỡ là do họ không biết lắng nghe nhau. Không có khả năng lắng nghe, thì không có khả năng gạn lọc; không có khả năng gạn lọc thì không có khả năng hiểu biết; không có khả năng hiểu biết thì không có khả năng cảm thông; không có khả năng cảm thông thì không có khả năng yêu thương. Trong đời sống lứa đôi mà thiếu khả năng lắng nghe là thiếu yếu tố căn bản tạo nên hạnh phúc cho nhau.

Hai con biết không? Bồ tát Quán Thế Âm là một vị Bồ tát có khả năng lắng nghe, nhờ biết lắng nghe mà Ngài có khả năng vượt ra khỏi mọi sự sợ hãi và khổ đau, Ngài mới có khả năng nhìn cuộc đời với đôi mắt từ ái và đem sự không sợ hãi mà trao tặng cho người.

Cũng vậy, hai con hãy thực tập hạnh lắng nghe nhau, thì cuộc sống lứa đôi sẽ có những hạnh phúc lớn.

Hai đứa con không những thực tập hạnh lắng nghe nhau, mà hai con cần phải thực tập hạnh lắng nghe mọi tiếng nói, khen, chê, buồn, vui, chung thỉ, phản bội... giữa cuộc đời. Hai con phải thực tập hạnh lắng nghe tiếng nói của mặt trời, mặt trăng, của đất đá, đại dương, cỏ cây và những tiếng chim hót giữa bầu trời tự do nữa.

Hai con chỉ lắng nghe, mà tâm ý không khởi lên sự bồn chồn, sợ hãi hoặc không khởi lên những tâm ý thích thú, mừng vui. Hai con lắng nghe như vậy, mới có khả năng nhận diện được sự thật của vấn đề và không bị mọi âm hưởng đánh lừa.

Thầy biết bữa nay sắp tết, hai con sẽ bận rộn nhiều, tuy nhiên Thầy vẫn mong hai con dù bận rộn đến mấy đi nữa, một ngày cũng dành khoảng mười phút để lắng nghe hơi thở của mình và tiếp xúc thật sự với nó, và nuôi dưỡng sự thanh trong của nó, để hai con

sống với nhau hạnh phúc hơn, xử sự với mọi người đẹp hơn, và chính ở trong khung cửa chật hẹp của hôn nhân, hai con vẫn tiếp xúc được với không gian thênh thang và cùng với thời gian vô tận, hai con vẫn bước đi được những bước đi của con người tự do.

Còn Thầy vẫn khỏe - vẫn luôn luôn có “an lạc trong từng hơi thở và bước chân”.

Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho hai con và các cháu an lành.

Thầy.

Huế, ngày 12-03-1997

Mây Thênh Thang con!

Quảng Vân, có nghĩa là Mây thênh thang, Thầy muốn gọi tên con là như vậy. Vì tên ấy, không còn bị ngăn ngại bởi biên và núi, bởi không gian và thời gian.

Mây thênh thang là mây không còn bị mắc kẹt bởi bất cứ đối tượng nào, khi nó tiếp xúc. Mây thênh thang cũng còn có nghĩa là mây có đời sống không bị hạn hẹp, mây có đời sống tự do.

Tự do đến và tự do đi, tự do biểu hiện và tự do ẩn khuất, tự do với tất cả những gì mà nó muốn.

Hỡi Mây Thênh Thang con!

Ngày 29-03-1997, Thầy đã tổ chức ngày Chánh niệm cho các chú, dì, bạn và em của con, tại thiền đường Trăng Rằm - Từ Hiếu, gồm có 160 thiền sinh tham dự, họ sống rất thanh thoi và an lạc.

Trong ngày chánh niệm ấy, các thiền sinh thực tập bốn phương pháp chuyển hóa tâm ý mà Thầy đã hướng dẫn cho họ trong bài pháp thoại.

Bốn phương pháp ấy, thầy cũng muốn nói lại cho con, để con cũng có thể thực tập bốn phương pháp này:

1. Phương pháp thay thế

Đây là phương pháp sử dụng một tâm ý tốt, một tâm ý lành mạnh, để thay thế cho một tâm ý xấu, một tâm ý độc hại, đang khởi lên và có mặt trong tâm thức của chúng ta. Và chúng ta phải biết nuôi dưỡng tâm ý tốt, tâm ý lành mạnh ấy trong từng giây phút, qua các cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức.

2. Phương pháp nhận diện và nhìn sâu:

Đây là phương pháp chấp nhận tất cả những gì của cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức đang có mặt ở trên thân và tâm của chúng ta.

Sau khi đã chấp nhận chúng, chúng ta bắt đầu đưa ý

thức nhận diện và nhìn sâu vào chúng một cách cẩn thận, một cách có tự chủ, để chuyển hóa chúng trong chiều hướng thẳng tiến, tốt đẹp.

3. Phương pháp tránh né

Đây là phương pháp không đồng tình với những gì thấp kém do các cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức đem lại.

Chính do áp dụng phương pháp tránh né và không đồng tình này, khiến cho các cảm giác, tri giác, tư niệm, và nhận thức thấp kém, độc hại đã sinh khởi ở trong tâm thức của chúng ta, không đủ điều kiện để tiếp tục kéo dài, và đương nhiên, chúng sẽ bị hủy diệt sau đó. Tâm liền trở lại với sự an tịnh.

4. Phương pháp giảm dần

Đây là phương pháp không ngăn chặn tức khắc với những gì thấp kém và độc hại do các cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức đem lại, mà chỉ giảm dần những tác nhân và tác duyên của chúng.

Mỗi khi tác nhân và tác duyên của chúng bị giảm dần và giảm dần đến mức triệt tiêu, thì những cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức thấp kém, độc hại ấy, tự nó không còn, tự nó lắng yên.

Như vậy, theo phương pháp này, chúng ta không cần ngăn cản tức thì, những gì đã xảy ra ở nơi các cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức có tính cách không tốt đẹp và độc hại, mà chúng ta chỉ giảm dần những tác nhân và tác duyên làm sinh khởi những cảm giác, tri giác, tư niệm và nhận thức không lành mạnh và độc hại ấy.

Đương nhiên, mỗi khi tác nhân và tác duyên đã được chuyển hóa, thì hậu quả cũng được chuyển hóa.

Mây thênh thang con!

Bốn phương pháp này, con có thể áp dụng để thăng tiến tâm hồn, và nếu con thực hành thuần thực bốn phương pháp này, thì con có khả năng làm chủ được tâm con trong mọi hoàn cảnh.

Con biết không! Chư Phật và các bậc Thánh nhân trong ba đời, không có Ngài nào mở ra nửa lời để ca ngợi những kẻ làm chủ địa vị. Nhưng, tất cả các Ngài đã hết lời ca ngợi những ai làm chủ được tâm ý.

Vì sao như vậy, vì những người làm chủ tài sản và địa vị là những người luôn luôn phát sinh những cảm giác lo âu và sợ hãi, họ luôn luôn phát sinh ra những tri giác, những tư niệm, những nhận thức hữu ngã, đầy tham đắm, thất vọng và khổ đau.

Trái lại, đối với những người làm chủ tâm ý, thì họ luôn luôn làm chủ được các cảm giác, họ không bị các cảm giác lôi kéo vào những mục tiêu thấp kém, tầm thường. Họ không bị những tri giác, những tư niệm, những nhận thức hữu ngã đánh lừa. Họ không bị thất vọng và khổ đau trong cuộc sống. Họ tự tại giữa sống và chết. Họ có khả năng mỉm cười đối với tất cả mọi hoàn cảnh.

Bởi vậy, ở trong đời, ai làm chủ được tâm ý, thì người ấy có nhiều hạnh phúc và an lạc trong cuộc sống.

Con biết không? Ngày 10-01-97, Thầy có tiếp xúc với hai vị Giáo sư Tiến sĩ Thần học người Mỹ tại Từ Hiếu. Họ nói cho Thầy biết rằng: “Những người trí thức phương Tây đang đi về phương Đông để học tập những phương pháp tạo nên hạnh phúc trong cuộc sống, trong lúc đó, cũng có rất nhiều người phương Đông đang tìm đủ mọi cách để đến phương Tây học tập cách làm ra nhiều tiền!”. Và những vị Giáo sư đó đã nói với Thầy rằng: “Cuộc sống nhiều tiền không phải là cuộc sống hạnh phúc. Và hạnh phúc cao quý chỉ xảy ra với những người giàu có về tâm hồn”. Họ nói tiếp: “Thầy là người có hạnh phúc nhất trong tất cả những người họ đã được tiếp xúc tại Việt Nam”.

Họ hỏi Thầy, phương pháp thực tập để sống có hạnh phúc và Thầy đã hướng dẫn cho họ bốn phương pháp chuyển hóa làm an tịnh tâm ý mà Thầy đã nói với con ở trên.

Hai vị Giáo sư lại hỏi Thầy rằng: “Yếu tố nào giúp cho họ trở thành một Phật tử để thực hành đời sống

hạnh phúc?”

Thầy đã trả lời cho họ là có ba yếu tố chính, gồm Niềm tin, Hiểu biết và Thực hành.

Thầy nói với họ rằng: “Nếu một người tin Phật mà không hiểu Phật, thì người đó không thể có hạnh phúc. Và nếu một người tin Phật và hiểu Giáo pháp của Ngài, nhưng không áp dụng những lời dạy ấy vào trong đời sống, thì họ vẫn không có hạnh phúc. Như vậy, một Phật tử chỉ có hạnh phúc sau khi họ đã tin, hiểu và thực hành lời Phật dạy”.

Sau khi hai vị giáo sư ấy đã tiếp xúc với Thầy xong, họ chào Thầy để ra đi và họ hứa là họ sẽ tiếp tục đi tìm kiếm và tiếp xúc với những con người Việt Nam có hạnh phúc để tin, hiểu và thực hành.

Mây thên thang con!

Thầy đã nhận được card chúc tết và thư của con do Phương Chi trao lại. Ái Nguyên + Khánh Trang đều có thư tết cho Thầy. Ái Nguyên đã ăn tết tại Hà Nội,

còn Khánh Trang thì có những niềm đau khi thu gặt những hoa trái tình yêu không như ý. Còn Thanh Dung, Phương Thu thì chưa nghe than thở gì lắm. Phương Chi thì bận rộn với việc dạy, ngày chánh niệm vừa rồi không tham gia được. Các dì của con cũng như các chú của con, Thầy thấy quý vị trẻ hoài và có đời sống Đạo rất cao. Hồng Thanh bây giờ đang săn sóc mẹ, còn Giang và Thanh Hương đang tu học tại Ni viện Bửu Long. Năm vừa rồi, Thầy vào Sài Gòn ký Hòa thượng Trí Thủ, có về Ni viện Bửu Long thăm quý vị đó. Cùng đi với Thầy có thầy Vân Quang ở Thiền viện Vạn Hạnh, có Vinh em của Nhạn và Thu Cúc nữa. Thu Cúc bữa nay già dặn lắm.

Con ơi! Ngày mùng hai tết Đinh Sửu, Thầy tổ chức cho lớp vui xuân tại Phước Duyên, không khí xuân rất ấm cúng và đạo vị, Thầy có chuyển lời chúc xuân của con đến các học viên. Nội dung của ngày vui xuân ấy, chắc Phương Chi đã có thư kể hết cho con rồi chứ gì nữa! Nếu Phương Chi chưa kể cho con qua thư, thì con hãy biên thư hỏi kỹ Phương Chi về Bốn

phương pháp sống yên vui, mà hôm ấy Thầy đã trình bày cho học chúng trong buổi gặp mặt đầu năm ấy, để con có cơ hội thực tập.

Bấy nhiêu lời cho con.

Thầy.

Huế ngày 04 tháng 06 năm 1997

Nhuận Nguyên con!

Thầy đã nhận quà của con cúng dường do Thanh Dung trao ngày 03.6.1997, nay Thầy có thư cho con.

Huế, trời vào hạ nắng gay gắt, nhưng cây thông trước thiền thất của Thầy vẫn xanh tươi. Ngày nào Thầy cũng nhìn cây thông và mỉm cười với nó. Và ngày nào cây thông cũng mỉm cười với Thầy.

Con biết không? Thầy mỉm cười với cây thông, vì Thầy thấy rằng, trong cuộc đời không thể không có cây thông. Cây thông cho người ta gỗ, dầu, màu xanh và bóng mát, không những vậy, cây thông còn biết uốn mình theo chiều gió để reo lên những âm thanh kỳ lạ. Và thông biết giữ mình bất động khi trời đất đứng yên.

Lại nữa, con biết không? Thông sinh ra và trưởng thành không từ mảnh đất phì nhiêu mà từ núi đồi sỏi

đá cản cối. Và cũng chính từ sự cản cối đó mà thông đã trở thành vũng chãi và biết reo cười khi trời đất nổi lên dông bão, và biết trở về với sự lặng yên khi trời quang mây tạnh.

Bởi vậy, mà Thầy đã nhìn cây thông mỗi ngày và mỉm cười với nó.

Và con biết không? Ngày nào cây thông cũng mỉm cười và giỡn với Thầy. Ngày nào nó cũng rụng lá và trái ở trên sân và thêm thiên thất, và ngày nào Thầy cũng quét lá và trái thông rụng ấy. Mỗi lần quét, Thầy nghe thông cười và nói giỡn rằng: “Thầy cứ quét mỗi ngày, còn tôi cứ rụng mỗi ngày. Thầy quét, tôi rụng - tôi rụng, Thầy quét”. Lúc đó, Thầy nói với thông rằng: “Tôi đã ngừng quét lâu rồi” và thông cũng đã trả lời với Thầy rằng: “Tôi cũng đã ngưng rụng lâu rồi”.

Con biết không? Khi nghe thông nói, Thầy chỉ nhìn thông và mỉm cười một cách an lạc.

Năm ngoái, con, Thanh Hạnh, Thanh Dung, China và thầy Nguyên Giác về Huế, chỉ thoáng qua ở nơi thiền thất của Thầy, nên chưa có cơ hội nhìn kỹ và tiếp xúc với cây thông ấy. Nếu có dịp về Huế, con sẽ tiếp xúc và nhìn kỹ vào cây thông và lắng nghe những gì nó nói ra từ cuộc sống của chính nó, và chính từ sự hiện hữu của nó.

Thầy cũng muốn con, sau những giờ phút làm việc mệt nhọc, căng thẳng thần kinh, thì hãy dành năm bảy phút tập buông xả, bằng cách theo dõi hơi thở, hoặc tập nhìn sâu vào những chậu hoa, hay những trái cây trước sân nhà, để nhận ra giá trị đích thực của sự sống nơi chính mình và chung quanh, lúc bấy giờ con sẽ thấy cuộc đời đáng yêu và đáng sống biết bao!

Thầy gửi lời thăm Ba Mẹ con và đại gia đình, cầu nguyện tất cả an lành.

Thầy.

Huế, ngày 16 tháng 7 năm 1997

Lời ghi cho chị Duyên

Đường sinh tử thác ghềnh, khởi điểm là vô minh, đẩy lũ khách băng qua những cuộc tồn sinh biến dị và hội nhập với âm ba ái triêu của lớp lớp trùng dương.

Thuyền Năm Uẩn đã đưa lũ khách triệu lần ra khơi và triệu lần quay lại, với sóng vỗ, gió dòn, chìm đắm nổi trôi, bồn chồn lo âu, sợ hãi và rợn hồn, khi ý thức giáp mặt với triệu triệu chu kỳ hội tụ, phân ly của kiếp người lau sậy.

Bên kia bờ, biển giác mênh mông, sóng thức vắng lặng, tâm và trí nhất như, cảnh và người tương tức và tương nhập, nên trong ly có tụ, trong tụ có ly. Do đó, sinh không làm cho ai khổ lụy và tử chẳng làm cho ai kinh rợn bao giờ!

Bởi vậy, người học Đạo, là người biết từ bỏ con đường nhỏ để bước vào con đường lớn, biết từ chối

cái mong manh để đi vào cái vĩnh cửu, biết từ bỏ cái rộn ràng, đối trá để bước vào cái yên tĩnh, chơn thật, biết từ bỏ cái sinh để bước vào cái bất sinh, biết từ bỏ cái diệt để bước vào cái bất diệt, sống thanh thản, mỉm cười, hội nhập với thời gian vô cùng và với không gian vô tận.

Thầy.

Huế, ngày 27.7.1997

Lời ghi cho người học trò pháp danh chữ Lệ

Người đệ tử Phật mang Pháp danh chữ Lệ là người biết tu tập để có khả năng nhận ra và chứng nghiệm được những gì tốt đẹp, cao quý ở trong đời sống hiện tại của chính mình.

Và đương nhiên, khi đã nhận ra được điều đó, thì người ấy không còn săn đuổi để nắm bắt những gì phù phiếm bên ngoài.

Người ấy biết dừng lại, nhìn sâu và vượt qua đối với những gì có tính cách chật hẹp, giả dối, nhất thời đang dần trải và kêu gọi trước mắt.

Muốn đạt được như vậy, thì người ấy phải hành xử với thân thanh tịnh để thân thể thường biểu lộ sự nhẹ nhàng và thanh thoát.

Người ấy phải hành xử với ngữ thanh tịnh, để sự biểu lộ của ngữ có chất liệu từ ái, dịu ngọt.

Và vị ấy phải hành xử với ý thanh tịnh, để tâm ý có mặt của những chất hiểu biết, yêu thương, bao dung và hỷ xả.

Như vậy, không phải chỉ người học trò pháp danh chữ Lệ, mà bất cứ ai khéo sử dụng ba nghiệp thanh tịnh, thì những người ấy dù đang sống ở đây mà đã đi vào thế giới tịnh độ của chư Phật.

Vậy, thật hạnh phúc và quý hóa thay cho những ai có duyên tu tập và thường thực hành như vậy!

Thầy.

Huế, ngày 14-11-1997

Thanh Tịnh con!

Sau khi hướng dẫn thiền tập cho các thiền sinh xong, Thầy đã nhận thư con đề ngày 11-11-1997.

Đọc thư, Thầy thấy con có nhiều hạnh phúc của một con người và của một sinh viên.

Thầy cũng đã có rất nhiều học trò là sinh viên có những hạnh phúc như con. Họ có hạnh phúc không phải do họ có những kiến thức thuộc về sinh viên mà chính do họ có những hiểu biết đích thực về sự có mặt của họ trong thế giới con người.

Con ơi! Làm người, thì ở trong đời có rất nhiều người, nhưng làm người mà có sự hiểu biết đích xác về con người và sống cho có hồn người, thì ở giữa đời dễ có mấy ai?

Ngày xưa, nhà hiền triết Socrate, đã hỏi một chàng thanh niên về các nơi dạy nghề, như may áo, đóng

giày, làm mũ nón... Và nhà hiền triết đã được chàng thanh niên trả lời một cách rành rẽ. Nhưng đến khi nhà hiền triết hỏi anh ta rằng: “Anh có biết ở đâu dạy làm người không?”, bây giờ anh thanh niên hết sức lúng túng, ngỡ ngác và không biết chỉ ở nơi nào.

Con ơi! Con người sinh ra, trước hết là để làm người chứ không phải để làm gì khác. Thế mà ở trong đời có rất nhiều người quên điều đó. Và ở trong xã hội, những nhà trường dạy cho con người làm người quá hiếm hoi.

Không những vậy, mà còn có những nhà trường đã biến con người trở thành cái máy. Suy tư, viết lách, sáng tác, nhận xét đều như người máy, chứ không phải như con người đích thực.

Tệ hơn nữa là có những gia đình cha mẹ dạy cho con cái rằng: “sống là phải đấu tranh”.

Nhưng, con người đấu tranh với ai hỡi con! Trong gia đình anh chị em đấu tranh quyền lợi từ cha mẹ

với nhau hay sao? Có phải con người đấu tranh để giành giật và thanh toán đồng loại chăng? Thật là ghê tởm, thật khốn nạn, khi nhìn thấy chính con người trong một gia đình phải đấu tranh, thanh toán nhau và lại thấy cảnh con người thanh toán và hiếp đáp đồng loại của mình!

Lại nữa, con người đấu tranh với ai hỡi con! Phải chăng con người đấu tranh để chiến thắng các loại thú vật? Than ôi! Thật chẳng có chi để tự hào, vì chỉ là sự ỷ mạnh hiếp yếu, ỷ khôn hiếp dại.

Hay phải chăng con người đấu tranh là để chiến thắng thiên nhiên? Than ôi, quá trái với Đạo! Vì mùa xuân đến thì hoa nở, hạ về thì phượng nở ve reo, thu sang thì lá ngô đồng rơi rụng, đông lại thì mưa sa gió táp. Sự việc xưa nay như thế có gì để đấu tranh.

Lại nữa, mặt trời thì soi chiếu ban ngày, mặt trăng thì soi chiếu ban đêm, quả đất thì vận chuyển và hàm dung. Đạo lý của trời đất xưa nay như vậy, vậy thì con người đòi hỏi cái gì nơi trời đất mà cớ xúy đấu tranh?

Hay là người ta muốn cố xúy đấu tranh với các bậc Thánh Hiền? Phật và Chúa thì tâm lượng quá rộng lớn, quá bao dung, quá thánh thiện, mà sự hiểu biết và tâm lượng của con người thì quá hạn hẹp và phạm tục, vậy thì có đáng gì với các Ngài mà cố xúy đấu tranh?

Con ơi! Theo Thầy, sống đâu phải là để đấu tranh, mà sống là để sống và sống cho đẹp. Muốn sống cho đẹp và trọn vẹn, thì con người phải buông bỏ ý thức đấu tranh. Vì sao? Vì có ý thức đấu tranh là có thù đoạn, có gian manh, có lão lờng, có ngăn cách, có tật đố, có căm tức, có bôi nhọ, có sự thương tích và có đầy đủ mọi thú tính.

Con biết không? Trong đời sống của con người mà có tất cả những thứ đó, thì con người không còn là con người nữa. Con người đã đánh mất chính mình.

Con người có thể trở thành con người đích thực, khi nào con người biết buông bỏ ý thức đấu tranh với kẻ khác, với cái khác mà tự quay về để nhận diện, nhìn sâu vào những gì thấp kém đang có mặt ở nơi bản

thân để tự thắng và thắng hoa.

Một khi con người tự thắng và vượt qua được những bản năng thấp kém của chính mình, để vươn tới cái đẹp của nhân bản và nhân văn, thì bấy giờ con người mới thật sự có nền văn minh của chính nó. Và đương nhiên, nền văn minh ấy làm nền tảng cho con người có thể bước tới nền văn minh cao quý của các bậc Thánh Hiền.

Con biết không? Ngày xưa đất nước mình có tên là Văn Lang. Văn là văn hóa, là vẻ đẹp. Lang là người con trai. Người con trai có văn hóa, có vẻ đẹp.

Như vậy, nước Văn Lang là nước của những người có văn hóa, có vẻ đẹp. Cái đẹp của con người.

Người có văn hóa là người có khả năng biểu hiện cái đẹp hằng ngày trong đời sống của chính họ. Và có khả năng thưởng thức cũng như tiếp nhận những cái đẹp từ mọi phía.

Có nhiều người có học vấn, có học vị, nhưng không

có văn hóa. Có nhiều người Việt Nam có học vấn, có học vị nhưng không phải là con cháu của nước Văn Lang. Vì sao? Vì họ không biểu lộ được cái đẹp của truyền thống Văn Lang ở trong đời sống của chính họ. Họ không biểu lộ được cái đẹp khi họ tiếp xúc với người và vật. Và quan trọng hơn nữa, là họ không tiếp xúc được với cái đẹp cội nguồn.

Con ơi! Người dân nước Văn Lang là những người yêu chuộng cái đẹp của con người, thiên nhiên và đạo lý.

Nên, buổi đầu kỷ nguyên, đạo Phật từ Ấn Độ đã truyền vào Luy Lâu ở đất Giao Châu của nước ta lúc bấy giờ. Và bấy giờ, đạo Phật đã được tổ tiên mình ngưỡng mộ. Sở dĩ tổ tiên của chúng ta ngưỡng mộ đạo Phật là vì nơi đạo Phật có chất liệu của con người và thiên nhiên.

Không những vậy, mà tổ tiên của chúng ta còn nhận ra nơi đạo Phật có rất nhiều chất liệu để làm cho thân tâm của con người trở nên thánh thiện và hạnh phúc

ngay giữa cuộc đời.

Trong thư con đã viết cho Thầy rằng: “Con yêu đạo Phật vì đạo Phật xuất thân từ con người. Và vì đạo Phật dạy cho con người về lòng từ bi và nhân ái”.

Con viết đúng, chính do đạo Phật mang tính người, mang tính từ bi và nhân ái, nên đạo Phật đã đi vào Việt Nam, thể nhập vào nguồn sống của dân tộc mình, mà không bị một sự ngăn cách nào cả.

Đạo Phật không những không ngăn cách đối với cái đẹp của dân tộc mình mà còn làm cho truyền thống của dân tộc mình trở thành một sức sống rạt rào trong ý thức tự giác và tự chủ.

Con biết không? Trong cuộc sống, nếu con người không có ý thức tự giác, thì sẽ không có ý thức tự chủ, và nếu không có ý thức tự chủ, thì sẽ không có ý thức về tự do. Không có ý thức tự do, thì con người không có khả năng phát minh để trở thành văn minh và hạnh phúc. Con người không có ý thức tự chủ và tự giác,

thì sự có mặt của con người là chỉ để làm nô lệ.

Bởi vậy, không có một sự văn minh nào của loài người mà không có gốc rễ từ ý thức tự giác. Tự giác chính là bản thân của đạo Phật. Tự giác là tự tỉnh. Tự tỉnh mới nhận ra được giá trị thâm sâu ở trong đời sống con người. Có nhận ra được giá trị ấy, con người mới vươn mình đi tới với cái đẹp và đồng thời con người mới có khả năng chống đỡ và chuyển hóa mọi cái xấu đang có mặt nơi mình hay chung quanh mình.

Con biết không? Chùa Một Cột là một trong những nét nghệ thuật kiến trúc độc đáo, có tính văn hóa Đại Việt vào triều Lý.

Chùa ấy là một phần kiến trúc trong toàn cảnh của chùa Diên Hựu, hiện đang tọa lạc tại quận Ba Đình, thủ đô Hà Nội.

Chùa mang tên Diên Hựu, vì chức năng của chùa là giúp đỡ cho vận mệnh của dân tộc đứng vững, dài lâu.

Chùa do vua Lý Thái Tông xây dựng vào năm 1049,

nhân vào một đêm vua nằm chiêm bao, thấy Bồ tát Quán Thế Âm ngự ở tòa sen giữa một cái hồ và vua cũng có diễm phúc được ngự trên tòa ấy.

Sau khi tỉnh mộng, vua đem mộng ấy trình cho thiên sư Thiên Tuệ và thiên sư khuyên vua nên xây dựng ngôi chùa với kiến trúc như vua đã thấy ở trong mộng.

Sau đó, vua Lý Thái Tông đã xây dựng ngôi chùa với kiến trúc mái cong uyển nhã, dựng trên một trụ đá đứng vững chãi trên hồ và vươn mình như một đóa sen.

Vua nhà Lý kiến trúc ngôi chùa như vậy, mang một ý nghĩa gì con có biết không?

Với kiến trúc ngôi chùa mái cong uyển nhã là để biểu tượng rằng: Nền đạo lý và văn hóa Đại Việt không khô chết, cứng đờ mà rất uyển chuyển và linh hoạt. Và chỉ có nền đạo lý và văn hóa ấy, mới là trụ cột làm cho đất nước đứng vững chãi trước mọi làn sóng văn hóa xâm thực phi nhân bản.

Lại nữa, chùa Một Cột đứng giữa hồ, đây là lối kiến trúc nhằm để diễn tả đạo lý Bất nhị của đạo Phật.

Cái hồ là biểu tượng cho biển đời sanh tử. Ở giữa cái hồ có một ngôi chùa mọc lên và đứng vững chãi, là biểu tượng rằng: Đạo Phật có mặt là từ cuộc đời và đứng vững chãi giữa cuộc đời. Đạo Phật đứng ngay ở trong lòng sinh tử mà giải thoát, đứng ngay ở giữa biển đời mê lầm mà giác ngộ; đứng ngay giữa chúng sanh mà thành Phật. Và ngay ở nơi tâm địa chúng sanh mà nhận ra Phật tính và hiển thị tính ấy cho tất cả.

Con ơi! Bây giờ, chính là đạo lý Bất nhị của đạo Phật đã làm trụ cột cho nền tư tưởng và văn hóa Đại Việt vào thời đại Lý - Trần. Và nhờ trụ cột đó, mà dân tộc Đại Việt đã có nền tự chủ và cực thịnh nhất của lịch sử dân tộc nước mình.

Cuối Trần và Hậu Lê, dân tộc mình không còn thiết lập trên nền tảng giáo dục khai phóng, mà lại thiết lập giáo dục trên nền tảng khoa bảng, từ chương và danh lợi. Do đó, đã đưa đến tình trạng mất nước vào

triều Nguyễn.

Một khi đất nước đã rơi vào bàn tay của những người đi thực dân, thì người thực dân tìm đủ mọi cách để bứng dân tộc mình ra khỏi văn hóa của cha ông mình.

Trong hệ thống giáo dục của dân mình vào những thời đại thực dân mới, mẫu Hán tự và Nôm bị loại bỏ và người ta đã thay thế những mẫu tự ấy bằng mẫu tự La-tinh.

Con biết không? Mẫu tự Hán trong văn hóa Việt Nam là do dân tộc mình tiếp thu nền văn hóa Trung Hoa trong thời kỳ một ngàn năm Bắc thuộc.

Dân tộc mình trước Bắc thuộc, tức là trước năm 43 Tây lịch, đã có một nền văn hóa tự chủ hơn hai ngàn năm, kể từ khi vua Hùng dựng nước.

Trong nền văn hóa ấy, có Việt luật, tức là nền pháp trị của người Việt; có lịch pháp, tức là phương pháp tính ngày giờ, năm tháng; có Việt ca, tức là những thi ca của người Việt...

Một trong những bài Việt ca lâu đời nhất, hiện có ở trong Thuyết Uyển là:

“Lạm hề biện thảo
Lam dư xương hộ
Trạch dư xương châu
Châu khám châu
Yên hồ tần tư
Tư mạn dư
Hồ chiêu thiên tần dũ
Sấm thật tùy hà hồ”.

Bài Việt ca này, theo thầy Trí Siêu đề nghị đọc theo tiếng Việt hiện đại như sau:

“Lắm buổi bên đảo
Lắm giờ chung gọ
Nước giờ chung đuốc
Đuốc cành đuốc

Yên dạ gìn vua
Vua vẫn vờ
Dạ sao thân gìn vua
Xiêm thực vị há hồ”.

Con ơi! Loại văn tự của dân tộc mình sử dụng trước kỷ nguyên là loại văn tự tá âm, nghĩa là mượn mẫu tự Hán để ghi âm tiếng Việt.

Vào khoảng 370 - 450 Tây lịch, Pháp sư Đạo Cao mới ra các tác phẩm “Tá âm và Tá âm tự”, quy định những chữ Hán nào có thể mượn để tá âm (tá âm tự) và quy định những nguyên tắc để mượn (tá âm).

Như vậy, con thấy không? Việt Hán hay Việt Nôm là loại chữ mà ngày xưa tổ tiên mình đã khéo sử dụng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Và trong nền văn hóa ấy, có vô số tư tưởng cao đẹp và có rất nhiều tâm sự mà tổ tiên đã muốn gửi gắm đến những thế hệ của chúng ta. Nhưng, thế hệ của chúng ta vẫn không nhận ra được, không tiếp xúc được, là chỉ vì sự vụng

dại của chúng ta và của cha anh chúng ta.

Con biết không? Người làm giáo dục của một dân tộc, người đó phải có khả năng tiếp xúc với nền văn hóa cội nguồn, để nhận diện bộ mặt đích thực của cha ông là gì, mới có khả năng vạch hướng giáo dục có những chất liệu vừa thừa kế và vừa phát triển. Nếu người làm giáo dục mà không có những khả năng như vậy thì chỉ là kẻ phá sản. Và càng giáo dục thì càng phá sản mà thôi. Người làm giáo dục phải là con người không cố chấp, không phe nhóm, không có đầu óc kỳ thị, người ấy mới có thể đáp ứng sự hiểu biết toàn diện cho con người.

Con ơi! Ở đây, trong một ý nghĩa giới hạn nào đó, thì đức Phật có thể cho phép chúng ta gọi Ngài là một nhà giáo dục toàn diện.

Sở dĩ chúng ta gọi đức Phật là nhà giáo dục toàn diện, vì Ngài là vị Thầy đầu tiên mở ra cho loài người một nền giáo dục khai phóng. Nghĩa là, Ngài là vị Thầy đầu tiên khơi mở sự hiểu biết cho con

người, và phóng cái hiểu biết của con người đi tới sự thật toàn vẹn. Một sự thật không hề bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Không gian và thời gian là hai yếu tố luôn luôn có mặt trong mọi sự thể. Con là một sinh viên học kiến trúc, con phải nhận ra được sự thật này để kiến trúc “Công nghệ và môi trường”.

Nhưng, con ơi! Muốn kiến trúc một công nghệ đẹp, thì phải có một môi trường đẹp. Muốn kiến trúc một môi trường đẹp, thì phải có một cái nhìn đẹp. Muốn có một cái nhìn đẹp, thì phải có một tâm hồn đẹp. Và muốn có một tâm hồn đẹp thì phải biết phương pháp xây dựng và kiến trúc tâm hồn.

Trường học ngày nay đã có thể dạy cho con về cách kiến trúc nhà cửa, kiến trúc đường sá, kiến trúc môi trường, nhưng người ta đã bỏ quên đi, không dạy cách kiến trúc tâm hồn con người cho con!

Con ơi! Một khi tâm hồn của con người đã bị phá sản

và đồ võ, thì không có một thứ kiến trúc nào, một nghệ thuật nào được gọi là có giá trị và đáng trân quý nữa cả. Vì sao? Vì kiến trúc là kiến trúc cho con người, xây dựng là xây dựng cho con người, nhưng tâm hồn của con người đã bị phá sản, thì mọi xây dựng, kiến trúc khác còn có ý nghĩa gì!

Do đó, Thầy đề nghị các sinh viên khoa Kiến trúc, phải học khoa kiến trúc tâm hồn, trước khi học bất cứ khoa kiến trúc nào khác.

Sở dĩ, Thầy viết cho con nhiều vấn đề như vậy, là không phải Thầy chỉ viết cho con, mà viết cho thế hệ của con và những thế hệ đàn em của con và ngay cả thế hệ đàn anh của con nữa.

Sau cùng, Thầy muốn gọi con là Thanh Tịnh và Thầy cũng muốn gọi thế hệ của con là Thanh Tịnh, là vì Thầy muốn thế hệ của con phải kiến trúc lại sự thanh tịnh ở nơi tâm hồn trước khi kiến trúc “môi trường và công nghệ”.

Trong Phật giáo, có một chúng hội thanh tịnh rộng lớn như biển cả, mà thuật ngữ gọi là “Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát”, Thầy muốn con và thế hệ của con phải đi vào trong biển cả rộng lớn của hội chúng thanh tịnh này, để cùng nhau xây dựng và kiến trúc lại những gì mà thế hệ đi trước đã bỏ quên hoặc chưa có điều kiện để xây dựng.

Thầy hy vọng rằng, những gì Thầy viết cho con hôm nay, con sẽ nhận ra và lãnh hội được nhiều ý nghĩa sâu xa của nó, và có khả năng thăng hoa, để thể hiện cái đẹp đích thực của con người.

Hai tác phẩm của Thầy viết, con đã có dịp đọc, và nên đọc lại nhiều lần, để cảm nhận được những gì sâu xa mà Thầy đã gói gắm trong đó.

Thầy cầu nguyện cho con luôn luôn có sự thanh tịnh của tâm hồn.

Thầy.

Huế, ngày 16 - 11 - Đinh Sửu

Viết cho đệ tử Nhuận Từ Nguyên

Thầy muốn gọi tên người đệ tử của Thầy là Nhuận Từ Nguyên, vì Thầy thấy rằng người học trò ấy, có khả năng tiếp xúc và gội tắm trong nguồn suối yêu thương, tươi mát ngay trong đời sống hiện tại, qua những động tác có chánh niệm hằng ngày.

Một người có quán niệm, chưa hẳn là người đó có hạnh phúc, an lạc. Vì quán niệm chỉ là bước đầu của sự nhìn sâu vào các đối tượng như thân thể, cảm giác, tri giác, tâm hành và các chủng tử để nhận rõ nó đang là gì. Còn chánh niệm là do kết quả của quán niệm đem lại. Kết quả ấy, đã có quá trình gạn lọc để chuyển hóa và thăng hoa trên lộ trình giác ngộ của Thánh đạo.

Trong chánh niệm luôn luôn có chất liệu của Niết bàn, nghĩa là có chất liệu vững chãi và thanh thoi của bậc Thánh.

Thành thoi là không bị mắc kẹt bởi bất cứ một điều gì, một cái gì, ngay cả một ý niệm về ngã. Do đó, trong thành thoi, có những chất liệu an lạc, tự tại và giải thoát.

Vững chãi là thân tâm nhất như, thân tâm không bị lay chuyển bởi các dục ở đời đã đành mà không còn bị lay chuyển bởi các tạp niệm hằng ngày như yêu, ghét, khen, chê, thị, phi, vui, buồn... Do đó, vững chãi chỉ có thể xảy ra cho một người có tâm an trú vào Định.

Và Định làm nền tảng cho Tuệ, Tuệ là nhận rõ bản chất của mọi sự hiện hữu bằng trực giác, chứ không phải bằng tỷ lượng hoặc ý niệm.

Hiểu và biết bằng trực giác, đó là tính chất của Tuệ. Ở trong đời có nhiều người hiểu và biết, nhưng không phải hiểu và biết của Tuệ. Hiểu và biết của Tuệ luôn luôn đi kèm theo Giới và Định.

Tuệ được tỏa ra từ Giới và Định, gọi là Chánh tuệ. Tuệ ấy có năng lực tháo gỡ mọi sự mắc kẹt của tự thân, để đi tới với đời sống tự do, với đời sống vô hạn, siêu thời gian, vượt qua mọi ý niệm về ngã.

Khi một người tu tập có Tuệ, người đó tức khắc chấm dứt mọi khát vọng và một khi mọi khát vọng đã chấm dứt, người đó mới có khả năng ngồi ngay chợ đời mà nghe chim hót giữa bầu trời tự do, hoặc đứng vững chãi thành thoi giữa đôi bờ sinh tử.

Bởi vậy, Thầy muốn người học trò của mình đi từng bước vững chãi và thành thoi trên con đường Giới - Định - Tuệ, để có khả năng tháo tung những gì đang trói buộc, nhằm bước tới với suối nguồn yêu thương và tươi mát ngay trong cuộc đời này.

Và để sách tấn, Thầy tặng bài thi kệ:

Suối mát Nhuận Từ Nguyên

Vừa thanh lại vừa huyền

Tâm chơn tùy cảnh hiện

Mỉm cười ngắm trăng lên.

Thầy.

Huế, ngày 20-11-1997

Lời ghi cho đệ tử Tâm Ân

Những ai muốn có an lạc và hạnh phúc, thì trong cuộc sống của họ, phải thực tập hạnh thẳng thẳng và khiêm cung, phải thực tập hạnh bao dung và hỷ xả, phải thực tập nếp sống từ hòa, điềm đạm và không đua đòi theo đám đông.

Người biết sống như vậy, sẽ đem lại nhiều hạnh phúc và an toàn cho bản thân, gia đình và xã hội.

Người đàn ông nào biết thực tập đời sống như vậy, người đàn ông đó, có khả năng che chở và đem lại nhiều hạnh phúc cho người yêu hoặc cho bà vợ thân quý và đàn con ngoan xinh của mình.

Người đàn bà hoặc người con gái nào biết thực tập đời sống như vậy, thì người đàn bà hoặc người con gái ấy, có khả năng tạo dựng hạnh phúc cho mình và đem lại nhiều hạnh phúc cho gia đình, cũng như xã hội.

Và người nào thực tập như thế, thì lòng từ bi của người đó sẽ lớn mạnh, không những đem lại an toàn cho tự thân, mà còn đem lại an toàn và che chở cho gia đình, không những che chở được một gia đình mà nhiều gia đình, không những che chở nhiều gia đình mà che chở nhiều dòng họ; không những che chở được nhiều dòng họ mà che chở được nhiều xóm làng; không những che chở nhiều xóm làng mà che chở nhiều quốc gia; không những che chở được nhiều quốc gia mà còn che chở cả hết thủy loài người; và không những che chở hết thủy loài người mà còn che chở hết thủy chúng sanh.

Người nào biết thực tập như thế mỗi ngày, thì sự hiện hữu của vị đó quý báu, như mặt trời hiện hữu giữa mùa đông và mùa xuân, như mặt trăng hiện hữu giữa mùa hạ và mùa thu, như hồ nước trong hoặc tàng cây cỏ thụ có mặt giữa mùa nắng hạn.

Thầy thấy đệ tử Tâm Ân đã có nhiều thiện duyên, có lòng từ với vợ, có đức bao dung với con, có hiếu với

tứ thân và biết chăm sóc những điều tốt đẹp cho bạn bè, và mỗi ngày sự bình an càng hiện rõ và lớn mạnh trong cuộc sống. Do đó, Thầy ghi những lời này để sách tấn và tặng bài thi kệ:

Giản dị sống hạnh phúc

Tâm ân miệng mỉm cười.

Cư trần niềm tin lớn,

Đạo quý chỗ không lời.

Thầy

**Pháp thoại cho các sinh viên
và học sinh nghèo, vào ngày 23-11-1997**

Các con thân mến!

Trước khi các con nghe Pháp thoại, các con hãy
chấp tay lại, ngồi thật thẳng để nghe tiếng chuông,
và đưa tiếng chuông đi sâu vào trong lòng của
mình, để bao nhiêu sự xáo động trong tâm của các
con được lắng yên!

Bây giờ, Thầy đánh chuông, tiếng chuông sẽ ngân
lên và có lời kệ kèm theo như sau:

“Nghe chuông phiền não tan mây khói,

Ý lặng tâm an miệng mỉm cười,

Hơi thở nương chuông về chánh niệm,

Vườn tâm hoa tuệ nở muôn nơi”.

Ngồi ở trong thiền đường Trăng Rằm này, các con

hãy vận khởi lên những tâm nguyện trong sáng và rộng lớn như sau:

“Ngồi đây ngồi cội Bồ đề

Vững tâm chánh niệm không hề lãng xao”.

Các con hãy nhắm mắt lại và theo dõi ba hơi thở vào ra, để bài kệ thiền tọa này lắng sâu vào trong tâm thức của các con!

Các con là hạt giống tốt đẹp của cha mẹ, của dòng họ nội ngoại và của tổ tiên huyết thống. Các con là hoa trái của tình yêu do cha mẹ tác thành. Các con có thể trở thành những hoa trái của tình yêu, rất đẹp, thơm và ngọt. Các con có thể trở thành những bông hoa của tình yêu có hương và sắc, khi nào các con biết nuôi dưỡng tình người với tâm hồn mở rộng.

Nét đẹp của các con sẽ hiện rõ, khi nào các con có ý thức rằng, mình là con của ba và mẹ, là cháu của ông và bà, và học trò của các thầy và cô, và là một con người đang sống giữa cộng đồng nhân loại.

Con có ý thức rõ như thế, thì nét đẹp nơi bản thân của các con sẽ hiện ra trong lời nói và việc làm, trong cách học hành và ứng xử. Và như thế, các con sẽ đem lại vẻ đẹp cho gia đình, sự vinh quang cho dòng họ, và đem lại nhiều lợi ích cho xã hội.

Các con có thể đem lại nhiều lợi ích cho xã hội, chính bằng những vẻ đẹp ấy của các con. Và nét đẹp trong đời sống của các con, phải được thiết lập trên nền tảng của đạo đức. Một con người sống không có đạo đức, thì không thể nào có vẻ đẹp.

Các con muốn sống đời sống đạo đức, thì trước hết, các con phải có tình người. Chất liệu then chốt để tạo nên tính người và tình người là Hiếu kính và Thương yêu.

Các con phải có lòng hiếu kính và thương yêu cha mẹ, phải biết quý trọng thầy cô, phải biết thương yêu anh chị em và bạn bè của mình. Đó là những nét đẹp tất yếu của con người. Nét đẹp ấy, không phải chỉ có nơi các con, mà bất cứ ai muốn sống cho ra người,

thì cũng phải có chất liệu hạnh phúc ấy.

Thầy biết các con, mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau, trong các con có thể có những người ra đời mà không thấy được mặt cha mình; hoặc có những người lớn lên tuổi xuân chưa tròn thì mẹ mình đã bỏ mình để bước qua một thế giới khác; hoặc là trong các con có những người lớn lên, cha và mẹ còn đó, nhưng cha mẹ giận hờn nhau, nên chỉ cha các con có thể đã đi một đường, mẹ của các con đã có thể đi một ngã, các con đã phải về sống với ông bà nội hoặc ông bà ngoại, hay với anh, với chị, hoặc cô, dì, chú, bác của mình; hoặc trong các con có những người rất hạnh phúc, được cha mẹ cưng chiều, được thầy cô giúp đỡ, được quý vị trong Ban hướng dẫn dìu dắt.

Tuy nhiên, mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau, nhưng vẫn có một đáp số chung, đáp số ấy là đáp số làm người. Được làm người là một phước đức lớn, các con hãy cẩn thận, hãy thận trọng, đừng để phước đức ấy bị đánh mất đi!

Thầy rất thông cảm với các con, với tuổi trẻ có thể đã có quá nhiều vụng dại, nông nổi đưa tới nhiều lỗi lầm trong cuộc sống. Do là tuổi trẻ, nên cái nhìn chưa sâu, chưa có sự hiểu biết chín chắn, chưa có được kinh nghiệm sống, nên các con đã có thể vụng dại, lỡ lời với cha mẹ, hoặc có những cử chỉ không đẹp, không dễ thương. Và các con đã có thể có những lời vụng về với anh chị mình, với em mình. Tất cả những cái vụng về đó, những lầm lỡ đó, nếu các con không được hướng dẫn để chuyển đổi, thì phước báo của các con sẽ bị xói mòn và lẽ đương nhiên, điều xấu, điều bất hạnh sẽ xảy ra trong đời sống của các con, nó sẽ đi đến với các con bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Bởi vậy, Thầy dạy các con rằng: Trong đời sống hằng ngày, các con phải có cái nhìn đối với mọi sự việc một cách yên lặng và sâu sắc để các con có khả năng nuôi dưỡng phước đức và duy trì hạnh phúc của mình.

Muốn vậy, thì ở trong gia đình, các con phải luôn

luôn thể hiện lòng hiếu kính và thương yêu đối với cha mẹ của mình, luôn luôn biết kính trọng thầy cô, biết khiêm tốn với bạn bè, với anh chị em và luôn luôn biết thể hiện tinh thần tri ân cũng như báo ân đối với những vị đã tạo điều kiện cho mình sống, đã giúp đỡ cho mình học tập và đã tác thành cho mình nên người.

Trong đời sống hằng ngày, các con làm được như vậy, thì phước đức của các con ngày càng lớn thêm, càng tăng lên, không những chỉ ảnh hưởng trong phạm vi gia đình mà còn ảnh hưởng tốt ở phạm vi xã hội nữa. Phước đức đó sẽ kéo dài suốt cả cuộc đời của các con. Trên đường đời, các con sẽ có những thành công sáng chói và sự sáng chói trong tương lai của các con phải có gốc rễ từ nơi đời sống của tuổi học trò này.

Hỡi các con! Các con muốn trở thành những người đạo đức trong tương lai, thì các con hãy thiết lập đạo đức ngay từ bây giờ, tức là ngay ở nơi lứa tuổi học

trò này. Các con muốn trở thành những người dễ thương trong tương lai, thì các con phải thực tập cái dễ thương ngay ở nơi tuổi trẻ này. Tuổi học trò là cái tuổi đẹp nhất, hồn nhiên nhất của đời người. Bây giờ, Thầy muốn trẻ để làm học trò như các con cũng không được. Ba mẹ các con muốn trẻ lại để làm tuổi học trò hồn nhiên như các con cũng không được. Vậy, tuổi học trò là lứa tuổi đẹp nhất, triển vọng nhất, các con phải ý thức điều đó, để nuôi dưỡng cái đẹp và phát triển tài năng của mình, các con phải ý thức điều đó, để tôi luyện đạo đức cho mình, để luyện tập cái hiểu biết đúng đắn và cái trí tuệ sâu xa của mình, để các con xứng đáng là con cháu của tổ tiên, của cha mẹ, là hạt giống cao quý của dòng họ và là những con người quý báu của đất nước trong tương lai, và là hoa người của loài người.

Các con muốn nuôi dưỡng những gì tốt đẹp đó, thì mỗi ngày, các con phải biết chăm sóc, tưới tắm những hạt giống tốt đẹp nơi quê hương tâm linh của mình.

Ở nơi gia đình của các con, có thể đã có bàn thờ Phật, hoặc chưa, có thể chỉ có bàn thờ tổ tiên thôi, thì vào buổi tối trước khi đi ngủ, các con đến bàn thờ của Phật hoặc của tổ tiên, các con chắp tay lại, nhìn sâu vào hình ảnh của Phật hay của tổ tiên, rồi thở vào thật sâu, thở ra từ từ và có ý thức trong từng hơi thở ấy, thở xong ba hơi thở thật sâu sắc như vậy, các con mới bắt đầu thưa với Phật hoặc tổ tiên ông bà của mình rằng:

“Kính bạch Ngài, hoặc kính thưa ông bà! Chúng con nguyện sống xứng đáng là những đệ tử, những đứa con, những đứa cháu thật dễ thương, thật xứng đáng với những gì mà Ngài và tổ tiên đã để lại cho con, và xin Ngài cũng như tổ tiên ông bà gia hộ cho con luôn luôn làm một người con dễ thương”.

Nếu ở gia đình của các con không có bàn thờ Phật mà cũng không có bàn thờ tổ tiên, như vậy là gia đình của các con đã đánh mất cội nguồn tâm linh và cội nguồn huyết thống, thì các con phải có bổn phận

thiết lập lại cội nguồn ấy, ở nơi tự thân của các con. Mỗi buổi tối, sau khi học bài xong, các con lên giường để ngủ, các con không nên ngủ liền, mà các con phải ngồi ngay thẳng, xây mặt vào trong tường và thầm nói: “ Con luôn luôn là đệ tử của Phật, là cháu của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con nguyện phải sống thật đẹp, thật dễ thương, để đức Phật nhìn con mà mỉm cười, tổ tiên nhìn con mà sung sướng, cha mẹ nhìn con mà hạnh phúc”.

Sau khi các con đã nói với lòng mình như thế xong, các con hãy theo dõi ba hơi thở “thở vào thật sâu và có ý thức, thở ra từ từ và có ý thức”, rồi sau đó các con nằm xuống để ngủ.

Sáng dậy, các con cũng làm như thế trước khi đặt chân xuống đất, nghĩa là các con ngồi ngay thẳng và thầm nói: “Ngày nay, lòng dạn lòng, là luôn luôn phải sống xứng đáng là người đệ tử Phật, là con cháu của tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Ngày hôm nay con nguyện sống thật đẹp, ví như loài hoa vừa có sắc lại vừa có hương”.

Ngày 20 tháng 11 vừa qua, các con đã đi mua hoa để tặng thầy và cô giáo. Và trong các ngày lễ lớn, người ta thường đem hoa để chưng vào những nơi đặc biệt, hoặc những chỗ linh thiêng, nhưng tất cả những loại hoa mà các con mua hoặc mọi người mua ấy đều là những loài hoa vô tình. Các con có thể là hoa, một loài hoa hữu tình, ấy là loài hoa hết sức sinh động, nếu trong đời sống hằng ngày, các con biết nuôi dưỡng những đức tính tốt đẹp, như hiếu kính, thương yêu, khiêm tốn, điềm đạm, ngay thẳng, không đua đòi theo cái bên ngoài, thì các con có khả năng biến mình thành một loài hoa vô cùng cao quý, đẹp gấp cả trăm lần, ngàn lần, triệu lần so với các loài hoa hồng, hoa cúc, hoa lan, hoa mai...

Và như vậy, cha mẹ, thầy cô, khi nhìn thấy những bông hoa người sinh động ấy, sẽ có rất nhiều hạnh phúc, rất nhiều hãnh diện.

Và lẽ đương nhiên, khi các con đã trở thành loài hoa của người, thì cha mẹ của các con, dòng họ của các

con, thầy cô của các con và đất nước của các con có vinh dự biết bao!

Trước khi dứt lời, Thầy cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho các con thấm nhuần sự hiểu biết, thấm nhuần sự yêu thương để trở thành loài hoa người đích thực, đem lại niềm tin yêu cho tất cả.

Huế, ngày 26 -11-1997

Viết cho đệ tử Nhuận Thuần Nguyên

Ở trong đời, kiếm cho ra một người có lời nói dễ thương đã là khó, hướng chi là kiếm cho được một người có hành động dễ thương. Và kiếm cho ra một người có hành động dễ thương đã là khó, hướng chi kiếm cho ra một người có tâm hồn dễ thương.

Một người có tâm hồn dễ thương, là người biết sống với cõi lòng mở rộng, một người có lời nói dễ thương là người biết sử dụng ngôn từ trong khi giao tiếp với mọi người, không mang những chất liệu cay độc, đắng chát, một người có hành động dễ thương là người biết sử dụng mọi vật dụng trong vòng tay với bàn tay mở rộng.

Sống ở trong đời, người nào có lời nói dễ thương, hành động dễ thương, tâm hồn dễ thương, thì người đó là hồ nước mát giữa mùa hạ, là nắng ấm giữa mùa đông. Và người đó đem lại hạnh phúc, an lạc không

phải để cho tự thân mà cho nhiều người, không phải đem lại hạnh phúc an lạc cho một đời mà nhiều đời.

Thầy biết rằng, đệ tử Nhuận Thuận Nguyên đã có nhiều túc duyên trong Phật Pháp, đã sớm biết vun trồng cội phúc, và hương lành đã tỏa ra từ cuộc sống. Vậy, cần phải tinh chuyên hơn nữa, để cho sự nghiệp dễ thương ngày càng tỏa rạng.

Và để sách tấn sự nghiệp ấy, Thầy trao cho bài thi kệ:

“Suối sâu từ lòng đất,

Lưu chuyển giữa cõi đời,

Dưỡng nuôi tâm thuần tịnh,

Trăng đẹp tỏa ngàn nơi.”

Thầy.

Huế, ngày 30 -11-1997

Viết cho đệ tử Nhuận Thiệu Nguyên

Là đệ tử Phật, thì ngày cũng như đêm, sống với tâm không buồn chán, dù cho bị bạc đãi, bị ngộ nhận, hoặc bị la rầy, quở trách. Sống với tâm kiên trì, chịu đựng, vượt qua mọi khổ ưu, biết vươn lên từ hố thẳm, biết tắm gội suối nguồn tươi đẹp, biết lắng nghe chim hót, biết đứng nhìn những chiếc lá tiển đưa nhau đi về cổ quận, biết mỉm cười nhưng không đuổi bắt những ráng mây hồng, biết lắng nghe từng giọt nước mưa tí tách trên tàu lá chuối của mùa đông mà tâm không có cảm giác bồi hồi, biết ngắm nhìn một bông hoa đẹp mà không khởi lên ý tưởng ngoại cầu, người biết sống như vậy, thì hạnh phúc tràn đầy, niềm vui lớn mạnh, lửa sinh tử bị dập tắt, nổi oán khô kiệt.

Nhuận Thiệu Nguyên là suối nguồn đẹp và mát trong, suối nguồn ấy có thể lưu hiện ra với những ai,

sống với tâm tĩnh lặng, sống với tâm không buồn chán, biết kiên trì và chịu đựng mỗi ngày để thực tập những gì mà đức Phật đã dạy.

Thầy thấy đệ tử Nhuận Thiệu Nguyên sống có nhiều cảm xúc và biết chịu đựng để chuyển hóa những cảm xúc của mình trở thành những gì cao đẹp và thánh thiện, nên có lời sách tấn và trao bài kệ:

“Muốn dạo nguồn suối đẹp,

Phải đi bằng hai chân,

Ôm đá kê đầu ngủ,

Tâm rộng như hư vân”.

Thầy.

Huế, ngày 20 -12-1997

Thăm chị Hương Huyền

Thầy đã nhận thư của chị Hương Huyền đề ngày 06 - 11 - 1997, nay mới có thư hồi âm, thật quá trễ, mong chị thông cảm.

Huế, trời vào đông, khí hậu không mưa phùn gió bắc như mọi năm, thỉnh thoảng chỉ có một vài ngày lạnh lạnh thôi.

Thầy và Tăng thân Từ Hiếu vẫn sống như mọi ngày, vẫn từng bước chân thánh thoi và an lạc, vẫn bám sát từng hơi thở của mình với ý thức tỉnh giác, nên dù trời mùa đông hay trời mùa hạ, mùa xuân hay mùa thu, cũng vẫn thấy tâm hồn dịu ngọt và tươi mát mỗi ngày.

Giáo pháp của đức Thế Tôn để lại cho chúng ta, không phải để lý luận, không phải để tranh luận, lại càng không phải để tôn thờ, mà để thực hành, nhằm

đưa đến đời sống hạnh phúc, an lạc ngay trong cuộc sống này.

Có rất nhiều người tôn thờ đạo Phật, mà không phải sống như đạo Phật, nên họ đã có rất nhiều thất vọng và khổ đau. Và cũng có rất nhiều người học Phật rất giỏi, nghiên cứu đạo Phật và viết cả hàng ngàn trang sách hoặc trình bày giáo lý của đạo Phật một cách rành mạch, phiên dịch nhiều bộ kinh lớn của đạo Phật, nhưng trong đời sống của họ cũng đã bị cái tham, cái giận, cái kiêu căng, cái sợ hãi, cái ngã tướng và cái ngã tánh của họ vẫn đè nặng lên trên đời sống của họ và cuối cùng họ sống đời vẫn đầy thị, phi, nhân, ngã và khổ đau.

Tại sao như vậy? Tại vì những người ấy đã quên đi một điều rất căn bản mà đức Phật đã dạy:

“Những gì Như Lai đã làm, Như Lai mới nói; và những gì Như Lai nói là Như Lai đã làm.”

Bởi, đức Thế Tôn đã nói cho mọi người những gì mà

Ngài đã làm và đã sống, nên trong lời nói của Ngài tự nó tỏa ra sự chân thật, sự an lạc, vững chãi và thanh thoi.

Chúng ta là những đệ tử của đức Thế Tôn, chúng ta nguyện thực tập theo cách nói và cách hành của Ngài, để sự an lạc đối với chúng ta không còn là một ảo giác mà là một sự thật, và để đời sống hạnh phúc đối với chúng ta không còn là một hứa hẹn truy hoang mà là một năng lượng bình an có thật ở ngay nơi thân tâm này và ngay trong cuộc sống này.

Ở trong nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đã xác quyết một cách minh bạch đối với giáo pháp của Ngài như sau:

“Pháp của Như Lai dạy là thiết thực hiện tại, đem lại sự tươi mát, vượt thoát thời gian, đến để mà thấy, tự mình chứng nghiệm và có thể tri giác”.

Như vậy, những người đệ tử của đức Phật dù tại gia hay xuất gia, dù nam hay nữ, dù trẻ hay già, dù bình

dân hay trí thức, dù giai cấp thống trị hay nô lệ..., nếu tất cả họ muốn có an lạc trong hiện tại, vượt thoát sinh tử trong tương lai, thì họ không thể không học pháp và không thể không hành pháp bằng chính thân tâm này.

Niềm vui của một người do thực tập pháp đem lại, niềm vui ấy vượt thoát thời gian và không bị hạn chế bởi không gian. Niềm vui ấy mới là niềm vui đích thực.

Trái lại, niềm vui của một người săn đuổi ngũ dục và do ngũ dục đem lại, niềm vui ấy rất hạn chế. Vì sao? Vì vị ngọt của nó đem lại thì ít, mà chất cay đắng tỏa ra từ nó thì nhiều; sự thanh thản nơi nó thì ít, mà bị ràng buộc thì nhiều; sự bình an thì ít, mà sự lo lắng thì nhiều; sự trung thành thì ít, mà sự phản bội thì nhiều; sự liêm khiết thì ít, mà sự ô nhiễm thì nhiều; sự trong sáng thì ít mà sự mù quáng thì nhiều; sự công tâm thì ít mà sự tà tâm thì nhiều; lòng vị tha thì ít mà tính ích kỷ thì nhiều; tâm thỏa mãn thì ít mà tâm bất mãn thì

nhieu; lòng thương yêu thì ít mà tâm lợi dụng thì nhiều...

Bởi vậy, ai là kẻ trí thì phải can đảm mở những sợ dây ngũ dục, đang trói buộc mình, để vượt thoát, để đi lên bằng chính niềm tin và nghị lực, bằng chính lý trí và trái tim của mình.

Người đệ tử Phật, chúng ta có một hạnh phúc lớn, có một vinh dự lớn, một niềm vui lớn là ở trong đời sống của chúng ta luôn luôn có Phật, Pháp và Tăng.

Phật - Pháp - Tăng là chỗ nương tựa của đức tin, là nơi đi về của lý trí và lực đẩy của trái tim. Người nào sống ở đời mà không có đức tin, người đó tự đẩy cuộc đời mình đi vào tuyệt lộ. Người nào sống ở trên đời mà không có lý trí, người đó tự đẩy cuộc đời mình đi vào sự khổ lụy chung thân. Và người nào hành động không có trái tim, thì người đó tự đẩy cuộc sống của mình đi vào địa ngục băng giá.

May mắn thay cho chúng ta, thật hạnh phúc thay cho

chúng ta! Chúng ta được điểm phúc làm đệ tử của đức Thế Tôn, nên mọi hành xử của chúng ta là hành xử của một con người có đức tin, được giáo dưỡng bằng lý trí, được soi chiếu bằng tuệ giác, được thúc đẩy bằng trái tim yêu thương chân thật.

Chị Hương Huyền! Nếu một người thực tập chánh niệm qua mọi động tác sinh hoạt hằng ngày, thì năng lượng tuệ giác của vị đó sẽ lớn mạnh mỗi ngày. Mỗi khi tuệ giác của vị đó đã lớn mạnh, thì sự yêu thương của vị đó cũng lớn mạnh. Vị đó không phải chỉ có một trái tim, mà vị đó có hàng tỷ tỷ trái tim, hoặc vị đó có thể có vô số vô biên trái tim. Mỗi tế bào tim của vị đó, có thể trở thành một trái tim, mỗi tế bào não của vị đó có thể trở thành một trái tim, mỗi tế bào nơi thân thể của vị đó, có thể trở thành một trái tim, một phân tử nước, một nhiệt lượng tử, một lực chuyển vi tế, một tư niệm nơi tâm thức của vị ấy đều có thể trở thành một trái tim. Và như vậy, trong đời sống hiện tại, vị ấy có thể có đến vô số, vô biên, vô lượng trái tim. Và mỗi trái tim như vậy của vị đó có

thể hàm chứa vô số, vô biên năng lượng thương yêu bằng tuệ giác.

Như vậy, đối với một vị tu tập chánh niệm, vị đó không bao giờ thấy rằng, trái tim chỉ là một trái tim thôi, mà vị đó thấy rằng một trái tim là của vô số trái tim. Và mỗi trái tim đều phải rung theo nhịp của toàn thể vũ trụ, nó vận hành theo sự vận hành của toàn thể vũ trụ, nó hàm dung hết thấy Thể, Tính, Dụng, Lực của toàn thể vũ trụ. Nó có mặt là do những gì trong toàn thể vũ trụ có mặt.

Đó đó, trái tim của người có năng lượng chánh niệm không sống đơn điệu, mà sống hòa nhập, một sự hòa nhập có tuệ giác. Và do đó, trái tim của một vị có năng lượng chánh niệm sẽ không bao giờ bị hủy diệt bởi thời gian và không gian, mà chỉ có những trái tim của những người ích kỷ, hữu ngã, vọng ngoại tìm cầu bị hủy diệt bởi những thế lực vô minh và thác loạn của họ ở nơi tự thân.

Và như vậy, trái tim của một kẻ vọng ngoại, điên đảo, ích kỷ thì không cần ai hoặc cái gì hủy mà nó cũng tự diệt.

Chân lý vốn là như vậy, do đó, là đệ tử của đức Thế Tôn, Thầy muốn chị Hương Huyền và đoàn Nữ Phật tử Tâm Chánh, phải luôn luôn thực tập chánh niệm mỗi ngày qua những hành xử của thân và qua những cảm giác, tri giác, tư niệm của tâm, để cho trái tim chánh niệm trở thành bất diệt.

Thầy cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho tất cả chúng ta đều an lành.

Thầy.

Huế, ngày 4-1-1998

Anh Thái Siêu quý mến!

Em đã nhận được thư của anh đề ngày 21-11-1997, tại Delhi do Nguyên Đạt trao lại, nay mới có thư hồi âm. Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho anh có nhiều an lạc và hạnh phúc.

Đọc thư, em cảm thấy thương anh nhiều. Một người đã chịu khó, chịu nhọc rất nhiều thời gian, để ngày nay có mặt trên đất Ấn, chiêm bái các Phật tích và học tập những gì còn lại tại đó.

Phật giáo xuất thân từ Ấn Độ để hóa giải tập khí giai cấp đang thống trị nặng nề trên xã hội ấy. Các nhà vua đương thời như Bimbisāra của xứ Magadha, vua Pasenādi của xứ Kōśala đã được đức Thế Tôn trực tiếp giáo hóa, nên tâm hồn của họ đã mở rộng, do đó, dân Ấn lúc bấy giờ có nhiều hạnh phúc hơn bây giờ.

Nhưng , Phật giáo Ấn Độ lại bị suy tàn từ tám thế kỷ

nay, mà hiện tại chưa có cơ hội phục hồi, đó là điều hết sức bất hạnh cho dân Ấn.

Bất cứ xã hội nào mà giai cấp thống trị tự cho mình là quý tộc, thì người dân trong xã hội đó, đương nhiên là có nhiều bất hạnh.

Có thể dân tộc Ấn Độ không nghèo về tư tưởng, không nghèo về tôn giáo, không nghèo về con người, nhưng chắc chắn dân tộc đó rất nghèo về cái nhìn bình đẳng giữa con người và con người.

Và chính do sự nghèo nàn về cách nhìn ấy, nên dân tộc Ấn bị khổ đau triền miên, bởi kỳ thị. Và họ sống với tâm trạng đầy mặc cảm. Giai cấp quý tộc thì mặc cảm tự tôn. Giai cấp bị trị thì mặc cảm tự ti. Mặc cảm tự ti làm cho nền văn minh Ấn Độ cổ xưa không phát triển đã đành, mà mặc cảm tự tôn cũng làm cho nền văn minh ấy bị thui chột.

Đúng như anh nói, chỉ có đức Phật mới là con người vĩ đại của loài người, là vị thầy tiên phong giải phóng

con người thoát khỏi bàn tay thống trị của những định kiến giai cấp, mà cụ thể là trong Tăng đoàn của đức Thế Tôn lúc bấy giờ, có nhiều vị thuộc giai cấp tiện dân, được Thế Tôn giáo hóa và họ đã chứng đắc các Thánh quả cao quý.

Vĩ đại hơn nữa, xã hội văn minh ngày nay, Liên Hiệp Quốc đề cao nhân quyền, thế mà quyền làm người còn bị hạn chế bởi giai cấp thống trị, vậy mà ngày xưa đức Thế Tôn đã giải phóng phụ nữ thoát khỏi những lề lối hủ tục, và đưa phụ nữ ngang tầm với nam giới.

Em hành trì kinh Pháp Hoa, thấy trong kinh này đưa ra việc Long Nữ thành Phật, thực là tư tưởng bình đẳng vĩ đại, mà chỉ có trí tuệ toàn giác của Thế Tôn mới có thể nhận và tuyên dương. Và chỉ có sức đại hùng của Thế Tôn mới gầm lên tiếng gầm mãnh liệt ấy.

Tinh thần Phật giáo như thế, tại sao hơn tám trăm năm qua, dân Ấn không được thừa hưởng, để có

được nhiều niềm vui trong ý thức sống cùng và sống với.

Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn không những chỉ đưa hàng Bồ tát trở về với Nhất thừa đạo, mà còn đưa cả hàng Duyên Giác và Thanh Văn nữa.

Vậy, hiện nay nhân dân Ấn không được hưởng gia tài quý báu ấy, thì thật quá bất hạnh phải không anh?

Nãy giờ, nói chuyện Ấn Độ với anh qua kinh sách và qua sự suy nghĩ của mình, bây giờ lại kể chuyện Việt Nam cho Sư huynh nghe.

Huế, năm này không có mùa đông, nghĩa là không có gió mùa Đông Bắc, không có cái cảnh mưa phùn, gió bắc. Khí hậu mùa đông ở Huế mà lại ấm áp, kẻ cũng lạ nhỉ!

Người Tây phương bữa nay họ đến thăm Việt Nam nhiều lắm, họ đến để học thiền và tìm hiểu giáo lý của đức Phật. Nhu cầu tu tập của họ rất lớn. Họ cũng muốn tìm hiểu người Việt Nam đã tiêu hóa giáo lý

của đức Phật như thế nào, trong quá khứ cũng như hiện nay. Có thể thế kỷ 21 là thế kỷ của Phật giáo thực nghiệm chứ không phải thế kỷ của Phật giáo kinh viện.

Bữa nay, em chỉ dạy học và tu tập thôi, thỉnh thoảng dịch vài trang kinh, viết vài trang sách, mệt thì ngồi, khỏe thì đi, đói thì ăn, khát thì uống, vui thì cười, khi thanh thản thì nhìn mây trời bay, lúc bận rộn thì ngồi yên nghe chim hót, nghe thông reo, hoặc lặng nhìn lá vàng rơi, hay ngắm rặng hồng mà cảm thấy tâm tư bình an, nhẹ nhõm.

Bây giờ, em là hạnh phúc và hạnh phúc là đây!

Tháng ba vừa rồi, em có vào Già Lam để dự Lễ Về Nguồn và giỗ Ôn, thấy vắng anh, trong lòng phát sinh cảm giác thiếu thiếu!

Phật tử về dự lễ giỗ không nhiều như mọi năm. Dự lễ giỗ của Ôn xong, em và thầy Nguyên Giác có đi thăm thầy Trí Siêu. Thầy Trí Siêu hôm ấy khỏe lắm.

Còn thầy Tuệ Sĩ không có gặp trực tiếp được, nhưng nghe nói cũng khỏe, tóc đã bạc hết rồi!

Lạy Phật! Mọi bão bùng rồi cũng sẽ đi qua, để trả lại cho chúng ta sự bình an ngày ấy.

Chúc anh có nhiều tươi mát và phát hiện mới trên đất Ấn.

Thân mến.

Huế, ngày 18.2.2018

Con ơi!

Xem ảnh con bị đau, do Tâm cạo gió, Thầy biết con đau lắm. Vì Thầy cũng đã từng bị đau như vậy. Chuyến đi Phi châu vừa rồi của thầy trò chúng ta rất tốn nhiều sức lực, tài lực và tâm lực.

Tuy nhiên, với tâm từ bi, chúng ta rất thương người dân ở xứ sở này, nhất là khi đến thăm chợ buôn bán nô lệ tại Zanzibar. Câu nói của người bị xiềng xích nô lệ, được ghi lại ở trên bức ảnh treo trên tường: "Tôi không phải là con người sao! Tôi không phải là anh em sao!". Câu nói ấy vẫn ám ảnh SP suốt cả chuyến đi cho đến bây giờ.

Sáng nay, em Tâm-Bảo An, lên lấy nội san Chánh niệm về in, em mở mạng cho Sp xem về những hình ảnh con mặc áo Phật cho các em mồ côi Phi Châu, nhìn thật cảm động. Em Tâm nói: "Chị Liên cầm tay các em Phi châu, hình ảnh này thật đẹp và quý".

Tuy mệt, nhưng thấy việc làm có ý nghĩa sâu xa và vui. Sp biết con sẽ đau. Vì phần nhiều con làm việc theo ý chí và nghị lực, nên khi đang đối đầu với công việc, thì sức mạnh con lại tăng lên một cách phi thường và trí tuệ của con sinh khởi một cách sắc bén. Nhưng khi công việc đã đi qua, thân thể của con vì bị vắt hết sức, nên ngã bệnh là chuyện phải xảy ra.

Con cố gắng tĩnh dưỡng, nghỉ ngơi, chịu khó chăm sóc thân thể mình một chút bằng chính nội lực của con, để thân thể của con lại có khả năng giúp con làm những gì mà con muốn. Phụng hay Tâm cũng chỉ là phụ thôi, chứ không phải là chính. Chính con, con phải biết chăm sóc thân và tâm của con là chính. Thân tâm phải công bằng. Nghiêng về tâm hay nghiêng về thân đều là bị lệch hướng trung đạo, đức Phật dạy cho thầy trò chúng ta như thế. Nghiêng về thân mà thành công hay nghiêng về tâm mà thành công, ấy là sự thành công tạm thời mà sự thất bại sẽ tiếp diễn theo sau. Làm bất cứ điều gì mà thân tâm

đều được quân bình, ấy là việc làm đưa đến sự thành công và lợi ích lâu dài cho chính mình và đa số.

Đức Phật dạy: "thân này không phải là tôi, không phải là của tôi". Ý thức được lời Phật dạy, Sp đã ăn, ngủ và làm việc trong những điều kiện mà thân thể cho phép. Khí hậu ở Huế rất nghiệt ngã, nhưng Sp đã lấy lại sự bình thường, chưa từng bỏ công phu tu niệm hàng ngày, cũng như chưa bỏ một bữa ăn nào với đại chúng và mỗi ngày vẫn luyện tập 2.000 dịch căn kinh.

Thầy cũng mong con sớm phục hồi sức khỏe như để thầy trò chúng ta cùng nắm tay nhau đi trên con đường mà chư Phật đã đi một cách vững chãi và lâu dài, vì hạnh phúc và lợi ích đa số.

Vài dòng thăm con và cảm ơn con trong chuyến đi Phật sự tại Châu Phi rất nhiều. Thật cảm động, vì mỗi khi cầm cái ly uống nước, một thực phẩm để ăn, sp lại thấy tấm lòng chăm sóc của con đối với mọi người ngay trong những công việc này.

Thầy đã đọc hết các email của con đã gửi cho Sp. Một lần nữa, Thầy rất trân quý tấm lòng của con, hãy gắng lên quân bình thân tâm, hỡi người học trò trân quý!

Thầy

Huế, ngày 15.2.2019

Anh Thuần ơi,

Chỉ mấy chữ anh viết cho Thầy thôi, nhưng cảm thấy rất vui. Ôn đi xa, tiếc quá. Nhưng không thể nào khác hơn. Những gì cần nói, Ôn đã nói: "Nói như chánh pháp". Những gì không cần nói thì Ôn đã hoàn toàn không nói: "Im lặng như chánh pháp".

Bài anh viết về Ôn rất trung thật và rất chân tình, đúng nghĩa Thầy trò. Các Thầy và Phật tử đúng nghĩa đọc bài của anh nói về Ôn, tất cả đều vui lắm.

Mỗi ngày chủ nhật ở chùa Phước duyên có hai lớp học. Lớp học buổi sáng cho nhiều thành phần, Thầy duy trì đã hơn ba mươi năm. Lớp buổi chiều cho sinh viên Thầy đã duy trì gần mười lăm năm. Hiện nay một số các em đang du học ở các nước Anh, Hàn quốc, Pháp, Hoa kỳ...

Thầy làm được gì cho Phật pháp trường tồn là làm
thôi, không kể gian lao, không nài khó nhọc.

Vài dòng thăm anh và chúc anh cũng như đại gia
đình luôn luôn sống trong ánh sáng tuệ giác từ bi của
chư Phật.

Quý mến.

Huế, ngày 5.3.2021

Con ơi!

Buồn làm chi! Đừng buồn mới hay. Buồn hại gan, bao tử, đường ruột và tim mạch con à.

Giữa đời này có ai sai đâu. Ai cũng cho mình là phải cả mà! Mình đi ra đường thấy có ai đi bên trái đâu, người chạy xe ngược mình, họ cũng đang chạy bên phải mà! Mình chạy xe ngược người ta, mình cũng đang chạy bên phải mà!

Cái sai lầm lớn nhất của con người là để tâm mình buồn. Tâm mình buồn, thì gan ruột, tim phổi bao tử của mình bị thiệt hại, chứ ai thiệt hại thay cho mình đâu.

Nếu buồn thì buồn chút thôi, rồi thả cho nó trở thành mây khói đi con ơi. Sp mà buồn thì có vô số chuyện, nên Sp ý thức được, buồn làm cho mình thiệt hại, trí mình mờ đi, đức mình mỏng đi, phước mình teo lại, nhờ ý thức được như vậy mà vượt qua mọi chướng ngại.

Con buồn thì lên tụng kinh, lạy Phật và thì thầm với Phật, chỉ có Phật hiểu chúng sanh, Phật thấy chúng sanh, còn chúng sanh làm sao hiểu Phật và thấy Phật. Chúng sanh thấy Phật theo cách của chúng sanh, chứ chúng sanh làm sao mà thấy Phật theo cách của Phật.

Mình tu tập mình thực tập theo cách thấy của Phật để tâm mình mỗi ngày nhẹ nhàng trước mọi hoàn cảnh thuận nghịch.

Nghịch không những làm cho mình mất bình tĩnh mà thuận cũng có khi làm cho mình mất bình tĩnh và mất cảnh giác hơn.

Thầy lớn tuổi cỡ này mà sáng nào cũng đi tụng kinh đều rí. Các thầy trẻ bữa có bữa không, khi đầu có buồn, nhưng bây giờ thì không còn buồn nữa, vì Thầy đã quán chiếu và thấy rõ nhân duyên nghiệp báo của từng vị, nên Thầy không còn buồn chi nữa và thương họ hơn là ghét họ.

Nên, con ơi, vui hay buồn cũng đều phải cẩn thận, nếu không, thì tất cả đều gây thiệt hại cho mình.

Vài dòng chia sẻ với con. Mong con luôn sống ở trong trí tuệ và từ bi của đức Phật. Và đêm nay mong con có một giấc ngủ thật sâu và ngon.

Thầy

Huế, ngày 26.3.2020

Nhận Pháp Nguyên con ơi!

Hindu giáo (Hinduism), còn gọi là Ấn độ giáo hay Tân Bà-la-môn giáo. Nghĩa là Bà-la-môn giáo chính thống chủ trương tiếp thu giáo lý Phật giáo, Kỳ-na-giáo và các tín ngưỡng dân gian của Ấn độ, rồi trộn lẫn với Bà-la-môn giáo chính thống, tạo thành Tân Bà-la-môn giáo cũng gọi là Hindu giáo hay Ấn độ giáo. Hindu giáo hay Ấn độ giáo hiện nay cũng có rất nhiều phái khác nhau đang sinh hoạt tại Ấn độ. Phật giáo khác với Hindu giáo có mấy điểm như sau:

1. Về lịch sử:

Phật giáo có mặt hơn 2643 năm kể từ Phật đản sinh. Hindu chỉ có bắt đầu thế kỷ thứ 8 sau Tây lịch, do các nhà làm tư tưởng, văn hóa và chính trị của Ấn Độ tập hợp cả ba Tôn giáo lớn là Bà-la-môn giáo, Phật giáo và Kỳ-na-giáo thành một Tôn giáo của Ấn độ và gọi tên chung là Hindu giáo để chống lại sự xâm lăng

của Hội giáo từ Ba-tur đến Ấn độ. Nên, Hindu giáo là một Tôn giáo tổng hợp gồm cả Bà-la-môn giáo, Phật giáo, Kỳ-na-giáo.

2- Về giáo lý:

- Bà-la-môn giáo (Brahmanism): chủ trương Phạm-thiên là đáng tối cao, sinh ra vạn vật và tạo thành bốn giai cấp của xã hội Ấn Độ và Bà-la-môn là giai cấp cao quý nhất, độc quyền nắm giữ các Thánh thư Vệ đà, niềm tin và tế lễ... chủ trương có Thần ngã và đại ngã. Họ chủ trương ăn chay, nhất là những ngày trai giới để gần với thần linh, chứ không phải ăn chay với tâm từ bi và giải trừ nghiệp sát như Phật giáo. Và ăn chay của họ là để gần gũi Thần linh và được thần linh cứu rỗi, khi chết đọc kinh cầu nguyện và được về với thần linh mà đáng tối cao là Phạm Thiên...

-Kỳ-na-giáo (Jaina): Do Giáo chủ Nirgrantha-jñātaputra sáng lập vào thế kỷ thứ 5, 4, Trước Tây lịch. Chủ trương sống khổ hạnh, phi bạo lực. Giáo lý chủ trương có nghiệp báo luân hồi, có linh hồn giải

thoát. Chủ trương không có Phạm thiên hay Thượng đế thần cao nhất sáng tạo thế giới. Thế giới vật chất hình thành là do nghiệp. Chủ trương năm điều răn: Không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không dâm dục, không sử đả. Nếu sống đúng năm điều này, thì tiêu trừ nghiệp chướng, phát huy được bản tính trong sáng của linh hồn và được giải thoát.

Vào thế kỷ 12 sau Tây lịch, Hồi giáo từ Ba-tư xâm chiếm Ấn Độ, Kỳ-na-giáo cũng bị Hồi giáo tấn công và hủy diệt.

Kỳ na giáo hiện nay cũng có hai phái canh tân và khắc kỷ. Bạch y là phái canh tân. Phái lõa thể là phái khắc kỷ.

Sau thế kỷ 17, Kỳ-na-giáo dùng quan điểm nhân đạo và Bác ái để giải thích kinh điển của họ từ xa xưa, họ cũng chủ trương ăn chay.

Hindu giáo là một Tôn giáo Tổng hợp tư tưởng, văn hóa, tín ngưỡng của Bà-la-môn giáo, Phật giáo, Kỳ

na giáo thành một Tôn giáo gọi là Hindu giáo hay Ấn độ giáo (Hinduism).

3- Sự đồng nhau giữa ba Tôn giáo này:

Ăn chay, thương người, tin có đời sau, chết không phải là hết. Phật giáo và Kỳ na giáo chủ trương có nghiệp báo, có luân hồi và Niết bàn. Bà-la-môn, chủ trương có Thần ngã và đại ngã là Phạm thiên, tất cả đều do Phạm thiên mặc khải. Thiên chúa giáo ảnh hưởng nhiều về thuyết sáng thế của Bà-la-môn giáo.

4- Sự khác nhau:

Phật giáo có giáo lý Bát Chánh đạo, Tứ Thánh đế, Mười hai duyên khởi, duyên sinh vô ngã, chủ trương hết thảy chúng sinh đều có Phật tính, đều có khả năng thành Phật. Kỳ na giáo cũng chủ trương vô ngã, vô thần tương tự như Phật giáo, nhưng không có tinh thần Bồ tát đạo, nhất là phái khắc kỷ. Phật giáo chủ trương hiếu đạo đạo đức của nhân thừa và mọi hành

vi thiện ác, quả báo xấu tốt đều tác động bởi tâm và hình thành từ nơi tâm.

Một người không có căn bản Phật học rất dễ làm lẫn giáo lý của ba Tôn giáo này. Nên, tín đồ Hindu giáo cũng tự nhận mình là Bà-la-môn giáo, cũng tự nhận mình là Phật giáo và cũng tự nhận mình là Kỳ-na-giáo. Nên, phân tích và phân loại rạch ròi đối với ba tôn giáo này phải có thời gian nghiên cứu rất dài và đọc rất nhiều tài liệu của nhiều phía con à.

Nhưng, đại loại như Thầy chia sẻ cũng tạm được. Ông thầy Yoga ấy, cũng không giỏi về mặt lịch sử tư tưởng triết học và Tôn giáo Ấn độ lắm đâu, ông chỉ có chuyên môn thôi. Thầy đoán như vậy, vì Ông ta còn quá trẻ.

Chúc con an lành, hoằng pháp giỏi và thực tập Yoga thành công.

Thầy

Huế, ngày 24.5.2020

Thanh Hương con ơi!

Giá trị của sự sống chính là sống. Một cuộc sống đầy chất liệu trải nghiệm. Nước Mỹ thừa hưởng chỉ số của những người thông minh, tạo nên nền khoa học kỹ thuật và nền tự do dân chủ cho nhân dân Mỹ từ nhiều chủng tộc khác nhau đang có mặt trên đất Mỹ, chứ không phải toàn thể người Mỹ đều thông minh. Nên, có thể những người hưởng thụ tự do, chẳng hề quan tâm đến tự do và chẳng biết giá trị tự do là gì. Và cũng rất có thể, những người hưởng thụ sức khỏe và đang tiêu thụ sức khỏe chẳng hề để ý đến sức khỏe và chẳng biết giá trị của sức khỏe là gì.

Con ơi,

Người mất tự do, họ ý thức rất rõ về giá trị và ý nghĩa tự do. Họ rất cần tự do để sống và phát triển tài năng. Người bệnh, họ ý thức rất rõ về sức khỏe và họ rất cần sức khỏe bình thường để sống. Trong lúc

người đang có tự do và có sức khỏe, lại xem thường những gì mình đang có. Đức Phật dạy những người như vậy là những người sống với vô minh, sống thiếu tuệ giác.

Nghe con và gia đình bình yên trong cơn đại dịch này ở Mỹ, thầy mừng. Cầu nguyện cho tất cả, vượt qua đại dịch, ý thức rõ những giá trị tự do và sức khỏe, để tự chăm sóc và bảo vệ mình, bớt gánh nặng cho cộng đồng.

Thầy

Huế, ngày 20.11.2020

Thanh Hương con ơi!

Thầy mới đi dạy từ Hà Nội về hôm nay. Đọc thư con thương con quá chừng. Thầy xin chia sẻ những khó khăn của gia đình con. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho gia đình con, nhất là cha con sớm biết quay đầu quy y Tam bảo, để cho mẹ con và cả gia đình được yên ổn.

Ngoài thời gian đi làm việc, con dành thì giờ tụng và lay bộ kinh Thủy Sám để sám hối tội lỗi của con, của ba con và cho cả gia đình con. Vì đức Phật dạy: "Gia đình là nơi gặp gỡ bao gồm cả ân và oán. Có ân thì trả đền cho nhau mà có oán thì cũng báo oán cho nhau". Nên, con gắng tụng kinh lay Phật và ăn chay, mua chim cá phóng sanh và hồi hướng công đức ấy cho cả gia đình, từ từ gia đình sẽ được ổn định, ba con sẽ tự chuyển hóa và dễ thương.

Tuy nhiên, con không cho ba con mượn tiền để đánh bạc, vì như vậy là tiếp tay với sự sai trái, tội lỗi. Nhưng, con khéo từ chối và không nên nói những lời không dễ thương đối với ba.

Quê hương mình gặp nhiều thiên tai, cũng do lòng tham con người đối xử không tốt với thiên nhiên đó con à.

Chánh tâm và các thầy chùa mình đã đi cứu trợ cấp thời, nhưng bây giờ thì dân chúng cũng được các đoàn thể từ thiện giúp đỡ cũng khá nhiều, nên cũng đã vượt qua được những khó khăn tạm thời con à.

Đi ra nước ngoài rồi, mới hiểu và cảm nhận thế nào là tình quê hương con à!

Gắng kham nhẫn, mọi chuyện rồi sẽ qua. Kham nhẫn là một phép lạ để thành tựu mọi sự tốt lành.

Thầy rất thương con và luôn cầu nguyện cho con an lành trong trí tuệ và từ bi của đức Phật.

Thầy

Huế, ngày 7.9.2020

Chị Nhuận Phổ Tịnh,

Trong thư chị hỏi Thầy “Thích Ca Văn Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật” khác nhau thế nào? Thích Ca Văn Phật cũng là Thích Ca Mâu Ni Phật. Văn là dịch từ chữ Mâu ni, có nghĩa là yên lặng, minh triết, hiền triết, tĩnh lặng, tĩnh tại. Nên, có nơi dịch là Namo Sakyamunibuddha = Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật hoặc Nam mô Thích Ca Văn Phật. Mâu-ni (Muni) là phiên âm mà không dịch nghĩa. Chữ Văn là dịch từ chữ Muni.

Cảm ơn chị đã hỏi Phật Pháp.

Thầy

Xiêm Y Của Bồ Tát

Thanh văn hạnh là hạnh tu ẩn dật, để chấm dứt sinh tử cho tự thân, nên cách nhìn cuộc đời với những góc cạnh cứng cõi và khô khan, vì vậy y phục của Thanh văn rất đơn giản và kín đáo.

Bồ tát hạnh là hạnh tu dần thân của bồ tát, nên không phải chỉ có lợi mình mà còn tìm đủ mọi cách để đem lại lợi ích cho nhiều người, nhiều thành phần xã hội và chúng sinh.

Chúng sinh thì đa dạng, nhiều hình tướng và nhiều hình sắc, nên tâm bồ tát phải rộng lớn và uyển chuyển mới ôm trọn hết thấy chúng sinh vào nơi trái tim mình. Trái tim ôm trọn hết thấy chúng sinh gọi là trái tim đại từ bi. Từ bi thì uyển chuyển, đại từ bi thì đại uyển chuyển. Nhờ tinh thần này mà Bồ tát đến được với hết thấy chúng sinh mà không có sự đối ngại và chúng sinh đến được với đạo Phật qua trái tim không đối ngại của Bồ tát.

Chúng sinh thì sống trong ngu tối, tà kiến và vô minh, Bồ tát không có trí tuệ và không có phương tiện của đại trí tuệ, thì không thể bước vào cõi vô minh, tà kiến và ngu dốt của chúng sinh để sống cùng, sống với hay đồng sự với chúng sinh để giúp chúng sinh thoát khỏi tình trạng, ngu dốt, tà kiến và vô minh của họ. Trí tuệ thì sáng trong, không có một mảy may sai lầm, nhưng phương tiện của trí tuệ Bồ tát thì linh hoạt sống động vô cùng. Nhờ vậy, Bồ tát có khả năng xâm nhập vào mọi môi trường sinh hoạt của chúng sinh mà không bị đối ngại, không bị biến chất, nên Bồ tát làm chỗ tựa cho hết thảy chúng sinh phát Bồ đề tâm quay về với Phật đạo.

Do đó, xiêm y của các Bồ tát có nhiều hình thức khác nhau, nhưng cùng thống nhất với nhau hai điểm là nhu hòa và sống động. Nhu hòa là biểu tượng cho từ bi. Từ bi thì lúc nào ở đâu cũng mềm mỏng. Sống động là biểu tượng cho trí tuệ. Trí tuệ thì lúc nào, ở đâu cũng linh hoạt, lã lướt và bay bổng. Lã lướt và bay bổng đến nỗi với trí thức của hàng Thanh văn

không dám nghĩ tới, còn trí thức của phàm tục, nhìn ngắm đến chỗ ngẩn ngơ, ngơ ngẩn cả người.

Cho nên, xiêm y của Bồ tát mềm mại đến nỗi, thấy có mà như không, nghĩa là từ nơi "sắc mà thấy "không", nên Bồ tát không có gì để vướng mắc. Và xiêm y của Bồ tát linh hoạt và sống động đến nỗi cái gì xiêm y của Bồ tát cũng có thể chạm vào, nên từ nơi không mà thấy có, nghĩa là từ "không mà thấy sắc", nên Bồ tát cứu giúp chúng sinh không có mỗi mảy. Sắc và không đồng nhất thể. Thân thể Bồ tát thường mặc pháp phục "*sắc không*" để hóa độ chúng sinh trong vô số cõi nước của chư Phật khắp cả mười phương, đưa tất cả chúng sinh nhập vào biên tuệ của Phật.

Trí thức ba bảy hai mươi mốt

Với phép nhân “Ba bảy hai mươi mốt” là đúng rồi. Nhưng tại sao Tổ Tiên Việt nam chúng ta dạy chúng ta đừng nghe người nói: “Ba bảy hai mươi mốt”?

Lời dạy ấy của Tổ Tiên không đi từ sự học hành nghe người khác nói hay dạy có tính cách từ chương, lặp đi lặp lại lâu ngày trở thành thói quen, để rồi nói và hành động theo thói quen. Nói và hành động theo thói quen cái đúng thì rất ít mà cái sai thì rất nhiều. Đúng vì nó ở trong môi trường tương tác thích ứng với thói quen. Nếu ở một môi trường khác, tương tác không thích ứng, cái đúng theo thói quen của chúng ta trở thành ngờ ngác, ngờ ngẩn, ngộ nghĩnh tạo thành những cảm giác khó chịu cho chính mình và người khác.

Suy nghĩ theo thói quen lại là một sự suy nghĩ đầy kinh dị, vì nó thường tạo ra những thành lũy tà kiến, đóng thành từng “khung cửa hẹp” để cho râu phủ bụi bám từ đời này qua kiếp khác, khiến cho ánh sáng

mặt trời chân lý dù kỳ diệu đến mấy cũng khó xuyên qua. Do đó, từ suy nghĩ theo thói quen này tạo thành những suy nghĩ của thói quen khác tương tục lưu chuyển và vận hành trong tâm thức từ đời này qua kiếp khác, đến nỗi nghĩ sai, nói sai và làm sai, nhưng chẳng có cảm giác gì ngập ngừng, ngượng ngịu.

Cũng vậy, với phép nhân “Ba bảy hai mươi một” là đúng rồi. Nhưng nó chỉ đúng với phép nhân, nhưng nó hoàn toàn sai với phép cộng. Bởi vì ba cộng bảy là mười. Ba cộng bảy là mười, nhưng nó hoàn toàn sai với ba trừ bảy hay bảy trừ ba. Ba trừ bảy bằng 0, 185...; và bảy trừ ba bằng 4, và nếu bảy chia ba bằng 2, 333...

Như vậy, ba bảy hai mươi một là đúng, nhưng đúng ở môi trường của phép tính nhân mà nó không đúng với môi trường của các phép tính khác.

Cũng vậy, chúng ta phải học tập để có cái hiểu ba bảy toàn phần, chứ đừng rơi vào cái học tập chỉ biết ba bảy từng phần mà phải biết ít nhất ba bảy đầy đủ cả bốn phép tính của nó. Nếu chỉ một phép tính mà nói,

thì Tổ Tiên Việt Nam khuyên dạy con cháu không nên nghe những gì từ cái biết của người ấy nói ra.

Ngày xưa, khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài gọi các Tỷ khưu mà bảo: “Những gì Như lai biết, ví như lá ở rừng sâu, nhưng những gì Như lai nói lại cho các thầy, chỉ là một nắm lá ở trong lòng tay”.

Tư tưởng kinh Thắng Man và các kinh điển Đại thừa giúp chúng ta đi tới với cái biết của đức Thế Tôn như lá ở rừng sâu, mà không dừng lại với cái hiểu biết ít ỏi như những ngọn lá trong lòng bàn tay của Thế Tôn.

Cũng vậy, kinh điển giúp ta đi tới với cái hiểu toàn diện, cái hiểu của đức Thế Tôn đối với chân lý, chứ không phải dừng lại ở nơi chân lý nhất phần, thiếu phần, bán phần, đa phần mà phải chân lý toàn phần.

Đi tới với sự hiểu biết toàn giác của đức Thế Tôn bằng cách nào là quyền của chúng ta và trong điều kiện của chúng ta đang có thể, nhưng nhất định phải đi tới. Nếu không phải hạnh và nguyện như vậy, thì

chúng ta dù có khoác lên mình danh nghĩa nào đi nữa, cũng không phải là con đích của Thế Tôn và lại càng không phải dòng giống của Như lai, vì chúng ta không sinh ra từ Như lai tạng và không lớn lên từ Như lai tạng tính.

Mùa xuân của con người

Mùa xuân là hình ảnh của con người. Tâm của con người như thế nào, nó sẽ tạo ra mùa xuân cho con người đúng như thế ấy. Tâm của một người xấu thì không thể nào tạo ra một mùa xuân đẹp cho chính mình, huống hồ gì họ có thể tạo ra một mùa xuân đẹp cho gia đình và xã hội.

Mùa xuân là hình ảnh của cộng đồng người. Tâm thức của cộng đồng người như thế nào, họ sẽ tạo ra mùa xuân cho chính cộng đồng của họ đúng như thế ấy. Tâm của một cộng đồng người đặt đức tin của họ vào những thế lực ngoại tại, thì tự thân của cộng đồng đó sẽ tạo ra những biểu tượng thần thánh để tôn sùng và tô vẽ cho mùa xuân của cộng đồng họ qua hình ảnh thánh thần.

Mùa xuân của những người cùng một ý thức hệ, họ sẽ tạo ra một mùa xuân theo kiểu ý thức hệ của họ. Mùa xuân của những người cùng một nghiệp cảm quốc gia hay nghiệp cảm vùng miền, họ sẽ cùng nhau

tạo ra một mùa xuân theo nghiệp cảm cộng đồng của họ. Nghĩa là có bao nhiêu con người, có bao nhiêu cộng đồng người là có bấy nhiêu cách cảm nhận xuân và tạo mùa xuân theo hình ảnh tâm thức của họ và cộng đồng của họ. Những cộng đồng ấy, tô vẽ mùa xuân cho cộng đồng của họ bằng màu gì, thì mùa xuân sẽ trở thành màu đó cho chính họ.

Nếu họ tô vẽ màu đỏ, thì mùa xuân của họ là những biểu hiện của máu lửa và nhiệt huyết. Họ làm điều gì là quả quyết không do dự, biết vận dụng khả năng thực tế của mình và sự giúp đỡ của những người chung quanh để đạt đến mục tiêu. Ấy là mùa xuân của máu lửa, mùa xuân của những người thích kiểm soát và chế ngự tự do của người khác, của những cộng đồng khác và đặt tất cả dưới sự lãnh đạo của chính mình. Ấy là mùa xuân của những con người và cộng đồng người thích kích hoạt nhiệt huyết nhằm tạo thành không khí sôi động của người khác, để tự thân hưởng lợi.

Nếu họ tô vẽ màu đen, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sự huyền bí và quý phái. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân ảo tưởng hào nhoáng về một cái ta và phóng khoáng hay tỉ mỉ một cách vô lối. Một đôi khi họ sẵn sàng đốt cả bao diêm để tìm một cây diêm bị rơi mất trong đêm tối. Ấy là mùa xuân của cộng đồng người mang chất liệu huyền bí, khó hiểu.

Nếu họ tô vẽ màu vàng, thì mùa xuân của họ và của cộng đồng họ là biểu hiện sự sang trọng và quý tộc. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân với những tâm hồn thanh thản, bao dung và biết sắp xếp trật tự trong một quy trình khoa bảng có hoạch định. Ấy là mùa xuân của con người và cộng đồng người thích hướng tới một hệ thống tổ chức và sự làm việc hoàn hảo.

Nếu họ tô vẽ màu xanh dương hay màu xanh nước biển, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho một tâm thức nhạy cảm. Họ và cộng

đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân hương nội, giấu kín cảm xúc và những quyết định của họ là từ cảm xúc mang đầy những kịch tính, nên phần nhiều mất tự chủ. Ấy là mùa xuân của con người và cộng đồng người có tính cách ôn hòa bên ngoài, khó chịu bên trong, nên thường bị nội tâm biến động, ray rứt.

Nếu họ tô vẽ màu xanh lá cây, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sức sống vươn lên từ nội tâm. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân biết lắng nghe, chia sẻ và tạo điều kiện vươn lên cho những người nghèo khó. Ấy là mùa xuân của những người biết lắng nghe, học hỏi và chia sẻ.

Nếu họ tô vẽ màu cam, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho tâm thức rực rỡ. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân yêu thương và bảo vệ sự rực rỡ của thiên nhiên. Họ đến với nhau bằng những tình cảm chu đáo và sâu xa. Họ thích sống với thiên nhiên hơn là sống ở trong những tháp

ngà. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu thương và bảo vệ cái đẹp rực rỡ của thiên nhiên.

Nếu họ tô vẽ màu tím, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho đời sống hướng về những giá trị tâm linh. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân tình cảm rất đôn hậu với mọi người. Họ sẽ tạo ra một mùa xuân tự khám phá mình qua những trải nghiệm bí ẩn và khám phá người khác bằng những trực giác mà họ đã từng trải nghiệm. Họ thích tạo ra một mùa xuân quá khứ để tự thưởng thức và tự thưởng cho mình, hơn là mùa xuân đang có trước mặt họ. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu chuộng những giá trị lịch sử và bảo tồn đời sống tâm linh.

Nếu họ tô vẽ màu trắng, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho đời sống nội tâm có sự thanh bạch và tinh khiết. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân cẩn trọng. Họ cẩn trọng từng việc nhỏ để họ giữ gìn những giá trị tinh khiết thanh

cao. Họ áy náy với mọi sự tiếp xúc để tránh những sự va vấp và đụng chạm, nhằm bảo toàn sự thanh khiết. Ấy là mùa xuân của những người biết hướng tới đời sống thanh cao.

Nếu họ tô vẽ màu hồng, thì mùa xuân của họ và cộng đồng của họ là biểu hiện cho sức sống đầy mơ mộng và bay bổng. Họ và cộng đồng của họ sẽ tạo ra một mùa xuân tự như: “Hãy nỗ lực hết lòng để vươn lên từ những thất bại”. Họ biết chọn những góc đẹp để nhìn cuộc đời. Ấy là mùa xuân của những người biết yêu đời và vươn lên trong mọi tình huống...

Như vậy, mùa xuân của con người là mùa xuân đầy phức tạp và thú vị. Phức tạp hơn triệu lần đối với thiên nhiên. Thú vị là do từ nơi những tâm thức cảm xúc sinh ra và từ nơi những tư duy chấp ngã cấp cao của thuộc tính con người, mà con người đã tạo ra muôn ngàn mùa xuân sai biệt, để cho muôn ngàn ong bướm lượn bay thưởng thức và ngất ngư với xuân, từ những vọng tưởng tâm hồn!

Trong lúc ấy, mùa xuân thiên nhiên thật đơn giản qua góc nhìn của Mãn Giác Thiền Sư đời Lý:

“Xuân khứ bách hoa lạc
 Xuân đáo bách hoa khai
 Sự trục nhãn tiền quá
 Lão tòng đầu thượng lai;
 Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
 Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”.

Nghĩa là:

“Xuân đi trăm hoa rụng,
 Xuân đến trăm hoa khai;
 Trước mắt đời trôi mãi,
 Lão tòng đầu bạc phai;
 Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết,
 Đêm qua sân trước một cành mai”.

Mùa xuân thiên nhiên là mùa xuân muôn thuở, mùa xuân không tự đánh mất mình bởi những ảo giác của cảm xúc và tư duy chấp ngã. Nhưng mùa xuân của con người thì hư huyền và đa đoan, vì nó vụt lên và tạo thành, từ nơi khói bụi của tâm người; mùa xuân của con người sớm vụt lên cao, thì cũng sớm rơi vào khoảng lặng!

Cùng Đi Trên Đường Vui

(Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng cho những người trẻ tham dự Khóa tu mùa hè 2019 - 2563, tại chùa Phước Duyên - Huế).

Muốn cùng nhau đi trên đường vui, chúng ta cần lưu ý thực tập năm điều hiểu biết sau đây:

1- Biết pháp:

Biết pháp là biết rõ hai pháp Thiện và Ác. Thiện đưa ta đến hạnh phúc an lạc đời này và đời sau. Ác đưa ta đến khổ đau đời này và đời sau.

Hành động thiện là hành động đưa đến lợi mình, lợi người đời này và đời sau. Nhưng cũng có khi tạo ra sự thiệt hại và khó khăn cho mình và cho người tạm thời trong hiện tại, nhưng sẽ đưa đến những kết quả tốt đẹp lâu dài trong tương lai.

Hành động ác là hành động đưa đến hại mình, hại người, đời này và đời sau. Nhưng có khi hành động

ác cũng tạo ra lợi ích cho mình và cho người tạm thời trong hiện tại, nhưng sẽ đưa đến những kết quả xấu lâu dài trong tương lai.

Ai biết pháp, người ấy sẽ không hành động theo điều ác mà chỉ hành động theo điều thiện, họ sẽ luôn luôn nỗ lực hoàn thiện bản thân trong mọi hoàn cảnh và tạo điều kiện để giúp những người khác sống thiện và tự hoàn thiện.

2- Biết xứ:

Biết xứ là biết rõ không gian hay môi trường mà điều ác hay điều thiện có thể phát sinh.

Ai biết xứ, người ấy chỉ chọn không gian hay môi trường tương tác để cho điều thiện phát sinh mà không chọn không gian hay môi trường tương tác khiến điều ác phát sinh.

3- Biết thời:

Biết thời là biết chọn thời gian thích hợp để hành động, khiến điều tốt phát sinh, điều ác tự tiêu diệt.

Ai biết thời, người ấy biết chọn thời gian thích hợp để hành động, khiến cho điều thiện sinh ra và lớn lên, đồng thời khiến cho điều ác không thể sinh ra và nếu có sinh ra, thì không thể tồn tại.

4- Biết sự:

Biết sự là biết chọn công việc thích ứng để hành động, khiến ngay nơi công việc cho mình và cho người một kết quả tốt đẹp.

Ai biết sự, người ấy biết chọn công việc phù hợp với điều kiện tốt đẹp của mình đang có thể, để tiến tới những công việc tốt đẹp sẽ có thể, trong một tương lai gần và một tương lai xa.

5-Biết nhân:

Biết nhân là biết đúng người, để kết giao, huấn luyện và giao trách nhiệm thích hợp, đúng khả năng công việc, khiến dẫn sinh những kết quả tốt đẹp lâu dài.

Ai biết nhân, người ấy biết chọn đúng người để kết giao, huấn luyện và giao trách nhiệm đúng việc, đúng chức năng, khiến công việc thành tựu tốt đẹp.

Như vậy, muốn Cùng Nhau Đi Trên Đường Vui, thì chúng ta phải biết thực hiện năm điều hiểu biết này. Chính năm điều hiểu biết này là những điều kiện của con đường vui, vì nó có khả năng chế tác cho ta một cuộc sống bình an, hạnh phúc và có một giá trị rất thiết thực để dẫn chúng ta Cùng Đi Trên Đường Vui từ sự thăng hoa này đến những sự thăng hoa khác trong cuộc sống của con người và cao hơn.

Mỗi đời người, mỗi mùi hương

Tôi xin ghi lại một vài kỷ niệm với Hòa thượng Phước Sơn, vị Sơn Tăng giữa phố thị đời thường, nhân lễ Tiểu tường của Người.

Pháp tạ Tăng hoằng

Trước khi Hòa thượng Phước Sơn viên tịch một tháng, Người đã bảo thị giả là Sư cô Tuệ Châu, gọi điện thoại ra Huế để Hòa thượng thăm tôi và nói cho tôi biết là Hòa thượng có nghe những bài pháp thoại của tôi giảng ở Luật viện Huệ Nghiêm cho Tăng Ni đang theo học ở Luật viện này và có lời cảm ơn tôi đã có những bài pháp thoại hữu ích cho Tăng Ni trẻ.

Qua điện thoại, tôi cũng có lời cảm ơn Hòa thượng đã lắng nghe những gì tôi chia sẻ và lại có những lời động viên chân tình đến với tôi. Nhưng, tôi thưa lại với Hòa thượng: “Pháp do đức Phật chứng ngộ và tuyên thuyết, tôi chỉ là người cảm nhận và chia sẻ,

chứ tôi chẳng có pháp nào tự thân mình giác liễu mà chia sẻ cả”.

Hòa thượng cười và nói: “Phật pháp tạ Tăng hoàng = Phật pháp được hoàng truyền là nương nhờ vào Tăng”. Nếu không có Tăng, thì chẳng ai biết Phật pháp là gì. Vì Phật đã Niết bàn rồi. Pháp quá thậm thâm, vi diệu, nếu không có Tăng biên tập, chú thích, giảng giải và hoàng truyền rộng rãi, thì chẳng ai biết pháp là gì để tu tập hành trì, nên hoàng truyền Chánh pháp chính là phận sự của Tăng già vậy.

Qua lời chia sẻ của Hòa thượng, tôi cảm ơn và im lặng. Và trước khi Hòa thượng viên tịch ba ngày, Hòa thượng bảo thị giả gọi điện thoại, mời tôi từ Huế vào để Hòa thượng thăm lần cuối. Tôi từ Huế vào đến trụ sở của Hòa thượng, Hòa thượng nhìn tôi, cười, thở nhẹ, rồi nhắm mắt. Tôi đứng yên lặng, nhìn sự sống trôi qua trong từng hơi thở nhẹ nhàng, rồi cầm tay Hòa thượng và nói nhỏ: “Bản nguyện

hoảng pháp không mất, chỉ thay đổi hình thức để tiếp tục sứ mệnh hoảng pháp trong một điều kiện mới”.

Nói xong, tôi từ biệt Hòa thượng trở lại Huế. Ba ngày sau, thị giả của Hòa thượng gọi điện thoại báo cho tôi biết, Hòa thượng Phước Sơn đã viên tịch một cách an lành như một làn gió nhẹ bay đi. Nhục thân chưa tẩm liệm, nhưng mùi hương nghe chừng thoảng nhẹ lan xa.

Mỗi nụ cười là mỗi công án

Sống với nhiều thế hệ Tăng sinh từ Phật học viện Hải đức Trung phần Nha Trang đến Quảng Hương Già Lam và Thiền viện Vạn Hạnh Sài Gòn, Hòa thượng Phước Sơn luôn luôn thực hành pháp kham nhẫn và vô tránh.

Nên, sống với ai cũng ít mịch lòng. Đúng chỗ thì ở; đúng lúc thì nói; đúng việc thì làm; đúng pháp thì thể hiện; đúng người thì chia sẻ. Và nếu thấy không

đúng thời, xứ, sự, nhân, pháp thì lặng im đối với tất cả. Sự im lặng như chánh pháp.

Gần hai mươi năm trước, khi tôi còn ở tại Tổ đình Từ Hiếu-Huế, dạy cho Tăng sinh, bấy giờ Hòa thượng ra Huế dạy Luật ở Học viện Hồng Đức, có ghé Tổ đình Từ Hiếu, đánh lễ Tổ và thăm tôi, Hòa thượng nói: “Tôi đến đây thăm thầy, thầy biết rồi, không đợi nói gì thêm”.

Lời nói của Hòa thượng Phước Sơn bấy giờ đối với tôi như một công án. Hai chúng tôi nhìn nhau và cười, những người có mặt hôm ấy cũng cười. Mọi người đều cười, nhưng không có nụ cười nào giống nụ cười nào. Bấy giờ mỗi nụ cười là mỗi công án.

Tình pháp lữ

Hòa thượng Minh Tâm Viện chủ Tự viện Phật Ân ở Long Thành, Đồng Nai nói với tôi, khi tôi ghé thăm Hòa thượng Minh Chiêu, Minh Kiên ở Tự viện Phật

Ân: “Cái thiền thất này tôi làm cho Ôn Phước Sơn tĩnh dưỡng khi về già, chứ Ôn không có đệ tử”.

Nghe Hòa thượng Minh Tâm nói vậy, tôi cảm động vô cùng đối với tình pháp lữ ấy. Tôi đã nói lại cái tình cảm tuyệt vời ấy cho Hòa thượng Phước Sơn nghe, Hòa thượng cười và nói với tôi: “Không có tình cảm nào đẹp bằng tình cảm pháp lữ”.

Nhưng, bây giờ thì tôi chưa về được với cái tình pháp lữ mà thầy Minh Tâm dành cho tôi, vì Hòa thượng Minh Châu vừa mới viên tịch không bao lâu, tôi vẫn ở đây để cư tang của Người và chia sẻ vui buồn cùng với các anh em ở Thiền viện Vạn Hạnh, mặc dù tôi chẳng giúp gì được cho anh em bao nhiêu!

“Ngôn bất tận ý”. Kính mong giác linh Hòa thượng nhận cho tấm lòng chia sẻ này.

Tàng Kinh Các-Chùa Phước Duyên-Huế, Phật lịch, 2564.

Thích Thái Hòa

Bản Nguyên Tâm Địa

(Kính Tặng Giác Linh Hòa Thượng Phước Sơn,
Thiền Viện Vạn Hạnh Sài Gòn, nhân dịp kỷ niệm
Tiểu tường)

Người về với cõi vô tông,

Tặng-kỳ ở lại còn hong nắng vàng;

Dấu hài nhẹ vượt quan san,

Thanh Quy Bách Trượng còn vang tiếng cười;

Gió khua không động mặt trời,

Trúc Lâm Tam Tổ hóa lời thiên thu;

Một đời đạo hạnh công phu,

Giới hành vạch cõi sương mù mà đi;

Cảo thơm xông ướp từ bi,

Bản nguyên tâm địa vô vi Người về.

Thích Thái Hòa

Người Rũ Áo Về, Đạo Tình Thơm Mấy Cối

Tôi và Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh ngoài tình pháp lữ, còn là tình Tông môn. Lúc thiếu thời Hòa thượng xuất gia đầu sư với Hòa thượng Nguyên Đạt-Viên Nhơn, trú trì chùa Báo Ân, Cổ Đô-Huế. Chùa Báo Ân do Tổ sư Trùng Nguyên, tự Quang Hiệp, hiệu Chơn Như khai sơn.

Tổ sư Trùng Nguyên-Quang Hiệp hiệu Chơn Như khai sơn Tổ đình Báo Ân là đệ tử thứ hai trong bốn vị đệ tử của Tổ sư Thanh Thái-Chánh Sắc, hiệu Huệ Minh, đời thứ ba của Tổ đình Từ Hiếu-Huế. Năm vị đệ tử của ngài Thanh Thái-Chánh Sắc, hiệu Huệ Minh, gồm: Ngài Chơn Nguyên, ngài Chơn Như, ngài Chơn Không Chơn Thiệt và ngài Chơn Tánh, ngoài ra Tổ sư Thanh Thái-Chánh Sắc, hiệu Huệ Minh, còn có hai vị đệ tử Trưởng lão ni, gồm: Trưởng lão ni Thích nữ Hương Đạo, trú trì chùa Diệu Viên Huế, và Trưởng lão ni Thích nữ Diệu Trí, trú trì chùa Diệu Nghiêm, Huế.

Tổ sư Trùng Nguyên-Quang Hiệp, hiệu Chơn Như khai sơn Tổ đình Báo Ân có ba vị đệ tử xuất gia, vị đệ tử đầu là ngài Tâm Chánh-Duy Đoan, hiệu Quảng Tuyên, vị tiếp theo là ngài Tâm Chơn-Chánh Trí và vị thứ ba là ngài Tâm Ứng-Đảnh Lễ, khai sơn chùa Phước Duyên Huế.

Hòa thượng Nguyên Đạt-Viên Nhơn là đệ tử thượng túc của ngài Tâm Chánh-Duy Đoan, hiệu Quảng Tuyên, và Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh là đệ tử thượng túc của ngài Nguyên Đạt-Viên Nhơn, tiếp nối đời thứ tư trong dòng pháp truyền thừa từ Tổ sư khai sơn Tổ đình Báo Ân, Huế; lại tiếp nối dòng pháp truyền thừa thứ bảy, từ Tổ sư Tánh Thiên-Nhất Định khai sơn Tổ đình Từ Hiếu, Huế; lại tiếp nối dòng pháp truyền thừa đời thứ mười một, từ Tổ sư Thiệt Diệu-Liễu Quán, khai sơn Tổ đình Thuyền Tôn, Huế; lại tiếp nối dòng pháp truyền thừa đời thứ bốn mươi lăm, từ phái thiền của Tổ sư Lâm Tế-Nghĩa Huyền ở Trung Hoa; lại tiếp nối dòng pháp truyền thừa thứ tám mươi hai, từ Sơ Tổ Đại Ca Diếp

ở Ấn Độ và lại kế thừa dòng chảy Chánh pháp đời thứ tám mươi ba, kể từ đức Thế Tôn chuyển vận Pháp luân tại vườn Lộc Uyển hóa độ năm anh em Kiều-trần-như.

Trong dòng pháp truyền thừa Tổ đình Báo Ân, tôi cùng thiên hệ với Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh.

Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh, trước biến cố 1975, tu học tại các tự viện ở Huế, như Báo Ân, Phổ Quang, Từ Đàm và theo học Phật học ở các Phật học viện Phổ Đà, TP Đà Nẵng, Hải Đức, TP Nha Trang và năm 1970, thọ giới cụ túc tại giới đàn Vĩnh Gia tổ chức ở Phật học viện Phổ Đà, TP Đà Nẵng, bảy giờ Hòa thượng thành tựu giới thể Tỷ kheo-Bồ tát giới, đứng vào Chúng trung tôn đệ tử của đức Thế Tôn và vị thành viên chính thức của Tăng già.

Sau 1975, cùng với hai vị pháp đệ là Hòa thượng Ngô Trí và Ngô Tịnh, xây dựng trùng tu Phạm Vũ Viên Ngô, tại Ninh Hòa, Khánh Hòa cùng với các huynh đệ tu học và cũng làm nơi trú xứ Tăng già lam

thanh tịnh để tiếp Tăng độ chúng tiếp nối dòng dõi của Chánh pháp.

Sau đó, Hòa thượng lại đảm nhiệm Trụ trì chùa chi hội Đức Hòa ở Ninh Hòa để tiện hoằng pháp lợi sanh, thi hành các phật sự và hoàn tất các nhiệm vụ Phật sự từ các vị lãnh đạo của Giáo hội tiền nhiệm và giáo hội đương nhiệm giao phó, một cách tốt đẹp, ngay khi còn là vị học Tăng làm trưởng học chúng của Phật học viện Phổ Đà, TP Đà Nẵng trước 1975.

Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh thực là vị xuất gia tu hành noi theo gương các bậc Thượng sĩ, một đời thanh tịnh, giới định tuệ huân tu, giác ngộ được tự tánh chơn thường rộng lớn, khởi vận trí bi, lập thế nguyện hoằng thâm, kham nhẫn trước những cảnh thuận nghịch của cuộc đời, một dạ chí thành, giương cao ngọn cờ chánh pháp, tiếp nối ngọn đèn Phật Tổ, hóa duyên tứ chúng không hề mỗi mảy, để báo đáp tứ ân, cứu giúp ba cõi, khiến tất cả đều hội nhập biển

tánh lắng trong, nguồn tâm nhuần khắp, gió mát an hòa, góc đức sáng mãi...

Nay duyên hóa độ tròn đầy, Hòa thượng Quảng Thường-Ngộ Tánh, rũ áo ra về, nhẹ gót vân du cõi tịnh, chứng nhập pháp tính vô sanh, hương đạo lan xa mấy cõi, muôn ngàn cỏ hoa, cúi đầu ngưỡng vọng từ nhan.

Tôi xin ghi lại đôi dòng cảm niệm đối với Người trong tình Tông môn pháp lữ.

Ngưỡng nguyện giác linh Hòa thượng mỉm cười nhã giám.

Chùa Phước Duyên-Huế, ngày 21/12/2020.

Pháp lữ: Thích Thái Hòa

Tùng Quảng Đồi Kết Thành

Chuỗi Hạt Kim Cương

(Viết tặng Hòa thượng Thích Chí Thắng, nhân kỷ niệm 30 năm, trùng kiến và làm Trụ trì chùa Phước Thành-Huế)

Một thời để chõm

Tôi và thầy Chí Thắng biết nhau từ thuở ở chùa tuổi còn để chõm. Thầy Chí Thắng ở chùa Từ Hiếu-Huế, tôi ở chùa Phước Duyên-Huế.

Tuy tuổi nhỏ, thầy Chí Thắng bấy giờ thường đạp xe đạp lên chùa Phước Duyên thăm và chơi với anh em chúng tôi, ăn cơm, tắm và cùng nhau bơi lội trên sông Bạch yển, thật là thú vị.

Hòa thượng bốn sư chúng tôi đối với Tăng chúng trong chùa thì rất nghiêm khắc, tiết kiệm, nhưng đối với khách Tăng mà nhất là các chú Tiểu từ các chùa đến thăm và chơi với chúng tôi, thì người lại đối xử

rất nồng hậu, thương quý và khoáng đãi, nên mỗi lần quý chú, quý thầy ở chùa Tổ lên thăm là chúng tôi cũng được hưởng những sự ưu đãi, ít bị quở trách la rầy hơn, lại được chơi với nhau và ăn ngon nữa.

Vì vậy, anh em chúng tôi rất thích các Thầy, các Chú ở các chùa khác đến thăm chơi và ở lại cùng dùng cơm với chúng tôi, nhất là quý thầy, quý chú, quý điệu ở chùa Tổ.

Ở chùa Tổ bấy giờ, thầy Chí Thắng là điệu Hải, thầy Chí Viên là điệu Hùng, thầy Chí Mậu là điệu Trí, thầy Minh Châu là điệu Chính, thầy Hộ Chánh là điệu thiện, chú Dương giữ bò, chú Trì làm vườn, điệu Thọ, điệu Thiêm...

Bấy giờ chùa Tổ Từ Hiếu, ngoài ngài Thanh Quý-Chơn Thiệt là bậc Phương trượng của chùa Tổ, lại còn có ba vị Thầy lớn như ngài Trừng Liên-Quang Diệp, Trừng Trì-Chí Niệm, Tâm Lễ-Chánh Kiến và Tăng chúng chùa Tổ bấy giờ cũng khá đông.

Ngài Trùng Liên-Quang Diệp là vị tri sự Tổ đình, nên chư Tôn đức trong Sơn môn ở Huế bấy giờ gọi ngài Trùng Liên-Quang Diệp với tên gọi rất gần gũi, thân thương là Thầy Sự Diệp.

Cả ba vị thầy lớn ở chùa Tổ Từ Hiếu, đều rất giỏi về nghi lễ, nhất là khoa pháp Du-già Chấn tế. Ngài Hòa thượng Quang Diệp là vị ngài gia trì rất xuất sắc.

Thỉnh thoảng anh em chùa Phước Duyên chúng tôi về ở lại chùa Tổ, đánh lễ các bậc Tôn trưởng và chơi với anh em ở chùa Tổ rất là thích thú, được quý vị chùa Tổ cho ăn dưa môn, đãi ăn trái bùi ở cây bùi chuồng bò, ở chùa Tổ cây bùi chuồng là cây bùi ngon nhất, cho ăn ít trái khế ở cây khế nơi hòn non bộ trong sân chữ khẩu của chùa. Trong những người chơi thân ấy, bấy giờ điệu Hải là người lanh lợi nhất. Điệu Hải ít bị những vị thầy lớn của chùa Tổ la rầy, trong lúc đó điệu Trí và điệu Thiêm thường bị quý thầy quở trách nhiều nhất là đối với việc dò kinh. Điệu Trí thiệt thà và siêng năng làm việc chùa nhất.

Diệu Hải rất lanh lợi, nên được các thầy chùa Tổ cho đi học phổ thông ở trường Bồ đề Hàm Long, có rất nhiều bạn bè so với thế hệ đồng lứa ở trong chùa.

Tại Đại giới trường chùa Linh Quang

Bảy giờ, chúng tôi là những chú Tiểu để chõm ở chùa được hầu thầy mình, đi đến Đại giới trường chùa Linh Quang, để Thầy cùng với chư Tăng từ các tự viện đến ở trú xứ này bố tát hoặc làm lễ Tự tứ sau những mùa an cư.

Diệu Hải hầu thầy tri sự chùa Tổ là Hòa thượng Quang Diệp, tôi hầu thầy Trú trì chùa Phước Duyên là Hòa thượng Đánh Lễ, một chú Tiểu để chõm khác hầu Hòa thượng Diệu Hoằng, Trú trì chùa Diệu Đế; một chú Tiểu để chõm khác hầu Hòa thượng Chánh Pháp, Trú trì chùa Phổ Quang, một chú Tiểu để chõm khác hầu Hòa thượng Tương Ứng, Trú trì chùa Từ Quang, lại một chú Tiểu để chõm khác lại theo hầu Hòa thượng Trí Quảng, Trú trì chùa Từ Ân...

Bấy giờ, các chú Tiểu để chõm đều được các Tôn đức, gọi vào để dò hai thời công phu và bốn quyển luật Tiểu. Tất cả chú Tiểu để chõm của chúng tôi, ai cũng thuộc hai thời công phu nằm lòng, nhưng bốn cuốn luật Tiểu, có chú thuộc một cuốn, có chú thuộc ba cuốn, có chú thuộc bốn cuốn. Tuy chưa thuộc hết bốn cuốn luật Tiểu, nhưng bấy giờ điệu Hải tỏ ra là người mạnh dạng nhất, còn chúng tôi phần nhiều là rụt rè.

Tình pháp lữ

Vào ngày mồng 9, tháng 02, năm Mậu thân (1968), ngài Thanh Quý-Chân Thiệt viên tịch, đến ngày chung thất trai tuần của Tổ sư Thanh Quý, các chú Tiểu chùa Từ Hiếu bấy giờ như điệu Hải, điệu Hùng, điệu Trí đều được các vị Thầy lớn ở chùa Tổ cho thọ Sa di trước linh đài của Tổ sư Thanh Quý-Chơn Thiệt và kế thừa thiên hệ từ ngài Thanh Quý-Chơn Thiệt, nên điệu Hải được Hòa thượng Trừng Liên-Quang Diệp ban cho pháp danh Trừng Sơn-Chí

Thắng; điệu Hùng là pháp danh Trùng Dũng-Chí Viên; điệu Trí là pháp danh Trùng Huệ-Chí Mậu, điệu Thiện, điệu Chính, điệu Thọ thì đi chùa khác, điệu Thiêm thì bị mất tích trong tết Mậu thân.

Sau Mậu thân, điệu Hải trở thành Sư chú Sa di và xin đi vào chùa Long Sơn ở với Hòa thượng Chí Tín và theo học trường Bồ đề Nha Trang.

Năm 1973, tại Phật học viện Trung phần Hải đức Nha Trang, Hòa thượng Thích Trí Thủ tổ chức Đại giới đàn Phước Huệ và Ngài làm đàn chủ, ngài Phước Hộ làm đàn đầu, Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Chánh chủ khảo, giới đàn diễn ra cực kỳ trang nghiêm và thanh tịnh, giới tử chúng tôi bấy giờ mọi người đều phải trải qua ba buổi khảo hạch. Lần thứ nhất là tụng thuộc lòng bốn cuốn luật Tiểu. Lần thứ hai là thi viết, trả lời nhiều câu hỏi Phật pháp và có một bài tự luận. Lần thứ ba là thi vấn đáp trực tiếp từ những vị giám khảo. Tôi và Sa di Chí Thắng đều đã vượt qua được các kỳ khảo hạch này. Ở trong giới đàn này, các giới

tử trúng tuyển sau ba lần khảo thí đã được Thập sư trao cho cả giới pháp Tỷ kheo và Bồ tát ở trong đại giới đàn này. Tuy, giới đàn có rất nhiều giới tử, nhưng chúng tôi vẫn nhận ra nhau và rất vui mừng khi được gặp nhau ở trong đại giới đàn này và cùng nhau được Tăng xác chứng là thành viên chính thức đứng vào hàng ngũ Chúng trung tôn. Từ đó cho đến tận hôm nay đối với chúng tôi, không có tình cảm nào đẹp hơn và quý hơn bằng tình cảm pháp lữ này.

Từ hiếu và Phước thành

Sau biến cố 1975, thầy Chí Thắng về lại chùa Tổ tiếp tục tu học, bấy giờ Hòa thượng Thích Chí Niệm Trụ trì, thấy sư đệ lanh lợi, tháo vác mọi công việc, liền giao trách nhiệm Tri sự Tổ đình Từ Hiếu, thay Hòa thượng Chí Niệm điều hành mọi công việc ở chùa Tổ, để Hòa thượng nhập thất, tĩnh dưỡng và chuyên tâm trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà vào những ngày cuối đời.

Thầy Tri sự Chí Thắng quy hoạch vườn chùa từng khu vực rất khoa học. Khu vực này trồng môn ngọt, khu vực kia trồng sa-bô-chê, khu vực nọ trồng khoai tía, khu vực khác trồng chè, trồng mít, nhưng có một khu vực đáng nói nhất là thầy đã quy hoạch để trồng tiêu. Vườn tiêu xanh tốt, xinh đẹp, sây trái, trái tiêu chín cay và thơm, có hiệu quả kinh tế cao của Tổ đình Từ Hiếu, vườn tiêu ấy đã nổi tiếng một thời.

Bây giờ, tại Tổ đình Từ Hiếu, Hòa thượng Thích Chí Niệm viên tịch, cả thầy Tri sự Chí Thắng, thầy Tri điền Chí Mậu đều được Hòa thượng Thích Đức Tâm, Trú trì chùa Pháp Hải thuộc Môn phong Tổ đình Từ Hiếu thương quý, chăm sóc, giáo dưỡng để giữ gìn tài sản của Tổ đình từ những giá trị vật thể đến phi vật thể.

Hòa thượng Thích Đức Tâm thành lập Nông thiền Từ Hiếu, giao cho thầy Chí Thắng chịu trách nhiệm điều hành, thầy Chí Thắng đã điều hành xuất sắc, khiến Nông thiền phát triển càng ngày càng tốt đẹp, con

cháu của chùa Tổ cùng nhau quy tụ làm ruộng, giải quyết những khó khăn về kinh tế của các chùa và lại giữ gìn ruộng đất của chùa Tổ ở vùng Tây Lộc, Tây Linh cho đến ngày hôm nay.

Năm 1980, dòng Tôn thất cúng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, ngôi chùa Bà Sư, tọa lạc tại đường Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Thành Phố Huế. Bấy giờ Hòa thượng Thích Thanh Trí, Chánh đại diện Giáo Hội, tiếp nhận sự cúng dường ngôi chùa Bà Sư này từ những vị có trách nhiệm trong hội đồng gia tộc Tôn thất và công cử thầy Chí Thắng về làm Trú trì chùa Phước Thành giữ gìn ngôi Tam bảo ở đây để hoằng dương Phật pháp.

Thầy Chí Thắng nhận ngôi chùa Bà Sư đầy mục nát, trời nắng thì nắng dọi, trời mưa thì mưa dột, từ nơi chính quyền địa phương, vì sau 1975, chính quyền bấy giờ đã lấy và sử dụng ngôi chùa này làm kho chõn đốt.

Từ một ngôi chùa như thế, mà thầy Chí Thắng và vài ba học trò tiếp nhận, không có một đôi đũa, một chén bát, một bàn ghế, chỉ có một vài tủ thờ đã mục nát, chỉ một toilet nhỏ, bên nhà bếp, thầy tự xoay xở làm kính tế như làm hương, làm xiro, làm sớ giấy... khó khăn muôn vàn từ bên trong đến bên ngoài, thế mà ngày nay ngôi chùa Phước Thành trở thành ngôi Phạm vũ huy hoàng, đứng vững chãi bên bờ sông An Cựu, đối diện bên kia sông là cung An Định của một thuở hoàng kim và đã đóng góp vào sự nghiệp giáo dục và nghi lễ cho Phật giáo.

Duyên độ người và lòng hiếu hạnh

Thầy Chí Thắng xuất gia vào tuổi để chớm, nên thầy rất ý thức về đời sống của người xuất gia. Những ai có duyên xuất gia với thầy, thầy đều động viên học hành, nhưng không được phép bỏ việc tu tập và công việc chùa. Học trò của thầy Chí Thắng rất đông, phần nhiều các thầy đều có tu, có học. Hiện nay, thầy có gần cả trăm vị học trò xuất gia.

Thầy lại sống rất có hiếu với cha và mẹ. Song thân của thầy đều thọ trì tại gia Bồ tát giới, ăn chay trường, hết lòng tín kính Tam bảo. Thầy cũng có một cô em gái xuất gia ở chùa Diệu Viên là cô Diệu Thiện.

Khi còn sinh tiền, phụ thân của thầy thường làm công quả tại Tổ đình Từ Hiếu phụ giúp chư Tăng lao tác vườn tược và đã qua đời trước mẫu thân. Thầy đã đưa mẫu thân lên ở chùa Phước Thành ở để chăm sóc, khuyến tấn mẫu thân tu hành. Thầy đã cải gia vi tự. Biền ngôi nhà của thầy trở thành ngôi chùa Phước Hải ngày nay. Những ngày giỗ chạp trong gia thân, thầy lo liệu rất chu đáo.

Một bàn tay, một tâm lòng

Trong trận lũ lịch sử năm 1999, thầy Chí Thắng không những cùng với chúng tôi lo việc cứu trợ cho quần chúng bị thiên tai, mà còn cho Ban tổ chức chúng tôi tạm mượn tài chánh để thực hành việc cứu giúp cấp thời đến bà con bị hoạn nạn trong lũ lụt. Sau

khi cứu trợ hoàn tất, Ban tổ chức đã hoàn trả tài chánh cho thầy và rất biết ơn thầy rất nhiều.

Chùa Phước Duyên, sau trận lũ lịch sử 1999, đã bị xuống cấp trầm trọng, năm 2000, Hòa thượng Trú trì và Tăng chúng của chùa quyết định trùng tu chùa, thầy Chí Thắng biết được, liền khích lệ và rất hoan hỷ cho mượn một ít tài chánh để chúng tôi trùng tu chùa. Sau khi chùa Phước Duyên đã trùng tu hoàn tất, chúng tôi đã hoàn trả tài chánh lại cho thầy và rất cảm ơn tấm lòng vàng của thầy.

Tuy, thầy Chí Thắng đã rời chùa Tổ để đi hoằng pháp ở một trú xứ khác, xây dựng và phát triển những Phạm vũ khác cho Phật giáo, nhưng mỗi khi chùa Tổ cần bất cứ điều gì mà thầy có thể chia sẻ, đảm nhiệm được là thầy rất sẵn sàng và hết lòng hỗ trợ. Thầy Chí Thắng là một vị trong những vị rất hết lòng kính quý và tôn trọng nề nếp Môn phong.

Thầy Chí Thắng là một bàn tay nối dài từ Phật pháp đến quần chúng và là cả một tấm lòng đối với Tôn phong pháp lữ.

Nhân kỷ niệm ba mươi năm, ngày thầy Chí Thắng tiếp nhận và Trụ trì chùa Phước Thành, tôi viết bài này để cảm ơn thầy, cảm ơn song thân của thầy, cảm ơn những học trò xuất gia và tại gia của thầy và nhất là cảm ơn những nghịch cảnh của cuộc đời, đã tạo nên những bàn tay cứng rắn, những tấm lòng kiên trung đối với ngôi Tam bảo, trong vườn hoa đạo lý Phước Thành suốt ba mươi năm qua, mà thầy Chí Thắng đã dày công dựng xây với tất cả tấm lòng.

Thích Thái Hòa

CÁC TÁC PHẨM CỦA TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN

- 1/ Tay Buông Ráng Hồng - NXB Thời Đại - 2011
- 2/ Thanh Thoi Mọi Nẻo Đường Về - NXB Hồng Đức - 2012
- 3/ Nhân Duyên Học - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 4/ Miên Điện Mặt Trời Lên - NXB Phương Đông - 2013
- 5/ Đi Vào Bản Nguyên Tĩnh Độ - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 6/ Kinh Kim Cang Tam Muội- NXB Hồng Đức - 2013
- 7/ Trường Ca Cho Em (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 8/ Tiếng Vọng Hải Triều - NXB Hồng Đức - 2014
- 9/ Như Dấu Chim Bay - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 10/ Phật Học Ứng Dụng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 11/ Giác Mơ Tây Tạng - NXB Phương Đông - 2014
- 12/ Nguồn Sáng Vô Tận - NXB Hồng Đức - 2014
- 13/ Sương Động Ven Trời (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

14/ Yếu Chỉ Tu Tập Và Hành Đạo - NXB Phương Đông - 2015

15/ Trong Con Mắt Thiền Quán - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

16/ Trong Con Mắt Thiền Quán - NXB Hồng Đức - 2015 (tái bản).

17/ Khung Trời Vàng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

18/ Kim Cang Bát Nhã - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2016

19/ Kim Cang Bát Nhã Trong Dòng Lịch Sử - NXB Hồng Đức - 2016

20/ Lời Ru Chạm Mặt Trời - NXB Hồng Đức - 2016

21/ Gió Đùa Reo Nắng Mới - NXB Hồng Đức - 2016

22/ Joyful Wind In New Sunlight - NXB Hồng Đức - 2016

23/ Lời Pháp Tinh Lòng Mê - NXB Hồng Đức - 2016

24/ Tình Như Cánh Hạc - NXB Hồng Đức - 2017

25/ Đường Mây (Tho) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2017

26/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Đức Phật - NXB Hồng Đức - 2017

27/ Niềm Tin Bất Hoại Đối với Chánh Pháp - NXB Hồng Đức - 2017

28/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Tăng - NXB Hồng Đức - 2017

29/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Thánh Giới - NXB Hồng Đức - 2017

30/ A-Hàm Tuyển Chú (Giới thiệu - Dịch - Chú giải) NXB Hồng Đức - 2017

31/ Ứng Dụng Tứ Tất Đàn - NXB Hồng Đức - 2017

32/ Tay Buông Ráng Hồng - Tiếng Anh (Letting Go)- NXB Hồng Đức - 2017

33/ Nói Với Cõi Người Ta - NXB Hồng Đức - 2017

34/ Pháp Hoa Tinh Yếu - NXB Hồng Đức - 2017

35/ Phổ Môn Chú Giảng- NXB Hồng Đức - 2018

36/ Hương Giữa Gió Ngàn - NXB Hồng Đức - 2018

37/ Mở Lớn Con Đường - NXB Hồng Đức - 2018

38/ Giọt Nắng Ngàn Khơi - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018

- 39/ Mây Trắng Hỡi Đường Qua - NXB Hồng Đức 2018
- 40/ Tình Phơi Trên Đá Trắng - NXB Hồng Đức - 2018
- 41/ Đôi Mắt Tình Xanh Biếc - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018
- 42/ Tư Tưởng Duy Ma Cật Từ Một Góc Nhìn - NXB Hồng Đức - 2018
- 43/ Thanh Thoi Giữa Đôi Dòng - NXB Hồng Đức - 2018
- 44/ Hướng Đi Của Chúng Ta - NXB Hồng Đức - 2019
- 45/ Mây Gió Thong Dong - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019
- 46/ Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2019
- 47/ Hoa Nở Trong Vòng Tục Lụy - NXB Hồng Đức - 2019
- 48/ Xuân Và Thi Ca - NXB Hồng Đức - 2019
- 49/ Thi kệ Và Đại Nguyện Tĩnh Độ - NXB Hồng Đức - 2019
- 50/ Chuyện Tấm Cám Trong Con Mắt Thiên - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019
- 51/ Tư Tưởng Thăng Man Sư Tử Hống Từ Góc Nhìn Như Lai Tạng - NXB Hồng Đức - 2019.

52/ Niệm Phật Trong Thiền Quán - NXB Hồng Đức - 2020

53/ Con Đường Thực Nghiệm Tâm Linh - NXB Hồng Đức - 2020

54/ Lời Pháp Tiễn Đưa Người - NXB Hồng Đức - 2020

55/ Bước Chân Trên Mọi Nẻo Đường (Thơ) - NXB. Tổng Hợp TP HCM- 2021

56/ Phật thuyết A-di-đà Kinh - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải -NXB Hồng Đức - 2021

57/ Những Cánh Hoa Trên Đường- NXB Hồng Đức - 2021

Vi tính: Nghiêm Minh

Chính tả: Tuệ Nguyên

Bìa: Bảo An

Công ấn: Nhuận Pháp Nguyên